BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tiếng Việt

TẬP HAI

5

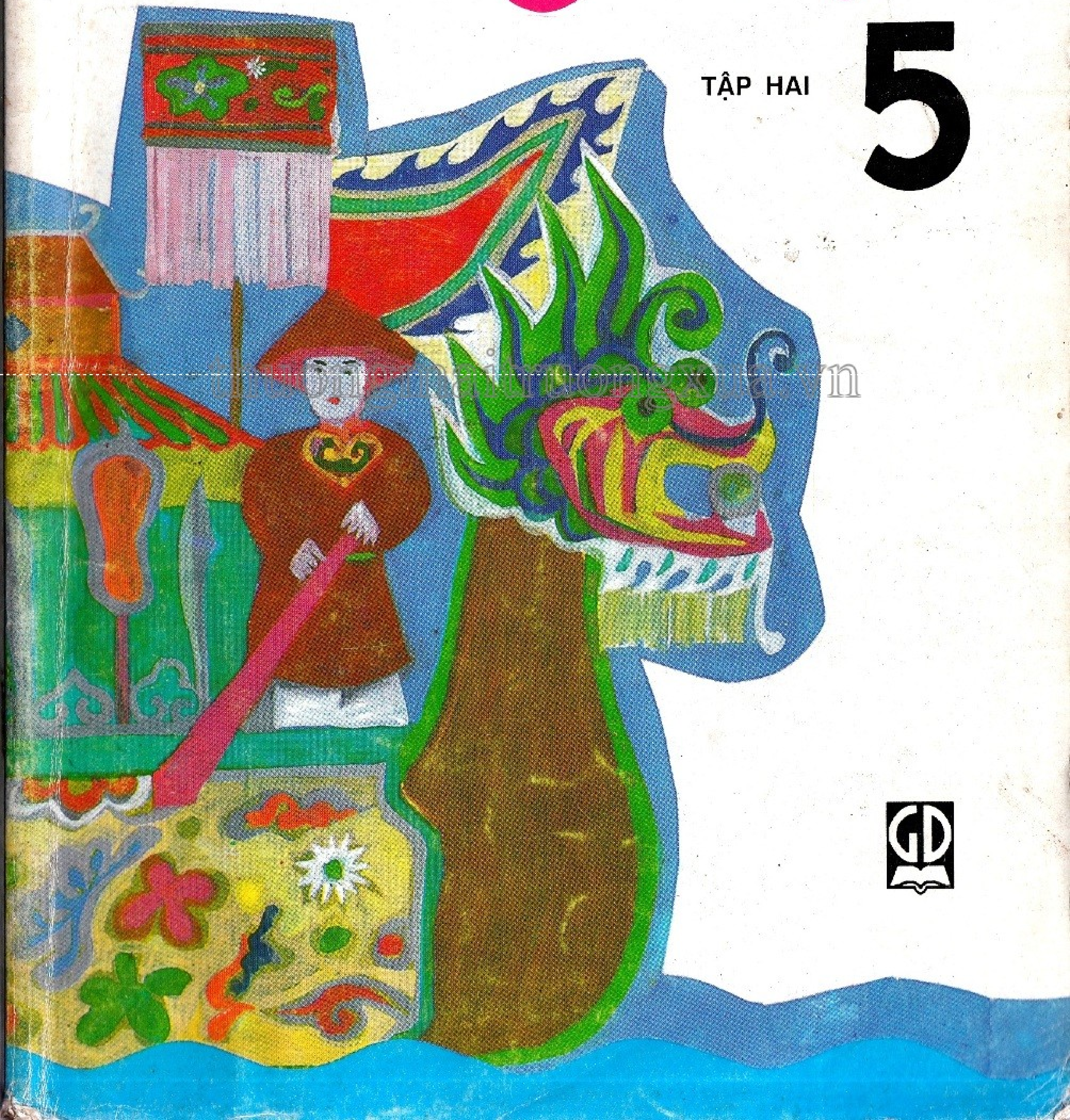

A	B
– Tiếng gió trên bờ tre rì rào	– tổ 2 tập nhảy xa.
– Trên bãi tập, tổ 1 tập nhảy cao	– tiếng lá khô xào xạc dưới chân.

2. Đặt 2 câu ghép đẳng lập có từ *nhưng* để gắn các vế câu.

TIẾT 19

CÂU GHÉP ĐẲNG LẬP

(Tiếp theo)

I – Bài học

A – Ví dụ 1. Mọi người vỗ tay ran lên : Hồ Chủ tịch đã đến !

2. Mặt trời lên, sương mù tan dần.

3. Đất nước ta giàu đẹp ; nhân dân Việt Nam ta cần cù.

thuongmaitr

– Các vế của câu ghép đẳng lập (VD_1) ngăn cách nhau bằng dấu gì ?

– Các vế của câu ghép đẳng lập (VD_2, VD_3) ngăn cách nhau bằng dấu gì ?

– Vế câu ghép đặt sau dấu hai chấm (:) có tác dụng gì đối với vế câu thứ nhất ?

B – Dấu phẩy, dấu hai chấm hoặc dấu chấm phẩy đặt giữa câu để ngăn cách các vế câu ghép đẳng lập. Dấu phẩy được dùng nhiều hơn cả.

– Vế câu ghép đặt sau dấu hai chấm (:) giải thích, nêu rõ ý cho vế câu đứng trước nó (VD_1).

GHI NHỚ

Các vế câu ghép đẳng lập có thể ngăn cách nhau bằng dấu phẩy, dấu hai chấm hoặc dấu chấm phẩy. Dấu phẩy được dùng nhiều hơn cả.

Vế câu ghép đặt sau dấu hai chấm (:) nhằm giải thích, bổ sung ý cho vế câu đứng trước nó.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. a) Tìm bộ phận chính (C – V) của từng vế câu trong những câu ghép đẳng lập sau :

– Buổi chiều, chị Cúc | tưới rau, bé Xuân | cho gà ăn.

– Cảnh vật | xung quanh | tôi đang có sự thay đổi lớn : hôm nay tôi | đi học.

(Thanh Tịnh)

ruongxua.vn

b) Các vế câu ghép trên ngăn cách nhau bằng dấu gì ?

2. Đoạn văn sau có mấy câu ghép đẳng lập ?

Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí đó không bao giờ thay đổi.

(Hồ Chí Minh)

B – Ở nhà

1. a) Những câu ghép đẳng lập sau có mấy vế câu ? Xác định bộ phận chính (C–V) của từng vế câu :

– Sấm chớp | ầm ầm, gió | dữ dội hơn, mưa | như trút nước xuống.

– Sân ga | ồn ào, nhộn nhịp : đoàn tàu | đã đến !

b) Những dấu câu nào ở trên được dùng để ngăn cách các vế câu ?

2. Thêm 1 vế câu vào chỗ trống để có những câu ghép đẳng lập. Dùng dấu câu thích hợp để ngăn cách các vế câu :

thuongmait

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LÊ CẬN (Chủ biên)
TRỊNH MẠNH - ĐINH TẤN KÝ - ĐỖ LÊ CHẨN - LÊ BIÊN
ĐỖ QUANG LƯU - NGUYỄN CÓ - LƯU ĐỨC KHÔI

Tiếng Việt

5

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ mười chín)

uongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

– Trăng rất sáng... trời đầy sao

– Một giọng hát du dương cất lên... Mọi người vỗ tay giòn giã

TIẾT 20

CÂU GHÉP CHÍNH PHỤ

I – Bài học

A – Ví dụ

1. Vì trời mưa to nên trận đấu bóng phải hoãn lại.

2. Nếu chúng em được về Thủ đô thì chúng em nhất định đi thăm lăng Bác Hồ.

– Những câu ghép chính phụ trên có mấy vế câu ?

– Trong những câu ghép ấy, vế câu nào diễn đạt ý chính của câu ?

– Các vế câu gắn với nhau bằng những từ chỉ quan hệ nào ?

thuongmaitr

B – Những câu ghép có hai vế câu, một vế diễn đạt ý chính, một vế diễn đạt ý phụ của câu ; các vế câu gắn với nhau bằng cặp từ chỉ quan hệ là *câu ghép chính phụ*.

– Câu ghép chính phụ thường dùng các cặp từ chỉ quan hệ (*vì... nên...* ; *nếu... thì...*). Mỗi từ trong cặp từ chỉ quan hệ đi với một vế câu ghép.

GHI NHỚ

Câu ghép chính phụ chỉ có hai vế câu. Các vế câu có quan hệ phụ thuộc lẫn nhau về ý và gắn với nhau bằng cặp từ chỉ quan hệ (*vì... nên...* ; *nếu... thì...*).

Trong câu ghép chính phụ, một vế nêu ý chính và một vế nêu ý phụ.

Mỗi từ trong cặp từ chỉ quan hệ đi với một vế câu ghép.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1.a) Những câu ghép chính phụ sau có mấy vế câu ?

– Vì gió thổi mạnh nên cây bị đổ.

– Nếu trời nắng thì lớp ta sẽ đi cắm trại.

b) Xác định vế chính của những câu ghép trên.

2. Hãy ghép một vế câu ở cột A với một vế câu ở cột B, thêm những từ chỉ quan hệ thích hợp để có những câu ghép chính phụ hoàn chỉnh :

A	B
trời mưa	bạn ấy đạt kết quả tốt trong kì thi học kì.
bạn Đào chăm chỉ học tập	rau màu phát triển nhanh.

B – Ở nhà

truongxua.vn

1. a) Xác định vế chính trong những câu ghép sau :

– Vì gió mùa đông bắc về nên trời trở lạnh.

– Nếu em học giỏi thì bố em sẽ thưởng cho em một hộp bút chì màu.

b) Những cặp từ chỉ quan hệ nào gắn các vế của các câu ghép đó ?

2. Tìm từ chỉ quan hệ thích hợp và một vế câu để tạo thành những câu ghép chính phụ hoàn chỉnh :

a) Tuy bạn Tuyết là một học sinh giỏi...

b) Vì xe bị hỏng ở dọc đường...

**3. Hãy nhận xét ý của các câu ghép chính phụ a và b dưới đây khác nhau thế nào ?

a) Vì bạn Dũng chăm tập thể dục nên bạn ấy rất khỏe.

b) Nếu bạn Dũng chăm tập thể dục thì bạn ấy rất khỏe.

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập lần đầu :
NGUYỄN NGHIỆP
NGUYỄN NGỌC BẢO

Biên tập tái bản :
NGUYỄN VĂN HOÀ

Minh hoạ :
TRẦN TIỂU LÂM

Trình bày bìa :
ĐẶNG XUÂN HOÀ

Biên tập kĩ thuật :
TÀO THANH HUYỀN

Sửa bản in :
PHAN TỰ TRANG

Chế bản :
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

4(V)(075) / GD – 05 — 1374/108–04 — Mã số: 1H514t5

thuongmaitr

TẬP ĐỌC

TIẾT 35

QUA THẬM THÌNH

Đi qua xóm núi Thậm Thình
Bâng khuâng nhớ nước non mình nghìn năm.

Vua Hùng một sáng đi săn
Trưa tròn bóng nắng nghỉ chân chốn này.
Dân dâng một quả xôi đầy
Bánh chưng mấy cặp, bánh giầy mấy đôi.
Đẹp lòng vua phán bầy tôi
Tìm đất kén thợ định nơi xây nhà.
Trăm cô gái tựa tiên sa
Múa chày đôi với chày ba rập rình.
Đêm đêm tiếng *thậm* tiếng *thình*
Cối gạo đầy cả nghĩa tình nước non.

Không còn dấu cũ lầu son
Phía sau thành phố khói vờn trong mây.
Trời cao. Bóng tỏa đường cây
Nhịp chày xưa thoảng đâu đây... thậm thình.

NGUYỄN BÙI VỢI

*** Chú giải**

– ***Thậm Thình*** thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ, tục truyền đây là nơi vua Hùng dựng lầu và đặt kho chứa gạo. Tính từ đời Hùng Vương đến nay khoảng bốn nghìn năm.

tuongxua.vn

TIẾT 21

CÂU GHÉP CHÍNH PHỤ

(Tiếp theo)

I – Bài học

A – Ví dụ

1. Vì nước rút chậm nên việc gieo cấy gặp khó khăn.

2. Nếu mỗi bạn trồng ba cây thì lớp ta sẽ trồng vượt mức hai mươi cây.

3. Tuy nhà rất xa nhưng bạn An vẫn đến trường đúng giờ.

– Cặp từ chỉ quan hệ "*vì... nên...*" nêu ý gì cho câu ghép chính phụ ?

– Cặp từ chỉ quan hệ "*nếu... thì...*" nêu ý gì cho câu ghép chính phụ ?

– Cặp từ chỉ quan hệ "*tuy... nhưng...*" nêu ý gì cho câu ghép chính phụ ?

thuongmaitr

B – Trong câu ghép chính phụ, các cặp từ chỉ quan hệ làm cho ý của các vế câu gắn bó chặt chẽ.

– Quan hệ về ý giữa vế chính với vế phụ của câu được diễn đạt bằng các từ chỉ quan hệ.

– Các cặp từ chỉ quan hệ thường dùng trong câu ghép chính phụ :

+ *vì... nên...* : chỉ quan hệ nguyên nhân – kết quả.

vì... (vế phụ chỉ nguyên nhân) *nên...* (vế chính chỉ kết quả)

Câu ghép có cặp từ "*vì... nên...*" là *câu ghép chỉ nguyên nhân kết quả* (nhân – quả).

+ *nếu... thì...* : chỉ quan hệ điều kiện – kết quả.

Câu ghép có cặp từ "*nếu... thì...*" là *câu ghép chỉ điều kiện – kết quả.*

+ *tuy... nhưng...* : chỉ quan hệ nhượng bộ.

Câu ghép có cặp từ chỉ quan hệ "*tuy... nhưng...*" là *câu ghép chỉ quan hệ nhượng bộ*.

Chú ý : Khi dùng các từ chỉ quan hệ trong câu ghép chính phụ có 2 cách diễn đạt :

– Dùng cặp từ chỉ quan hệ theo trật tự thông thường :

vế phụ (chỉ nguyên nhân) – vế chính (chỉ kết quả).

Ví dụ : *Vì* nước rút chậm *nên* việc gieo cấy gặp khó khăn.

– Đặt vế chính của câu (bỏ từ chỉ quan hệ) lên trước để nhấn mạnh ý, từ chỉ quan hệ và vế phụ đặt sau :

Ví dụ : Việc gieo cấy gặp khó khăn *vì* nước rút chậm. (đối với các cặp từ : *nếu... thì... ; tuy... nhưng...* cũng dùng như thế)

GHI NHỚ

> Trong câu ghép chính phụ, ý của các vế câu được gắn bó chặt chẽ nhờ có những cặp từ chỉ quan hệ.
>
> Các cặp từ chỉ quan hệ thường dùng là : *vì... nên...* (chỉ quan hệ nguyên nhân – kết quả) ; *nếu... thì...* (chỉ quan hệ điều kiện – kết quả) ; *tuy... nhưng...* (chỉ quan hệ nhượng bộ) ; v.v...

truongxua.vn

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Xác định vế câu, nêu ý chính (được thể hiện trong vế chính) của những câu ghép chính phụ sau :

a) Vì đường trơn nên xe đi rất chậm.

b) Tuy bài vở hôm nay rất nhiều nhưng em vẫn giúp đỡ được cha mẹ em như mọi ngày.

2. Thêm từ chỉ quan hệ và vế câu vào chỗ trống để có những câu ghép chính phụ hoàn chỉnh :

a) Tuy bạn Minh đau chân...

b) Nếu bạn Hồng không đến...

– *Tiếng thậm tiếng thình : thậm thình* là từ tượng thanh mô phỏng tiếng chày giã gạo.

– *Quả :* thứ đồ dùng hình trụ bằng tre hoặc gỗ, thường sơn đỏ, có nắp đậy, dùng đựng xôi hoặc trầu cau trong các buổi lễ long trọng.

– *Bầy tôi :* chỉ các quan dưới quyền vua.

– *Giã gạo chày đôi, chày ba :* hai hoặc ba người dùng chày để cùng giã chung một cối gạo.

– Thành phố nói trong bài là khu công nghiệp Việt Trì, nơi ta đã xây dựng nhiều nhà máy.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* bâng khuâng, nước non mình nghìn năm, rập rình.

2. *Đọc diễn cảm :* toàn bài đọc giọng thong thả, thiết tha để diễn tả tâm trạng bồi hồi khi đứng trước một di tích lịch sử và lòng biết ơn người xưa.

Đọc nhấn mạnh các từ ngữ : *bâng khuâng nhớ nước non mình, dân dâng, đẹp lòng, đầy cả nghĩa tình, không còn, khói vờn trong mây.*

thuongmaitr

*** Tìm hiểu bài**

1. Tại sao đi qua Thậm Thình, tác giả lại nhớ về xa xưa ?

2. Tìm những ý chứng tỏ nhân dân ta rất quý trọng vua Hùng và làm theo lời vua.

3. Câu "Cối gạo đầy cả nghĩa tình nước non" ý nói gì ?

4. Qua bốn câu cuối, tác giả muốn nói lên ý gì ?

* Học thuộc lòng bài thơ.

TIẾT 36

YẾT KIÊU

1. Giặc Nguyên xâm lược nước Đại Việt ta. Yết Kiêu gặp cha

Yết Kiêu : - Con đi giết giặc đây, bố ạ !

Người cha : - Mẹ con mất sớm, bố thì tàn tật không làm gì được.

Yết Kiêu : - Bố ơi ! Nước mất thì nhà tan...

Người cha : - Ấy, cha cũng nghĩ đến chuyện đó. Thôi, con cứ đi.

2. Yết Kiêu yết kiến vua Trần Nhân Tông

Nhà vua : - Trẫm cho nhà ngươi nhận lấy một loại binh khí.

Yết Kiêu : - Tôi chỉ xin một chiếc dùi sắt.

Nhà vua : - Để làm gì ?

Yết Kiêu : - Để dùi thủng chiến thuyền của giặc vì tôi có thể lặn hàng giờ dưới nước.

tuongxua.vn

Nhà vua : - Người dân thường mà phi thường. Trẫm muốn biết ai dạy ngươi ?

Yết Kiêu : - Dạ tâu bệ hạ, người đó là cha tôi.

Nhà vua : - Ai dạy cha ngươi ?

Yết Kiêu : - Ông tôi.

Nhà vua : - Ai dạy ông ngươi ?

Yết Kiêu : - Vì căm thù quân giặc và noi gương người xưa mà ông tôi tự học lấy.

3. Yết Kiêu đục thuyền giặc, chẳng may bị giặc bắt

Tướng giặc : - Mi là ai ?

Yết Kiêu : - Ta là Yết Kiêu, một chàng trai đất Việt.

3. Với mỗi cặp từ chỉ quan hệ dưới đây, em hãy đặt một câu ghép chính phụ nói về việc sinh hoạt vui chơi của em :

nếu... thì...

vì... nên...

B – Ở nhà

1. Chọn một vế câu ở cột A ghép với một vế câu ở cột B để có những câu ghép chính phụ hoàn chỉnh (chú ý dùng đúng các cặp từ chỉ quan hệ) :

A	B
– Bố mẹ cho phép	– lớp 5A vẫn rất trật tự.
– Cô giáo chưa đến	– em sẽ đi bơi.

2. Cách dùng cặp từ chỉ quan hệ và dấu chấm câu trong những câu ghép chính phụ sau có chỗ chưa đúng, em hãy chữa lại :

a) Tuy đoàn tàu khởi hành chậm hai mươi phút. Vậy nó vẫn đến ga đúng giờ quy định.

b) Nếu em làm xong bài tập. Thì em sẽ đi xem phim.

thuongmaitr

**3. Để nhấn mạnh ý chỉ kết quả, em có thể diễn đạt câu sau như thế nào ? (đặt vế chính của câu ghép chính phụ lên đầu câu).

Vì thời tiết xấu nên chiếc máy bay không hạ cánh được.

TIẾT 22

CÁC DẤU CÂU :
DẤU CHẤM PHẨY, DẤU HAI CHẤM

I – Bài học

A – Ví dụ

1. Đất nước ta giàu đẹp ; nhân dân Việt Nam ta cần cù.

2. Chiến công kì diệu mùa xuân năm 1975 đã diễn ra trong thời gian rất ngắn : 55 ngày đêm.

3. Tôi hỏi nội[*] tôi : "Dừa có tự bao giờ ?"

Nội nói : "Lúc nội còn con gái

Đã thấy bóng dừa mát rượi trước sân...".

(Lê Anh Xuân)

– Dấu chấm phẩy có nhiệm vụ gì trong câu ? (VD_1)

– Từ ngữ "55 ngày đêm" đặt sau dấu hai chấm giải thích cho ý nào của câu ? (VD_2)

– Dấu hai chấm có nhiệm vụ gì trong những dòng thơ trên ? (VD_3)

B – *Dấu chấm phẩy* (;) dùng để ngăn cách các vế câu ghép đẳng lập.

Khi đọc phải ngắt hơi ở dấu chấm phẩy.

– *Dấu hai chấm* (:) được dùng khi :

+ dẫn lời nói trực tiếp (thường đi kèm với dấu ngoặc kép). (VD_3)

+ dẫn lời mở đầu hội thoại (thường đi kèm với dấu gạch ngang). Ví dụ : Bạn Hà hỏi Cúc :

– Cúc ơi, hôm nay thứ mấy ?

+ giải thích cho một điều đã nêu ở trước. (VD_2)

+ liệt kê.

Ví dụ : Lớp ta có : 25 bạn nam và 17 bạn nữ.

GHI NHỚ

1. Dấu chấm phẩy dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép đẳng lập.

Khi đọc phải ngắt hơi ở dấu chấm phẩy (quãng ngắt dài hơn so với dấu phẩy, ngắn hơn so với dấu chấm).

2. Dấu hai chấm dùng để dẫn lời nói trực tiếp, để dẫn lời mở đầu câu hội thoại hoặc để liệt kê sự việc, giải thích rõ thêm điều nêu ra ở trước đó.

Khi đọc phải ngắt hơi ở dấu hai chấm.

(*) *nội* : bà nội.

truongxua.vn

thuongmaitr

Tướng giặc : - Mi đục mấy chục chiến thuyền của ta phải không ?

Yết Kiêu : - Phải !

Tướng giặc : - Phải là thế nào ?

Yết Kiêu : - Phải là lẽ phải thế !

Tướng giặc : - A à, thằng này láo ! Quân đâu, lôi nó ra chém đầu !

Yết Kiêu : - Một việc làm vô ích. Chiến thuyền của ngươi vẫn đắm.

Tướng giặc : - Này, ta hỏi thật, nước Nam có nhiều người lặn giỏi như mi không ?

Yết Kiêu : - Nhiều không đếm xuể. Ta là loại kém nhất, làm không khéo nên mới bị bắt.

Tướng giặc : - Mi dẫn ta đi bắt bọn đó, được chứ ?

Yết Kiêu : - Được, cởi trói ra !

Tướng giặc sai lính cởi trói cho Yết Kiêu. Bất ngờ, Yết Kiêu nhảy tùm xuống nước, lặn biến đi.

Tướng giặc : - Bắt lấy Yết Kiêu ! Bắt lấy Yết Kiêu !

Bắt lấy... ! Thôi chết rồi ! Đường thủy ta không dùng được nữa rồi !

LÊ THI

Trích "Chuyện hay sử cũ"

*** Chú giải**

– *Yết Kiêu* : một tướng giỏi đời Trần, đã lập được nhiều chiến công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ ba. Ông vốn làm nghề đánh cá, có tài lặn rất lâu dưới nước, đục thủng làm đắm nhiều thuyền chiến của giặc.

ruongxua.vn

– *Đại Việt* : tên nước ta thời Trần.

– *Thăng Long* : tên gọi kinh đô nước ta thời Lý – Trần, tức Hà Nội ngày nay.

– *Yết kiến* : đến ra mắt người bậc trên.

– *Trẫm* : tiếng nhà vua dùng để tự xưng mình.

– *Bệ hạ* : tiếng mọi người dùng gọi vua để tỏ lòng tôn kính.

– *Phi thường* : khác thường, ý nói có tài hơn hẳn mọi người.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng* : trẫm, chiến thuyền, không đếm xuể.

2. *Luyện đọc diễn cảm văn đối thoại* : lời của các nhân vật cần đọc giọng khác nhau :

II - Luyện tập

A – Ở lớp

1. Dấu chấm phẩy có tác dụng gì trong câu ghép sau :

... Dưới ánh trăng này, dòng thác nước đổ xuống làm chạy máy phát điện ; ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên con tàu lớn.

(Thép Mới)

2. Trong những câu sau đây, dấu hai chấm có tác dụng gì ?

a) Cảnh vật xung quanh tôi đang có sự thay đổi lớn : hôm nay tôi đi học.

b) Bố dặn bé Lan : "Con phải học xong mới được đi chơi đấy !".

B – Ở nhà

1. Tìm một dấu câu có thể thay dấu chấm phẩy trong câu sau :

Những cảnh tuyệt đẹp của đất nước hiện ra : cánh đồng với những đàn trâu thung thăng gặm cỏ ; dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi.

thuongmaitr

2. Từ ngữ "*sông Tiền và sông Hậu*" trong câu dưới đây đặt sau dấu hai chấm giải thích cho từ ngữ nào ở trước đó ?

Đồng bằng Nam Bộ có hai con sông lớn chảy qua : sông Tiền và sông Hậu.

**3. Đặt 3 câu có dùng dấu hai chấm :

– Một câu mang ý nghĩa liệt kê.

– Một câu để giải thích ý trước đó.

– Một câu dẫn lời nói trực tiếp.

TIẾT 23

CÁC DẤU CÂU

(Tiếp theo)

DẤU NGOẶC ĐƠN

I – Bài học

A – Ví dụ

Ngày 22 tháng 12 năm 1944, tại khu rừng Trần Hưng Đạo (Cao Bằng), Đội tuyên truyền giải phóng quân Việt Nam đã chính thức thành lập.

– Dấu ngoặc đơn có nhiệm vụ gì trong câu trên ?

– Nếu bỏ dấu ngoặc đơn và từ ghi trong đó, ý của câu văn còn có điểm gì cần được làm rõ thêm ?

B – Dấu ngoặc đơn dùng để đóng khung phần chú thích nhằm tách phần chú thích với các bộ phận khác của câu.

– Dấu ngoặc đơn đặt ngay sau từ ngữ cần chú thích.

tuongxua.vn

GHI NHỚ

Dấu ngoặc đơn dùng để đóng khung phần chú thích nhằm tách phần chú thích với bộ phận khác của câu.

Dấu ngoặc đơn đặt ngay sau từ ngữ cần chú thích. Bộ phận trong dấu ngoặc đơn làm rõ ý cho một từ, một đoạn văn đứng trước nó.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Những từ ngữ trong dấu ngoặc đơn đặt dưới những câu sau đây nêu rõ ý gì ?

a) Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp.

(Thép Mới)

cho biết tên tác giả của câu nói trên

– *Yết Kiêu :* khi nói với cha có giọng trìu mến nhưng cương quyết ; khi nói với vua có giọng đanh thép, tự tin ; khi nói với tướng giặc có giọng khẳng khái, bất khuất.

– *Lời người cha :* đọc giọng chậm rãi của một người già. Câu "Thôi, con cứ đi" đọc nhấn mạnh để tỏ rõ lòng yêu nước của người cha.

– *Lời vua :* câu đầu là câu cầu khiến, đọc giọng sai khiến như truyền lệnh. Câu khen "Người ... ngươi ?" : nhấn mạnh từ *phi thường*. Các câu còn lại là câu hỏi nên đọc cao giọng.

– *Lời tướng giặc :* đọc giọng hống hách, riêng câu cuối đọc giọng hoảng hốt, thất vọng.

• Tìm hiểu bài

Bài này có ba đoạn như ba màn kịch ngắn.

1. Ở đoạn 1, em hãy tìm những từ ngữ nói lên lòng yêu nước của Yết Kiêu và của người cha.

2. Ở đoạn 2, em hãy tìm những ý nói lên truyền thống yêu nước và căm thù giặc của nhân dân ta.

3. Khi đứng trước tên tướng giặc, Yết Kiêu có thái độ như thế nào ? Tìm những ý nói lên thái độ đó.

4. Màn kịch kết thúc bất ngờ như thế nào ? Vì sao tướng giặc nói : "Đường thủy ta không dùng được nữa rồi !" ?

thuongmaitr

TIẾT 37

MỘT SÁNG THU XƯA

Sáng hôm ấy, nắng nhuộm vàng mái đền cổ kính, Bác Hồ đã đến thăm đền Hùng và gặp các chiến sĩ đại đoàn Quân Tiên Phong đang đóng ở đây.

Bác nhìn khắp lượt các chiến sĩ ra đón rồi hỏi :

- Các chú có khỏe không ?

- Thưa Bác khỏe ạ !

Mọi người hồi hộp chờ Bác nói chuyện thì lại nghe Bác hỏi :

- Các chú có biết đền thờ ai đây không ?

Một chiến sĩ đứng gần thưa với Bác :

- Đền thờ một ông vua ạ !

- Nhưng vua nào ? Bác mỉm cười trìu mến nhìn bộ đội.

Một cán bộ trả lời :

- Dạ, vua Hùng !

- Thế các chú có biết vua Hùng là ông vua thế nào không ?

truongxua.vn

Tất cả đều lặng im. Bác giải thích :

- Vua Hùng là ông vua có công dựng nước, chính là ông Tổ của nước Việt Nam ta.

Rồi Bác ân cần dặn mọi người : "Các vua Hùng đã có công dựng nước, bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

Lời Bác Hồ dạy giản dị mà đầy ý nghĩa, còn vang vọng mãi trong lòng mọi người.

DOÀN MINH TUẤN
Trích "Núi sông hùng vĩ"

*** Chú giải**

– ***Thu xưa*** : đây là mùa thu năm 1954, lúc thực dân Pháp thua sắp rút khỏi miền Bắc.

b) Lá lành đùm lá rách.

(Tục ngữ)

2. Trong những câu sau, từ ngữ nào (in nghiêng) có thể là phần chú thích ? Em đặt dấu ngoặc đơn đóng khung phần chú thích đó :

a) Thấy động, giặc bắn ra liên hồi nhưng anh Ba Búa *vì chính người mặc áo lụa trắng là anh Ba Búa* đã vút xuống ruộng, thay bộ quần áo nông dân và chạy về khu du kích.

(Chuyện dũng sĩ Ba Búa)

b) Chuyến tàu Thống Nhất *Hà Nội đi Thành phố Hồ Chí Minh* khởi hành lúc 8 giờ sáng.

B – Ở nhà

1. Trong câu sau, phần chú thích nào trong dấu ngoặc đơn làm rõ ý cho một từ ngữ, phần chú thích nào cho biết xuất xứ của đoạn văn ?

Tây Bắc... là một vùng rộng lớn (1/4 diện tích miền Bắc) rất giàu và đẹp của nước ta, một hòn ngọc ngày mai của Tổ quốc.

(Bài ca Tây Bắc)

2. Đặt hai câu có dùng dấu ngoặc đơn :

– Một câu có phần chú thích trong ngoặc đơn làm rõ ý cho một từ ngữ.

– Một câu có phần chú thích trong ngoặc đơn cho biết xuất xứ của đoạn văn (hoặc đoạn thơ).

TIẾT 24

ÔN TẬP : CÁC DẤU CÂU

I – Nội dung cần ghi nhớ

BẢNG TÓM TẮT CÁC DẤU CÂU

Tên gọi	Dấu câu	Cách ghi dấu	Cách dùng trong câu	Ví dụ
Dấu chấm	.	đặt ngang dòng kẻ	đặt ở cuối câu kể	Mùa xuân đã đến.
Dấu chấm hỏi	?	đặt trên dòng kẻ	đặt ở cuối câu hỏi	Ai học giỏi nhất lớp ?
Dấu chấm cảm	!	đặt trên dòng kẻ	đặt ở cuối câu cảm hoặc câu cầu khiến	Trăng sáng quá ! Không nghịch điện !
Dấu phẩy	,	đặt từ dòng kẻ trở xuống	đặt ở giữa câu, tách các bộ phận trong câu, hoặc đặt giữa các vế trong câu ghép, v.v...	Ở biên giới, mùa này vẫn lạnh.
Dấu gạch ngang	–	đặt ngang trên dòng kẻ	đặt ở đầu câu hội thoại	– Mấy giờ rồi ? – Bây giờ.

uongxua.vn

– *Đại đoàn Quân Tiên Phong :* tên một đơn vị chủ lực của ta, đã lập nhiều chiến công trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* nắng nhuộm vàng, mỉm cười trìu mến, giữ lấy nước.

2. *Đọc diễn cảm :* cất cao giọng khi đọc các câu hỏi của Bác. Câu trả lời đọc giọng tôn kính. Câu Bác dặn mọi người cần nhấn mạnh các từ ngữ : *có công dựng nước, bác cháu ta, giữ lấy nước.*

*** Tìm hiểu bài**

1. Bác Hồ hỏi các chiến sĩ điều gì ?

2. Bác Hồ đã giải thích thế nào về vua Hùng ?

3. Câu Bác dặn các chiến sĩ có ý nghĩa gì ?

TIẾT 38

HOA HỒNG BUN-GA-RI

thuongmaitr

Hoa hồng Bun-ga-ri
Ôi ! Loài hoa diệu kì.

Hoa ở đâu chẳng biết
Theo người hay gió bay
Từ thế kỉ mười bảy
Hoa về mọc nơi đây.

Giữa bốn bề núi dựng
Một thung lũng hoa hồng
Mỗi năm một lần nở
Trời đất bắt đầu xuân.

Nhớ thời bọn vua chúa
Chúng cướp hết hoa hồng

Bàn tay gai chảy máu
Người dân chỉ tay không.

Đến thời bọn Hít-le
Chúng không cho hoa mọc
Muốn diệt hương thiên nhiên
Chỉ còn hương hóa học.

Nhưng cả bọn bạo tàn
Cuối cùng rồi tiêu diệt
Và thung lũng hoa hồng
Đẹp hơn bao giờ hết.

Ôi ! Loài hoa diệu kì
Hoa hồng Bun-ga-ri.

TẾ HANH
Trích "Theo nhịp tháng ngày"

ruongxua.vn

*** Chú giải**

– *Bun-ga-ri :* một nước ở châu Âu, nổi tiếng là xứ sở của hoa hồng. Bun-ga-ri xuất khẩu hoa hồng và nước hoa chế bằng tinh dầu hoa hồng.

Nhân dân Bun-ga-ri đã đánh đuổi bọn phát xít Hít-le chiếm đóng và giải phóng đất nước vào năm 1944.

– *Diệu kì :* ý trong bài nói đẹp một cách lạ lùng.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* Bun-ga-ri, diệu kì, thung lũng.

2. *Đọc diễn cảm :* luyện đọc câu "Ôi ! Loài hoa diệu kì" với giọng ca ngợi thán phục.

Khổ thơ 4, 5 : "Nhớ thời bọn vua chúa... hương hóa học" đọc giọng căm uất.

Khổ thơ 6 : đọc giọng mạnh và hào hứng.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào những chỗ có gạch chéo để câu văn đúng ngữ pháp :

a) Ngoài xa / dòng sông lào xào vỗ sóng / gió chạy loạt soạt trong cỏ / trăng đã lên cao / đêm đã khuya lắm /

(Nguyễn Đình Thi)

b) ... Trời rải mây trắng nhạt / biển mơ màng dịu hơi sương / trời âm u mây mưa / biển xám xịt nặng nề / trời ầm ầm dông gió / biển đục ngầu / giận dữ...

(Vũ Tú Nam)

2. Đoạn văn dưới đây là cuộc trò chuyện giữa hai anh bộ đội. Em hãy :

a) Đặt dấu gạch ngang ở đầu câu để chỉ rõ lời từng người.

b) Điền dấu thích hợp (dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm cảm) vào chỗ gạch chéo để diễn đạt đúng ý :

thuongmaitr

/ Cậu quê ở đâu / Sĩ ngắm đôi lông mày lưỡi mác trên khuôn mặt trắng trẻo của Moan /

/ Em ở gần đây / em người địa phương / anh Sĩ quê ở đâu /

/ Tất nhiên ở xa.

/ Anh thổi sáo hay quá /

/ Từ hồi bé đi chăn trâu, mình đã thích thổi sáo / cậu đã đến mười bảy chưa /

/ Anh đoán tuổi em chưa đúng đâu / đã mười tám rồi đấy /

(Nguyễn Minh Châu – *Dấu chân người lính*)

B – Ở nhà

1. Những câu văn sau quên ghi dấu câu. Em hãy ghi dấu chấm, dấu phẩy vào để có những câu viết đúng ngữ pháp và diễn đạt đúng ý người viết :

a) Trăng thanh gió mát bốn mùa nối nhau đi qua tháng hai thơm dịu hoa xoan tháng ba thoảng hương hoa nhãn tháng chạp ấm hương chuối dậy màu trứng cuốc bốn mùa cây gọi chim về mùa đông có những con chim bé xíu rúc vào mái rạ tránh rét mùa xuân chim én chao liệng trên mặt hồ.

b) Tre Đồng Nai nứa Việt Bắc tre ngút ngàn Điện Biên Phủ lũy tre thân mật làng tôi... đâu đâu ta cũng có nứa tre làm bạn.

2. Em ghi dấu câu nào vào những chỗ gạch chéo sau đây ? Vì sao em dùng dấu đó ?

Ôi Tổ quốc / vinh quang Tổ quốc /
Ngàn muôn năm dân tộc ta ơi /

3. Mùa xuân, phượng ra lá. Lá xanh um, mát rượi, ngon lành như lá me non. Lá ban đầu xếp lại, còn e ; dần dần xòe ra cho gió đưa đẩy. *Lòng cậu học trò phơi phới làm sao !*

a) Câu in nghiêng là kiểu câu gì ?

b) Dấu chấm cảm dùng trong câu này biểu lộ cảm xúc của người nói như thế nào ?

tuongxua.vn

*** Tìm hiểu bài**

1. Hoa hồng ở Bun-ga-ri thường mọc ở đâu ? Hoa hồng nở nhiều vào mùa nào ?

2. Bọn vua chúa và bọn phát xít đã gây nên tội ác gì đối với nhân dân và đất nước Bun-ga-ri ?

3. Qua việc tả sức sống của hoa hồng, tác giả muốn nói điều gì về dân tộc Bun-ga-ri ?

4. Tại sao có thể gọi hoa hồng là loài hoa diệu kì ?

* Học thuộc lòng bài thơ.

TIẾT 39

ĐẤT QUÝ ĐẤT YÊU

Ngày xưa, có hai người khách du lịch từ châu Âu đến nước Ê-ti-ô-pi-a. Họ đi khắp đất nước thăm đường sá,

núi đồi, sông ngòi. Vua nước Ê-ti-ô-pi-a mời họ vào cung. Vua chúc mừng họ, mở tiệc chiêu đãi và tặng họ nhiều vật quý. Sau đó, vua sai quan hầu đưa khách xuống tàu.

Lúc hai người khách định bước xuống tàu, quan hầu bảo khách dừng lại, cởi giày ra. Họ cạo sạch đất ở đế giày rồi mới để khách xuống tàu trở về châu Âu. Hai người khách rất ngạc nhiên, nghĩ mãi về tập quán kì lạ của người Ê-ti-ô-pi-a. Họ hỏi :

- Tại sao các anh lại phải làm như vậy ?

Lúc đó quan hầu mới trả lời :

- Vua nước chúng tôi dặn đưa các ông đi, chúc các ông lên đường bình yên. Ngài còn dặn chúng tôi : các ông là người ở nước xa xôi tới đã thấy mảnh đất giàu đẹp ở nước chúng tôi. Đó là mảnh đất quý của chúng tôi. Chúng tôi sinh ra ở đây, chết cũng ở đây. Trên mảnh đất này, chúng tôi trồng trọt, chăn nuôi. Đất Ê-ti-ô-pi-a là cha, là mẹ, là anh em ruột thịt của chúng tôi. Chúng tôi đã tiếp các ông như những khách quý. Nhà vua đã tặng các ông nhiều sản vật hiếm. Song đất Ê-ti-ô-pi-a đối với chúng tôi là thiêng liêng, cao quý nhất. Chúng tôi không thể để các ông mang đi, dù chỉ là một hạt cát nhỏ.

MAI HÀ *kể*

Truyện dân gian Ê-ti-ô-pi-a

*** Chú giải**

– ***Khách du lịch*** : người đi chơi xem phong cảnh ở phương xa.

TIẾT 25

ÔN TẬP : CÁC DẤU CÂU

(Tiếp theo)

I – Nội dung cần ghi nhớ

BẢNG TÓM TẮT CÁC DẤU CÂU

Tên gọi	Dấu câu	Cách ghi dấu	Cách dùng trong câu	Ví dụ
Dấu hai chấm	:	một dấu chấm đặt ở giữa dòng kẻ, một dấu chấm đặt ở phía trên dấu chấm kia	đặt ở giữa câu khi muốn liệt kê hoặc dẫn lời nói trực tiếp	– Xoài có nhiều loại : xoài cát, xoài tượng, v.v... – Cô giáo dặn chúng em : "Ngày mai, các em nhớ mang sách *Tiếng Việt 5*, Tập hai".
Dấu chấm phẩy	;	dấu chấm đặt trên dòng kẻ dấu phẩy đặt dưới dấu chấm	đặt xen kẽ trong câu, tách các vế trong câu ghép đẳng lập	Anh chiến sĩ đứng lại ; đôi mắt chớp nhanh trong những tia nắng lấp loáng của mùa xuân.
Dấu ngoặc kép	" "	phần mở đặt ở đầu, phần đóng đặt ở cuối lời nói trực tiếp	dùng ghi lời nói trực tiếp	Lan reo lên : "Mẹ về !".
Dấu ngoặc đơn	( )	thường đặt ở giữa hoặc cuối câu ngay sau từ ngữ cần chú thích	dùng ghi điều chú thích, tách nó với bộ phận khác của câu	Quê nội Bác Hồ ở xã Kim Liên (Nam Đàn, Nghệ An).

thuongmaitr

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Điền dấu hai chấm vào những câu sau đây :

a) Sông Hồng có các nhánh là sông Đà, sông Lô, sông Chảy.

b) Vườn nhà em trồng nhiều loại cây ăn quả hồng xiêm, táo, chuối, v.v...

2. Thêm dấu ngoặc kép vào những câu sau ; dấu ngoặc kép có tác dụng gì đối với câu văn ?

a) Chị Hà bảo Lan : chủ nhật này chị cho em đi xem phim.

b) Trước khi đi công tác bố em dặn : Con ở nhà nhớ giúp đỡ mẹ chăm sóc vườn rau.

3. Dấu hai chấm dùng trong câu sau có tác dụng gì ?

Tướng giặc : Mi[*] là ai ?

Yết Kiêu : Ta là Yết Kiêu, một chàng trai đất Việt.

Tướng giặc : Mi đục mấy chục chiến thuyền của ta phải không ?

tuongxua.vn

Yết Kiêu : Phải !

B – Ở nhà

1. Dùng dấu ngoặc đơn cho bộ phận chú thích trong câu sau :

Hợp tác xã nông nghiệp Đại Phước *Quảng Nam* đạt năng suất lúa trên 20 tấn / 1 héc–ta / 1 năm.

2. Viết một đoạn văn (5 câu) kể lại cuộc nói chuyện giữa em với bạn về một bộ phim đã xem, trong đó có dùng dấu hai chấm, dấu ngoặc kép.

(*) Mi (phương ngữ miền Trung) : mày.

– *Ê-ti-ô-pi-a :* tên một nước ở châu Phi.

– *Tập quán :* thói quen từ lâu đời.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* Ê-ti-ô-pi-a, chiêu đãi, cởi giày ra, trồng trọt, chăn nuôi, nhiều sản vật hiếm.

2. *Đọc diễn cảm*

– Toàn bài đọc như giọng kể chuyện, chú ý đổi giọng cho phù hợp với lời nói của nhân vật trong đoạn đối thoại.

– Đoạn 1 : chú ý làm nổi bật các chi tiết của câu chuyện như : *vua cho khách đi thăm đất nước, mời vào cung, chúc mừng, mở tiệc chiêu đãi, tặng vật quý, đưa xuống tàu,* để người nghe thấy rõ lòng hiếu khách đặc biệt của nhà vua. Nhờ đó càng nêu bật mâu thuẫn giữa các hành động trên với việc *cạo sạch đế giày, không cho mang về nước một hạt cát nhỏ* ở đoạn sau.

– Đoạn 2 : đọc nhấn mạnh các từ ngữ *bảo, dừng lại, cởi giày, cạo sạch đất* để diễn tả sự bất ngờ, ngạc nhiên của khách và của người nghe chuyện.

– Đoạn 3 : đọc rành mạch như lời giải thích.

*** Tìm hiểu bài**

1. Vua Ê-ti-ô-pi-a đã đón tiếp khách du lịch nồng hậu như thế nào ? Những từ ngữ nào nói lên các việc làm hiếu khách đó ?

2. Khi khách sắp xuống tàu, điều gì bất ngờ đã xảy ra ?

3. Người quan hầu đã giải thích ra sao ? Câu văn nào nói rõ ý đó ?

4. Lòng hiếu khách và việc giữ lại từng hạt cát có mâu thuẫn nhau không ? Ý nghĩa của sự việc này như thế nào ?

* Ôn những bài học thuộc lòng từ tuần 14 đến tuần 18.

thuongmaitr

TIẾT 40

VỀ MIỀN ĐẤT ĐỎ

Chúng tôi đang tiến về miền Đất Đỏ. Hôm ở rừng học sa bàn đánh vào Đất Đỏ, anh Ba Đẩu nói, về Đất Đỏ là về quê hương chị Võ Thị Sáu. Chúng ta phải đánh thắng, phải đưa cho được đồng bào ở đó ra khỏi vòng kìm kẹp của giặc.

Miền Đất Đỏ xích lại gần mãi. Đường di chuyển dần từ màu cát ngả sang màu nâu nhạt, và đến ngày thứ tư thì đỏ hẳn lên. Đất Đỏ không còn xa chúng tôi nữa.

Tên đất nghe sao như nỗi đắng cay lắng đọng, như mồ hôi, như màu cờ hòa chan với máu. Miền đất rất giàu mà đời người thì lại rất nghèo. Xưa nay, máu không

TIẾT 26

CÁC DẤU CÂU – TẬP GHI CÁC DẤU CÂU

Luyện tập

A – Ở lớp

1. Điền dấu chấm hoặc dấu phẩy vào chỗ gạch chéo trong đoạn văn sau để có những câu trọn nghĩa, đúng ngữ pháp :

... Mưa rả rích đêm ngày / mưa tối tăm mặt mũi / mưa thối đất thối cát / trận này chưa qua / trận khác đã tới / ráo riết / hung tợn hơn / tưởng như biển có bao nhiêu nước / trời hút lên đổ xuống đất liền /

2. Điền dấu hai chấm, dấu chấm cảm vào những chỗ có gạch chéo trong đoạn thơ sau :

Nghe trưa nay, tháng năm mồng bảy
Trên đầu bay, thác lửa hờn căm /
Trông / bốn mặt, lũy hầm sập đổ
Tướng quân bay lố nhố cờ hàng
Trông / chúng ta cờ đỏ sao vàng
Rực trời đất Điện Biên toàn thắng /
Hoan hô chiến sĩ Điện Biên /

(Tố Hữu)

3. Đoạn hội thoại sau đây có những chỗ dùng sai dấu câu. Em hãy chữa lại cho đúng :

– Mẹ cháu đi làm về chưa.

– Thưa bác, mẹ cháu chưa về !.

– Năm nay cháu học lớp mấy rồi !

– Thưa bác, cháu học lớp 5 ạ !

B – Ở nhà

1. Điền dấu chấm, dấu phẩy vào chỗ gạch chéo trong đoạn văn sau đây :

thuongmaitr

Vùng Cà Mau có nhiều đước / đước mọc san sát đến tận mũi đất cuối cùng / thẳng đuột như hằng hà sa số cây dù cắm trên bãi / nhà cửa dựng dọc theo những bờ kênh dưới những hàng đước xanh rì / sông rạch quanh co trong đước / đước kín bờ sông/ kín đồng kín bãi / nhà nọ sang nhà kia phải leo trên cầu bằng thân cây đước...

2. Một bạn viết thư quên ghi dấu câu. Em hãy dùng dấu câu ghi hộ bạn :

Cô kính mến

Từ ngày cô xa trường em luôn luôn nhớ tới cô hôm nay em viết thư kính thăm cô và gia đình cô ạ em rất nhớ những buổi cô kể chuyện cô đã chỉ bảo và gợi cho em nhiều ước mơ cao đẹp em sẽ phấn đấu vươn lên để những ước mơ đó sớm được thực hiện em sẽ trở thành một công nhân kĩ thuật một cô giáo hay một người thầy thuốc cô kính mến liệu em có thể thực hiện được ước mơ ấy không ngay từ bây giờ cô bảo cho em biết em cần phải làm những gì...

tuongxua.vn

TIẾT 27

CÁC DẤU CÂU - TẬP GHI CÁC DẤU CÂU

(Tiếp theo)

I - Luyện tập

1. Điền những dấu câu đã học (dấu chấm, dấu phẩy) vào những đoạn văn sau :

a) ... Hai chú chim chìa vôi lông đen láy có đốm trắng trên ngực hót ríu rít trên cây bưởi cạnh bờ ao cuối tháng giêng bưởi đã ra hoa từng chùm nụ trắng muốt trên cành hương thơm bay ngào ngạt trong gió

(Hồ Phương)

b) ... Chiều chiều chúng tôi ra ngồi gốc đa hóng mát lúa vàng gợn sóng xa xa giữa cánh đồng đàn trâu bắt đầu ra về

khi nào ngơi tưới đẫm gốc cao su. Tôi biết đó là một miền đất anh hùng như mọi miền đất khác của Tổ quốc. Tại đó có một người con gái chết rồi mà bất tử. Người con gái hãy còn sống mãi trong bài hát ngợi ca như một kỉ niệm rưng rưng : "Mùa hoa lê-ki-ma nở, quê ta miền Đất Đỏ...". Hôm nay, lời ca đó đang mấp máy trên môi chúng tôi khi cầm súng tiến về nơi đã sinh ra người nữ anh hùng thời kháng Pháp.

Chúng tôi đã thật sự đặt chân lên vùng Đất Đỏ. Đế dép cao su của anh em quện dính thứ đất đỏ như chu sa. Bỗng nhiên hôm nay trời hửng nắng. Chúng tôi vui mừng giữa khung cảnh hực đỏ của đất, của những chùm chôm chôm, trái dừa lửa, của ráng chiều.

ANH ĐỨC

Trích "Người con của đất"

thuongmaitr

*** Chú giải**

– ***Đất Đỏ*** *:* nay thuộc huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

– ***Sa bàn*** *:* hình mẫu một khu vực địa hình đắp theo tỉ lệ thu nhỏ để trình bày, nghiên cứu.

– ***Võ Thị Sáu*** *:* tên một nữ chiến sĩ công an, quê ở Đất Đỏ. Tuy còn ít tuổi, chị tỏ ra rất dũng cảm, gan dạ. Bị giặc bắt, tra tấn rất dã man, chị vẫn không khai nửa lời. Cuối cùng chúng xử bắn chị ở Côn Đảo lúc chị mới mười sáu tuổi. Chị đã được truy tặng danh hiệu Anh hùng.

– ***Bất tử*** *:* không chết. Ở đây ý nói tấm gương sáng còn để lại mãi mãi.

– ***Kỉ niệm rưng rưng*** *:* kỉ niệm làm xúc động lòng người.

– ***Lê-ki-ma*** *:* tên loài cây có hoa vàng tươi, quả chín cùi vàng như lòng đỏ trứng gà, ăn ngọt và bùi. Có nơi gọi là cây trứng gà.

– *Mùa hoa lê-ki-ma nở...* : lời của bài hát ca ngợi chị Võ Thị Sáu.

– *Chu sa* : một chất màu đỏ dùng làm thuốc hoặc để vẽ.

– *Chôm chôm* : tên một loài cây, quả có vỏ gai mềm, khi chín có màu đỏ, cùi trắng, ngọt gần giống quả vải.

– *Dừa lửa* : giống dừa vỏ có màu hơi đỏ, quả nhỏ, nước rất ngọt.

• Hướng dẫn đọc

1. *Đọc đúng* : miền Đất Đỏ, vòng kìm kẹp, nỗi đắng cay lắng đọng, ráng chiều.

2. *Đọc diễn cảm*

– Toàn bài đọc giọng phấn khởi, có lúc dồn dập để diễn tả niềm vui sướng của những người đang nóng lòng tiến về đồng bằng để giải phóng quê hương.

– Đoạn đầu : đọc nhấn mạnh câu "Chúng ta phải... của giặc".

– Đoạn giữa : phần đầu ("Miền Đất Đỏ... chúng tôi nữa") đọc giọng phấn khởi và dồn dập để diễn tả niềm vui và tốc độ hành quân nhanh ; phần sau ("Tên đất... miền Đất Đỏ") đọc giọng trang nghiêm và xúc động, chú ý nhấn mạnh các từ ngữ : *nỗi đắng cay lắng đọng, hòa chan với máu, tưới đẫm, bất tử, kỉ niệm rưng rưng.*

– Đoạn cuối : đọc trở lại giọng phấn khởi, vui sướng.

• Tìm hiểu bài

1. Câu văn nào nói lên quyết tâm của các chiến sĩ tiến về giải phóng Đất Đỏ ?

2. Đất Đỏ là một miền đất anh hùng. Chi tiết nào (về đất đai, về con người) cho ta biết điều đó ?

3. Màu sắc thiên nhiên ở đây đã thể hiện đúng tên của miền Đất Đỏ. Em hãy tìm những hình ảnh trong đoạn cuối để chứng minh điều này.

4. Tìm trong bài những câu văn có vế so sánh với từ *như*.

* Học thuộc lòng từ "Tên đất... kháng Pháp".

truongxua.vn

lững thững từng bước nặng nề bóng sừng trâu dưới ánh chiều kéo dài lan giữa ruộng đồng yên lặng

(Nguyễn Khắc Viện)

2. Điền các dấu câu đã học (dấu chấm, dấu hai chấm, dấu chấm hỏi, dấu gạch ngang, dấu chấm cảm) vào đoạn văn sau đây :

Rô ron nhao nhao lượn quanh đám cá ngão đương hớn hở

Các bác từ đâu đến

Xa lắm từ Sông Hồng lên đây

Mắt cá rô càng tròn xoe

Tận Sông Hồng lên à

Chứ sao...

(Trích *Cá đi chơi xuân*)

**3. Trong những câu sau đây, dấu câu ghi có chỗ chưa đúng. Em hãy chữa lại.

a) Minh nói với Nga : Bạn cho mình mượn truyện *Đảo hoang* của nhà văn Tô Hoài đi ?

thuongmaitr

b) Vì chiều nay lớp của Thủy ở lại tập nghi thức đội. Nên Thủy đã về nhà muộn.

II – Kiểm tra viết

Ôn tập dấu câu.

TIẾT 28

ÔN TẬP CUỐI CẤP : CÂU – CÁC BỘ PHẬN TRONG CÂU

I – Nội dung cần ghi nhớ

A – Câu

a) Vì sao nói và viết phải thành câu ? Tìm 3 ví dụ.

b) Khi viết, chữ ở đầu câu phải thế nào ?

B – Các bộ phận trong câu

a) Các bộ phận chính của câu

Chủ ngữ

– Bộ phận chủ ngữ thường đặt ở vị trí nào trong câu ?

Những từ thuộc từ loại nào thường được dùng làm chủ ngữ ?

– Để tìm chủ ngữ, người ta đặt câu hỏi : Ai ? ... Con gì ? ... Cây gì ? ... hoặc : Cái gì ?... Ví dụ : Bạn Thủy hát. (*Ai* hát ?)

– Khi câu có nhiều chủ ngữ, người ta dùng dấu gì để ngăn cách các chủ ngữ đi liền nhau ? Tìm hai ví dụ.

Vị ngữ

– Bộ phận vị ngữ thường đặt ở vị trí nào trong câu ? Những từ thuộc từ loại nào thường làm vị ngữ ?

– Để tìm vị ngữ, người ta đặt câu hỏi :

... *Làm gì ?... Thế nào ? ... Ra sao ?* Ví dụ : Bạn Thủy hát. (Bạn Thủy *làm gì* ?)

tuongxua.vn

– Khi câu có nhiều vị ngữ đi liền nhau, người ta thường dùng dấu gì để ngăn cách các vị ngữ đó ? Tìm một ví dụ.

b) *Các bộ phận phụ trong câu* (xem sơ đồ cấu tạo câu đơn – *Tiếng Việt 4* – Tập hai).

Trạng ngữ

– Trạng ngữ là bộ phận phụ của từ hay của cả câu ?

– Trạng ngữ thường đặt ở vị trí nào trong câu ?

– Tìm hai ví dụ về câu có bộ phận trạng ngữ, một câu có trạng ngữ chỉ thời gian (hay nơi chốn) và một câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân.

– Khi câu có nhiều trạng ngữ đi liền nhau, người ta thường dùng dấu gì để ngăn cách các trạng ngữ đó ? Tìm một ví dụ.

Định ngữ

– Những từ ngữ bổ sung nghĩa cho danh từ được gọi là bộ phận gì của danh từ ?

Các phân đội bắt đầu vượt sông. Bóng các chiến sĩ đổ dài trên bãi cát. Tiếng cười nói ồn ã. Gió thổi mát lộng.

Trăng sáng vằng vặc. Dường như càng về khuya bầu trời càng xanh trong, trăng càng sáng. Con đường đá sỏi rung lên bởi nhịp bàn chân bước. Bỗng một làn gió thổi tới mang theo hơi hướng quen thuộc của đồng bằng, cả hàng quân xôn xao :

- Đồng bằng !

- Tới đồng bằng thật rồi !

- "Tiến về đồng bằng ta quét sạch giặc thù !"

Trung đội trưởng Mãnh sốt ruột hơn cả. Anh khao khát được nhìn thấy đồng bằng, nhìn thấy những cánh đồng bát ngát, những xóm làng ẩn hiện sau lũy tre, khao khát được ngửi thấy mùi bùn đất rơm rạ. Đối với anh, đồng bằng là đất đai, là trù phú, là những quần tụ họ hàng làng xóm, là cây đa, giếng nước, mái đình...

Trong những năm đi đánh giặc, nỗi nhớ đất đai, nhà cửa, ruộng vườn thỉnh thoảng lại cháy lên trong lòng anh. Đó là những buổi trưa Trường Sơn vắng lặng, bỗng vang lên một tiếng gà gáy, những buổi hành quân bất chợt gặp một đàn bò rừng nhởn nha gặm cỏ. Những lúc ấy, lòng anh lại cồn cào xao xuyến.

Bao nhiêu năm lăn lộn với núi rừng mới có đêm nay...

KHUẤT QUANG THỤY
Trích "Trong cơn gió lốc"

*** Chú giải**

– ***Hành quân*** : (bộ đội) đi thành hàng ngũ theo từng đơn vị để di chuyển từ nơi này đến nơi khác.

– *Sông Đà Ràng, núi Trùm Cát*: thuộc tỉnh Phú Yên. Bài này kể chuyện bộ đội ta từ núi rừng Tây Nguyên tiến về đánh địch ở vùng đồng bằng miền Trung trong chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

– *Trầm mặc:* yên lặng tập trung suy nghĩ.

– *Trù phú:* giàu có.

– Câu "Tiến về đồng bằng ta quét sạch giặc thù" trích lời của một bài hát.

• Hướng dẫn đọc

1. *Đọc đúng :* lấp loáng ánh vàng, uy nghi trầm mặc, sáng vằng vặc, trưa Trường Sơn vắng lặng, nhởn nha gặm cỏ.

2. *Đọc diễn cảm*

– Toàn bài đọc với giọng náo nức phấn khởi. Các câu nói trực tiếp "Đồng bằng ! Tới đồng bằng thật rồi !", đọc với giọng reo vui.

truongxua.vn

Đoạn cuối đọc giọng tha thiết để diễn tả nỗi nhớ quê.

• Tìm hiểu bài

1. Nêu những hình ảnh đẹp của cảnh đêm trăng.

2. Tìm những từ ngữ nói lên lòng náo nức của đoàn quân khi tiến về đồng bằng.

3. Cảnh đồng bằng hiện lên trong trí nhớ của trung đội trưởng Mãnh với những hình ảnh thân quen nào ?

4. Những hình ảnh, âm thanh gì ở rừng làm cho trung đội trưởng Mãnh da diết nhớ quê nhà ?

5. Câu cuối bài ý nói gì ?

– Khi danh từ có bộ phận định ngữ thì nghĩa của danh từ sẽ thế nào ? Tìm hai ví dụ.

– Định ngữ có thể đặt ở vị trí nào đối với danh từ ?

– Trong một câu có nhiều định ngữ, người ta thường dùng dấu gì để ngăn cách các định ngữ đó ? Tìm ví dụ.

Bổ ngữ

– Những từ ngữ bổ sung nghĩa cho động từ hay tính từ được gọi là bộ phận gì của động từ, tính từ ?

– Khi động từ, tính từ có bổ ngữ thì nghĩa của những từ đó sẽ thế nào ? Tìm ví dụ.

– Bổ ngữ có thể đặt ở vị trí nào đối với động từ hoặc tính từ ?

– Trong một câu có nhiều bổ ngữ, người ta thường dùng dấu gì để ngăn cách các bộ phận song song đó ? Tìm hai ví dụ.

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. Em hãy chỉ ra dòng nào là câu, dòng nào chưa phải là câu ?

a) Hoa gạo rụng đỏ mặt đường.

b) Những cánh hoa xoan

c) Lớp 5A chúng em

d) Bạn Hải thích chơi cầu lông.

2. Viết thêm vào những dòng chưa phải là câu trên đây cho thành câu.

3. Tìm những bộ phận chính của câu trong đoạn văn sau đây :

Trăng đang lên. Mặt sông lấp loáng ánh vàng. Các phân đội bắt đầu vượt sông. Bóng các chiến sĩ đổ dài trên bãi cát. Tiếng cười ồn ã. Gió thổi mát lộng.

4. Thêm từ ngữ (vào chỗ trống) làm trạng ngữ, định ngữ, bổ ngữ cho những câu sau :

..., ... học sinh... học tập...

..., hoa phượng nở...

thuongmaitr

B – Ở nhà

1. Đặt 2 câu nói về việc học tập hoặc sinh hoạt theo yêu cầu sau đây :

– 1 câu có nhiều chủ ngữ (C, C, ... – V)

– 1 câu có nhiều vị ngữ (C – V, V,...)

2. Đặt 2 câu :

– 1 câu có nhiều trạng ngữ.

– 1 câu có nhiều định ngữ (hoặc bổ ngữ).

**3. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống những dòng sau đây cho thành câu :

– Học sinh lớp 5B...

– Chim vàng anh...

– ... nhổ neo ra khơi.

– ... rất thích trồng cây.

4. Gạch dưới những từ ngữ làm trạng ngữ trong các câu sau :

a) Trên mấy cây cao cạnh nhà, ve đua nhau kêu ra rả. Ngoài suối, tiếng chim cuốc vọng vào đều đều... Đó đây, ánh lửa hồng bập bùng trên các bếp.

b) Tảng sáng, vòm trời cao lồng lộng.

c) Trưa hôm sau, bè ra khỏi núi.

ruongxua.vn

TIẾT 29

ÔN TẬP CUỐI CẤP : TỪ LOẠI (DANH TỪ, ĐỘNG TỪ, TÍNH TỪ)

I – Nội dung cần ghi nhớ

A – *Danh từ*

1. Những từ chỉ người, loài vật, cây cối, đồ vật thuộc từ loại gì ?

GIỮ VÙNG TRỜI TỔ QUỐC

Trên những chiếc máy bay đậu chênh chếch dọc đường băng, các bạn anh đã ngồi yên trong khoang lái, sẵn sàng đợi lệnh.

Bục ! Pháo lệnh lại nổ. Đức thì thào bên tai anh một giọng rất thiết tha : "Có lệnh mở máy rồi !". Không được hồi hộp nhé ! Không được hồi hộp nhé ! Những ngón tay của mình đừng có run, Quỳnh tự bảo mình. Anh mở các công tắc cần thiết và bấm nút điện. Máy gầm lên. Tiếng vòng quay rất đều và mỗi lúc một nhanh. Mở máy thành công rồi ! Niềm vui sướng tràn ngập người anh. Các bạn anh đều đã mở máy xong. Qua vô tuyến điện, Quỳnh biết một biên đội bạn nữa cũng được lệnh chuẩn bị.

Khoang lái đã được đóng lại. Quỳnh cho máy bay lăn ra đường băng cất cánh. Anh thoáng nhìn thấy rất nhiều người đứng trên bãi cỏ, dọc đường băng phía tay trái. Mọi người đều như đang mỉm cười với anh. Người anh nhìn thấy rõ nhất là đồng chí chính trị viên đại đội. Vẫn cái dáng rụt rè, cái miệng hơi mỉm cười, đôi mắt màu nâu hiền hậu nhìn anh với rất nhiều tình cảm. Quỳnh khẽ gật đầu chào lại. Quỳnh cho máy bay lượn vòng lên đường băng cất cánh và dừng lại ở phía bên trái. Liếc mắt nhìn sang phải, anh thấy Huấn đã sẵn sàng. Đội hình ra quân rất đẹp. Quỳnh mỉm cười với Huấn rồi nới tay phanh mở cửa dầu. Người anh lâng lâng. Máy bay đã lao khỏi mặt đất.

HỮU MAI

Trích "Vùng trời"

thuongmaitr

• Chú giải

– ***Đường băng*** : đường dùng cho máy bay cất cánh và hạ cánh ở các sân bay.

– ***Biên đội*** : một đơn vị máy bay thường gồm 3 hay 4 chiếc, trong đó có một chiếc chỉ huy.

– ***Công tắc*** : bộ phận dùng ngắt và mở các nguồn điện.

• Hướng dẫn đọc

1. *Đọc đúng* : đậu chênh chếch, sẵn sàng đợi lệnh, đừng có run, vòng quay.

2. *Đọc diễn cảm* : câu "Có lệnh mở máy rồi !" đọc giọng nhỏ như tiếng thì thầm. Đoạn cuối đọc giọng hào hứng.

• Tìm hiểu bài

1. Khi được cử đi đánh địch, tâm trạng của anh Quỳnh như thế nào ?

2. Thái độ và tình cảm của người đi và người tiễn có gì nổi bật ?

truongxua.vn

3. Tìm những ý nêu rõ tinh thần đồng đội trong chiến đấu của các chiến sĩ.

4. Em hãy đặt một tên khác cho bài này.

TIẾT 45

TRUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

Tôi yêu truyện cổ nước tôi
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa.
Thương người rồi mới thương ta
Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm.
Ở hiền thì lại gặp hiền
Người ngay thì gặp người tiên độ trì.

2. Tìm 5 danh từ chỉ người, 5 danh từ chỉ loài vật, 5 danh từ chỉ cây cối.

3. Tìm 3 danh từ riêng chỉ tên người, 3 danh từ riêng chỉ tên địa phương hoặc tên sông, tên núi.

4. Trong những ví dụ sau, danh từ (in nghiêng) giữ chức vụ gì trong câu ?

a) *Quê hương* tôi có *con sông* xanh biếc.

(Tế Hanh)

b) *Buổi chiều, Lan* tưới *rau*.

c) *Trung thu trăng* sáng như *gương*,

Bác Hồ ngắm *cảnh*, nhớ thương *nhi đồng*.

B – *Động từ*

1. Những từ chỉ hoạt động hoặc trạng thái thuộc từ loại gì ?

2. Tìm 3 động từ chỉ hoạt động, 3 động từ chỉ trạng thái.

3. Trong những ví dụ sau, động từ (in nghiêng) giữ chức vụ gì trong câu ?

thuongmaitr

a) Ngày đêm, bộ đội *bảo vệ* vùng trời, vùng biển và từng mảnh đất của Tổ quốc.

b) Gió lộng *xôn xao*, sóng biển *đu đưa*.

(Tố Hữu)

C – *Tính từ*

1. Những từ chỉ tính chất, phẩm chất, màu sắc, hình thể, kích thước thuộc từ loại gì ?

2. Tìm 2 tính từ chỉ màu sắc, 2 tính từ chỉ phẩm chất.

3. Trong những ví dụ sau, tính từ (in nghiêng) giữ chức vụ gì trong câu ?

a) Hoa sen *thơm* thoang thoảng.

b) Bạn Minh có chiếc áo *trắng tinh*.

**c) Anh chiến sĩ *trẻ* bắn rất *giỏi*.

II - Luyện tập

A - Ở lớp

1. Trong câu sau, những từ nào là *danh từ* ?

Mùa xuân, dòng sông Đà xanh ngọc bích, chứ nước sông Đà không xanh màu xanh cánh kiến của sông Gâm, sông Lô, mùa thu dòng nước sông Đà lừ lừ chín đỏ.

(Nguyễn Tuân)

2. Đặt câu :

– 1 câu có chủ ngữ là danh từ chỉ người.

– 1 câu có chủ ngữ là danh từ chỉ loài vật.

3. Trong những câu sau, từ nào thuộc từ loại *động từ* ?

a) Suốt cả buổi chiều, bạn Ngọc miệt mài làm bài tập.

b) Em đã được vào thăm lăng Bác Hồ.

c) Trên ngọn đồi, một ngôi trường mới đã mọc lên.

truongxua.vn

**4. Đặt câu :

– 1 câu có vị ngữ là động từ nội động.

– 1 câu có vị ngữ là động từ ngoại động.

5. Tìm tính từ trong những câu sau :

a) Đầm sen rộng mênh mông.

b) Từ ngày ấy, tình bạn của chúng em lại càng thắm thiết.

B - Ở nhà

1. Tìm danh từ và tính từ trong câu sau :

Trên những ruộng lúa chín vàng, bóng áo chàm và nón trắng nhấp nhô, tiếng nói tiếng cười nhộn nhịp, vui vẻ.

2. Đặt 2 câu với các từ ngữ sau đây làm chủ ngữ : *Thành phố Hồ Chí Minh, bác sĩ.*

3. Đặt 2 câu có động từ, tính từ sau đây làm vị ngữ : *chăm sóc, chu đáo.*

Em giúp ông chăm sóc vườn rau

Bác sĩ chăm sóc bệnh nhân rất

Mang theo truyện cổ tôi đi
Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa.
Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa
Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi.
Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa.
Chỉ còn truyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình.
Rất công bằng, rất thông minh
Vừa độ lượng lại đa tình đa mang.
Thị thơm thì giấu người thơm
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà.
Đẽo cày theo ý người ta
Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì.

Tôi nghe truyện cổ thầm thì
Lời ông cha dạy cũng vì đời sau.
Đậm đà cái tích trầu cau
Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người.
Sẽ đi qua cuộc đời tôi
Bấy nhiêu thời nữa chuyển dời xa xôi.
Nhưng bao truyện cổ trên đời
Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm.

LÂM THỊ MỸ DẠ
Trích "Bài thơ không năm tháng"

*** Chú giải**

– ***Nhân hậu*** : có lòng thương người và ăn ở có tình nghĩa.

– ***Độ trì*** : cứu giúp và che chở.

– ***Độ lượng*** : đức tính rộng lượng, dễ thông cảm đối với người khác.

– ***Đa tình*** : giàu tình cảm.

– ***Đa mang*** : ý nói có nhiều việc lo lắng, suy nghĩ trong lòng.

thuongmaitu

– *Lương tâm :* ý nói tấm lòng tốt, luôn nghĩ đến điều thiện.

– *Đẽo cày* (Đẽo cày giữa đường) : tên một truyện ngụ ngôn Việt Nam. Có một anh chàng ngồi đẽo cày ở bên đường, mỗi người đi qua đều góp ý. Ai nói gì anh ta cũng làm theo, kết cục bị hỏng không thành cái cày.

– *Tích trầu cau :* là một truyện cổ. Có hai anh em giống nhau như đúc, rất thương yêu nhau. Sau người anh lấy vợ, người vợ nhiều lúc lầm lẫn, không biết ai là chồng, ai là em chồng. Vì thế, người em e ngại đành bỏ nhà ra đi, rồi chết hoá thành tảng đá vôi. Người anh nhớ em đi tìm, rồi chết bên tảng đá hóa thành cây cau. Người vợ đi tìm chồng, rồi chết bên cây cau hóa thành dây trầu. Nhân dân ta lấy cau, trầu và vôi ăn thì môi đỏ thắm.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* tuyệt vời sâu xa, độ trì, rặng dừa nghiêng soi, chuyển dời, rạng ngời lương tâm.

2. *Đọc diễn cảm :* toàn bài đọc giọng thong thả, thiết tha để tỏ lòng ca ngợi và biết ơn.

ongxua.vn

*** Tìm hiểu bài**

1. Em hãy kể tên những truyện cổ đã được nói đến trong bài thơ.

2. Truyện đời xưa dạy ta nhiều điều đáng quý. Qua bài thơ, em hiểu được đó là những điều gì ?

3. Bốn dòng cuối bài ý nói gì ?

* Học thuộc lòng 14 dòng đầu hoặc 14 dòng cuối.

TIẾT 46

CẢNH ĐÔNG CON

Mẹ con bác Lê ở một căn nhà cuối phố, một căn nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì rải ổ rơm đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó. Từ buổi sớm tinh sương,

TIẾT 30

ÔN TẬP CUỐI CẤP : CÁC KIỂU CÂU

I – Nội dung cần ghi nhớ

1. *Câu đơn bình thường và câu đặc biệt*

a) Câu đơn bình thường

Câu có đủ hai bộ phận chính (chủ ngữ và vị ngữ) gọi là câu đơn bình thường.

Ví dụ :

Mùa hè đã đến.

b) Câu đặc biệt

Câu được dùng trong những tình huống nhất định, chỉ gồm một từ hay một số từ tạo thành một bộ phận mà không xác định được chủ ngữ, vị ngữ.

Ví dụ :

– Tháng ba Tây Nguyên !

– Nóng quá !

thuongmaitr

2. *Câu có đủ chủ ngữ, vị ngữ và câu rút gọn*

a) Câu đơn có đủ hai bộ phận chính : câu đầy đủ.

Ví dụ :

Biển (C) động (V).

b) Câu rút gọn : một bộ phận chính (chủ ngữ hay vị ngữ) hoặc cả hai bộ phận chính đều bị lược bỏ.

Ví dụ :

– Ai chữa cái bàn hỏng của lớp đây ?
– Bạn Hải (lược bỏ vị ngữ).

3. *Các kiểu câu chia theo mục đích nói*

Phần này đã được học kĩ ở lớp 4 (xem lại sách *Tiếng Việt 4* – Tập một). Dưới đây là những điểm chính cần nhớ :

Tên gọi	Mục đích nói	Dấu đặt cuối câu	Ví dụ
Câu kể	*kể* một sự việc, *tả* một cảnh vật, *nêu* một nhận xét	dấu chấm (.)	– Bạn Việt học giỏi.
Câu hỏi	nêu *điều cần hỏi* để người nghe trả lời	dấu chấm hỏi (?)	– Bạn Việt học giỏi không ?
Câu cầu khiến	nêu *điều mong muốn* hoặc *đòi hỏi* người nghe thực hiện	dấu chấm cảm (!)	– Chúng ta cần học giỏi như bạn Việt !
Câu cảm	biểu lộ *tình cảm* của người nói	dấu chấm cảm (!)	– Bạn Việt học giỏi quá !

tuongxua.vn

II – Bài tập

A – Ở lớp

1. Gạch dưới những câu rút gọn trong những ví dụ sau đây :

Thu hỏi chị Hà :

– Chị làm gì thế ?

CHỈ – Viết thư cho bố. (CHỦ NGỮ)

– Bao giờ chị gửi thư đi ?

– Sáng mai. (CN + VN)

– Bác nào lên cơ quan của bố ?

– Bác Sáu.

a) Hãy chỉ ra bộ phận đã lược bỏ.

b) Khôi phục bộ phận đã lược bỏ để câu có đầy đủ bộ phận chủ ngữ, vị ngữ.

mùa nực cũng như mùa rét, bác ta phải trở dậy đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng kia đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ, bác Lê lo sợ vì không ai mướn làm việc gì nữa. Thế là cả nhà chịu đói. Mấy đứa nhỏ nhất khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét. Bác Lê ôm lấy con trong ổ rơm để mong lấy cái hơi ấm của mình ấp ủ cho nó.

Hai thằng con lớn thì từ sáng đã ra cánh đồng kiếm con cua con ốc, hay đi mót những bông lúa còn sót lại trong khe ruộng. Thật là sung sướng, nếu chúng mang về được một lượm, trong những ngày may mắn. Vội vàng, bác Lê đẩy con ra, lấy bó lúa để dưới chân vò nát, vét hột thóc, giã lấy gạo. Rồi một bữa cơm lúc buổi tối giá rét, mẹ con ngồi xúm quanh nồi, trong khi bên ngoài gió lạnh rít qua mái tranh.

THẠCH LAM
Trích "Nhà mẹ Lê"

*** Chú giải**

– Bài này tả cảnh một gia đình nghèo đói trước Cách mạng tháng Tám (1945).

– *Trơ cuống rạ :* chỉ ruộng đã gặt, cây lúa chỉ còn lại gốc.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* lụp xụp, trơ cuống rạ, rách nát, giá rét.

2. *Đọc diễn cảm :* nhấn mạnh các từ ngữ tả cảnh nghèo đói của nhà bác Lê.

• **Tìm hiểu bài**

1. Nguồn sống của gia đình bác Lê trông cậy vào đâu ?

2. Tìm những chi tiết nêu lên cảnh cực khổ của bác Lê (nhà ở, ăn, mặc).

3. Qua bài này, ta thấy bác Lê có phải là người lười nhác không ?

4. Theo ý em, tại sao gia đình bác Lê bị nghèo đói ?

TIẾT 47

XUÂN TRÊN ĐẤT TRỜI PHẢ LẠI

Trên đất Chí Linh nay
Xuân như vừa đến sớm
Trời đã dày thêm nắng
Bốn bề nghe xôn xao
Gió xe cuốn ào ào
Rung đôi bờ Phả Lại
Những cánh buồm tiếp nối
Rủ nhau bay về đâu
Có ghé vào cảng mới
Bên bờ sông Lục Đầu ?

Ta muốn hỏi sông sâu
Nơi đâu còn cọc gỗ ?
Đền Vương Trần đứng đó
Kiếp Bạc sáng một vùng
Hịch tướng sĩ thuở ấy
Mãi là lời non sông.

dongxua.vn

2. Trong những câu sau, câu nào là câu kể, câu cảm ?

a) Trước mắt tôi, nước sông Hương lặng lờ trôi.

b) Sáng rồi ! Phương đông rực rỡ một màu hồng chói lọi.

(Nguyễn Trung Thành)

3. Hãy chuyển câu kể sau đây thành câu hỏi, câu cảm (chú ý dùng dấu câu cho đúng) :

a) Nước về đồng. b) Điện sáng. c) Bố về.

Ví dụ : Điện sáng chưa ? (câu hỏi) ; Điện sáng quá ! (câu cảm)

B – Ở nhà

1. Trong những câu sau đây, câu nào có đủ các bộ phận chính, câu nào là câu rút gọn, câu nào là câu đặc biệt ?

a) Có tiếng gõ cửa. Bé Nga mở cửa, thấy bác đưa thư :

– Thư !

Bé Nga cảm ơn bác. Cầm lá thư, Nga reo lên : Thư của mẹ ! Thư của mẹ !

thuongmaitr

b) Cúc hỏi mẹ :

– Mẹ ơi, quê nội mình ở đâu ạ ?

– Ở Đồng Nai.

– Bố của con đi bộ đội từ năm nào ạ ?

– Từ năm 1965.

2. Chuyển câu kể sau đây thành câu hỏi hoặc câu cảm :

a) Em đi học.

b) Mưa tạnh.

c) Đoàn xe đã đến.

ÔN TẬP CUỐI CẤP : CÂU GHÉP

I – Nội dung cần ghi nhớ

	Kiểu câu ghép	Đặc điểm	Từ chỉ quan hệ	Dấu câu	Ví dụ
Câu ghép	*Câu ghép đẳng lập*	– Có hai vế câu trở lên nhằm liệt kê sự việc, hoặc đối chiếu, nối tiếp các sự việc. – Giữa các vế câu có từ chỉ quan hệ hoặc dấu câu.	và, rồi, còn, nhưng,...	Dấu phẩy (,) dấu hai chấm (:),...	1) Mặt trời lên, sương tan dần. 2) Phà cập bến *và* hành khách lên bờ.
	Câu ghép chính phụ	– Chỉ có hai vế câu : một vế nêu ý chính, một vế nêu ý phụ. – Thường dùng cặp từ chỉ quan hệ nối hai vế câu.	*Vì... nên...* (nhân quả) *Nếu... thì...* (điều kiện – kết quả) *Tuy... nhưng...* (nhượng bộ)		*Nếu* nước lũ đổ về *thì* đồng ruộng sẽ bị ngập lụt.

tuongxua.vn

Chẳng phụ lòng cha ông
Đất xưa vui như hội
Đón chào mùa xuân mới
Ống khói cao chọc trời
Vệt khói trắng ánh ngời
Như thanh gươm "Sát Thát"
Sông Lục Đầu xanh biếc
Lồng bóng gươm về xuôi.

VÕ THANH AN

*** Chú giải**

– *Phả Lại :* thị trấn thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Trước đây, ở Phả Lại, Liên Xô (cũ) đã giúp ta xây dựng một nhà máy nhiệt điện cỡ lớn.

– *Đền Vương Trần :* đền thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn ở Kiếp Bạc, gần Phả Lại (Trên đoạn sông Lục Đầu, ta đã chiến thắng quân Nguyên một trận lớn, làm thất bại cuộc xâm lăng lần thứ hai của chúng – 1285)

thuongmaitu

– *Hịch tướng sĩ :* bài văn nổi tiếng do Trần Quốc Tuấn viết, nhằm kêu gọi các tướng sĩ hăng hái luyện tập quân sự để giết giặc Nguyên.

–Sát Thát : giết giặc Nguyên. Thời nhà Trần, quân Mông – Nguyên ba lần sang xâm lược nước ta đều bị thất bại. Quân sĩ lúc đó thích chữ "Sát Thát" trên cánh tay để tỏ lòng quyết tâm giết giặc.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* xuân như vừa đến sớm, trời đã dày thêm nắng, cuốn ào ào, rung, rủ nhau, sông sâu, hịch tướng sĩ, thuở, chọc trời, lồng bóng gươm về xuôi.

2. *Đọc diễn cảm*

– Khổ thơ 1 : đọc nhấn mạnh các từ ngữ tả cảnh đẹp và những hoạt động sôi nổi của Phả Lại như *xuân như vừa đến sớm, dày thêm nắng, xôn xao, ào ào, rung đôi bờ, tiếp nối, cảng mới.*

– Khổ thơ 2 : đọc nhấn mạnh các từ ngữ gợi lại cảnh xưa như *sông sâu, cọc gỗ, đền Vương Trần, sáng một vùng, hịch tướng sĩ, thuở ấy, mãi là lời non sông.*

– Khổ thơ cuối : đọc nhấn mạnh các từ ngữ nêu lên cảnh đổi mới của Phả Lại ngày nay như *vui như hội, ống khói cao chọc trời, vệt khói trắng ánh ngời.*

• Tìm hiểu bài

1. Tác giả đã nêu những hình ảnh gì ở trên bờ và dưới lòng sông ?

2. Cảnh hoạt động nhộn nhịp của Phả Lại được tả bằng những từ ngữ nào ?

3. Bài thơ nhắc tới những di tích lịch sử nào ? Những di tích lịch sử ấy nói lên điều gì ?

4. Tác giả chọn những nét tiêu biểu nào để tả cảnh đổi mới ở Phả Lại ?

5. Cảnh nay và truyền thống xưa được lồng vào nhau bằng hình ảnh gì ?

tongxua.vn

* Học thuộc lòng bài thơ.

TIẾT 48

NGƯỜI THỢ RÈN

Bác thợ rèn cao lớn, cao lớn nhất vùng, vai cuộn khúc, cánh tay ám đen khói lửa lò và bụi búa sắt. Bác có đôi mắt lọt trong khuôn mặt vuông vức, dưới rừng tóc rậm dày, đôi mắt trẻ to, xanh, trong ngời như thép. Quai hàm bạnh của bác rung lên với những tràng cười. Những tiếng thở rền vang như ngáy, giống như nhịp thở phì phò của ống bễ.

Tôi được ngắm bác thợ rèn lần đầu vào một buổi chiều thu. Bác đang rèn một lưỡi cày. Áo sơ-mi phanh

II – Luyện tập

A – Ở lớp

1. a) Những câu ghép sau đây có mấy vế câu ? Tìm các bộ phận chính của từng vế câu :

– Mẹ Kơ–lơng lại già, em Kơ–lơng còn dại.

– Giọng chị ru rất hay, hai bác cháu lắng nghe mê mải.

b) Các vế câu ghép trên ngăn cách nhau bằng dấu câu nào ?

2. Trong những câu sau, những câu nào là câu ghép chính phụ ?

a) Công tác cách mạng vất vả, bề bộn nhưng bao giờ Bác cũng rất vui.

b) Tuy quả của nó không ăn được nhưng chị rất quý cây lá đỏ.

3. Hãy ghép những vế câu sau thành những câu ghép (đẳng lập và chính phụ) thích hợp :

a) Đường rất trơn. Trời mưa.

b) Cô giáo rất vui lòng. Lớp 5B học tập chăm chỉ.

thuongmaitr

B – Ở nhà

1. Xác định các vế câu của những câu ghép sau :

a) Mặt trời đã gác núi nhưng ráng vàng còn lên đỏ xuộm cả lũy tre.

(Tô Hoài)

b) Tiếng mưa rơi lộp độp, tiếng chân người chạy lép nhép.

(Ma Văn Kháng)

c) Vì phim chưa về kịp nên mọi người phải chờ đợi.

2. Những câu ghép sau đây đã dùng dấu chấm câu và dùng các cặp từ chỉ quan hệ sai. Em hãy chữa lại cho đúng :

a) Vì người đi xe máy vượt ẩu. Nên đã xảy ra tai nạn giao thông.

b) Mặc dù các bạn trong lớp đã giúp đỡ nhiều. Nhưng bạn Quang vẫn chưa thật chăm học.

**c) Tuy đoàn tàu khởi hành chậm 10 phút nhưng tàu đến ga không đúng giờ.

3. Đặt 3 câu ghép chính phụ trong đó có dùng cặp từ chỉ quan hệ :

Vì C–V nên C–V

Nếu C–V thì C–V

TIẾT 32

ÔN TẬP : CÂU

1. Tìm các bộ phận chủ ngữ và vị ngữ trong những câu sau đây :

a) Chim gáy tha thẩn, nhặt nhạnh cặm cụi sau người đi mót lúa.

b) Trên nền trời xanh, những lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới.

c) Bạn Tuyết rất chăm chỉ tập thể dục.

2. Gạch dưới trạng ngữ của những câu sau. Trạng ngữ nêu thêm ý gì cho câu ?

a) Để học giỏi môn ngữ pháp, chúng em cần làm nhiều bài tập.

b) Ở miền rừng núi, lúc sáng sớm, tiết trời thường lành lạnh.

**3. Thay những trạng ngữ chỉ nơi chốn bằng trạng ngữ chỉ thời gian trong những câu sau :

a) *Ở vùng đồng bằng Bắc Bộ*, trời mưa rất to.

b) *Cạnh vườn hoa*, một bể bơi cho thiếu niên vừa được xây dựng xong.

ra để lộ bộ ngực lực lưỡng mà mỗi hơi thở làm hằn lên những chiếc sườn của cái lồng ngực như bằng sắt ấy. Bác ngửa người ra sau lấy đà rồi giáng búa xuống. Và cứ thế, luôn luôn như thế không lúc nào dừng, thân hình bác lắc lư uyển chuyển dưới sức thúc đẩy mãnh liệt của các cơ bắp. Bác quay những vòng tròn đều đặn, mang theo vô số tia lửa và để ánh chớp lại trên đe.

Anh thanh niên hai mươi, con trai bác, cặp thỏi sắt đỏ rực ở đầu kìm và tự mình cũng đập liên hồi với những tiếng trầm trầm : tốc, tốc, tốc, tốc, nghe như lời người mẹ khuyến khích con trong buổi đầu bập bẹ. Những chiếc búa cứ nhảy múa, vung ra xung quanh những vảy vàng trên chiếc áo và in gót lên cái lưỡi cày rèn dở mỗi khi rời nó nhảy lên. Một ngọn lửa đỏ rói làm rõ những xương lồi của hai người thợ trong khi bóng cao lớn của họ in dài trong những góc tối lờ mờ.

thuongmaitr

Ê-MIN DÔ-LA
Huỳnh Lý *dịch*

*** Chú giải**

– **Ê-min Dô-la** : nhà văn Pháp ở thế kỉ 19.

– ***Quai hàm bạnh*** : xương quai hàm hơi phình to ra. Những người có quai hàm bạnh thường có khuôn mặt vuông.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng* : vai cuộn khúc, khói lửa lò, dưới rừng tóc rậm dày, rền vang, ống bễ, bộ ngực lực lưỡng, uyển chuyển.

2. *Đọc diễn cảm* : đọc nhấn mạnh các từ tả hình dáng cao lớn của bác thợ rèn, những từ tả vẻ đẹp hùng dũng của hai bố con bác thợ rèn khi làm việc.

*** Tìm hiểu bài**

1. Tìm những nét tiêu biểu về khuôn mặt của bác thợ rèn.

2. Tác giả đã tả những nét khỏe của bác thợ rèn. Đó là những nét gì ?

3. Khi làm việc, bác thợ rèn và người con có những động tác rất khéo léo, nhịp nhàng. Em hãy tìm từ ngữ tả những động tác đó.

4. Tìm trọng tâm miêu tả của bài này. Đọc xong bài văn, em có ý nghĩ gì ?

TIẾT 49

ANH CÔNG NHÂN DA ĐEN HÔ-XÊ

Đầu năm 1921, một cuộc bãi công lớn của công nhân nổ ra ở Bra-xin. Một chiếc tàu vừa cập bến Gia-nây-rô. Thủy thủ trên tàu chưa biết rằng bạn của mình ở đây đang đấu tranh chống bọn chủ. Một người da đen tham

4. Thêm từ ngữ vào chỗ trống để nêu rõ ý cho những động từ sau :

a) Bạn Lan ... hát...

b) Chúng ta phải giữ gìn...

5. Thêm bộ phận định ngữ vào những danh từ sau đây :

a) ...*học sinh*... *thích* đọc *báo*...

b) ...*truyện*... rất hay.

TIẾT 33

ÔN TẬP : CÁC DẤU CÂU

(Tiếp theo)

I – Bài tập

1. Điền dấu câu thích hợp vào những chỗ có gạch chéo để có những câu đúng trong đoạn văn sau đây :

Hồ Thị Thu là dũng sĩ thiếu niên diệt Mĩ của miền Nam anh hùng...

Lần đầu tiên gặp Bác/Bác hỏi Thu/:

_/Cháu đã biết chữ chưa/?

Vòng tay trả lời Bác mà Thu không thể nói nên lời vì cảm động/, cố gắng trấn tĩnh/Thu ngước mắt lên nhìn Bác/.

/Dạ thưa Bác, gia đình cháu nghèo/ba cháu mất sớm/lại đông em nên cháu không được đi học/nói xong/Thu thấy hai hàng nước mắt Bác rưng rưng và em cũng không cầm được nước mắt.

(Ba lần gặp Bác)

**2. Hãy ghi dấu câu (dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm cảm) vào đoạn văn sau đây :

thuongmaitr

... Trăng đã xế ánh trăng đọng lại trong không gian tĩnh mịch và thời gian chừng như cũng không trôi đi nữa đêm tĩnh mịch quá chừng trong sự yên tĩnh đó Thắm thấy mình thật hạnh phúc.

(Trích *Đất Quảng*)

II – Kiểm tra viết

Các kiểu câu và dấu câu.

uongxua.vn

gia đình công tên là Hô-xê muốn lên tàu báo tin cho các thủy thủ biết. Trên bến, Hô-xê gặp một tên cảnh sát ngăn anh lại.

- Tôi có quyền lên tàu gặp các bạn tôi.

- Không nói năng lằng nhằng ! Xéo !

Hô-xê cố nài.

Tên cảnh sát chẳng thèm trả lời nữa, rút súng lục ra bắn. Hô-xê nhanh nhẹn tránh kịp, và nhanh như chớp, anh túm lấy nó, quẳng xuống nước.

Có đến năm chục tên cảnh sát có vũ khí đổ xô đến đánh Hô-xê. Anh chống cự lại. Cuối cùng, anh không chọi nổi số đông, ngã xuống.

Tuy vậy, anh vẫn còn đủ sức để lẩm nhẩm bài Quốc tế ca khi được khiêng đến nhà thương. Rồi sau, chúng lôi anh ra tòa. Anh bị kết án ba mươi năm khổ sai.

thuongmait

Vừa được tin xử, anh em công nhân cách mạng lập ngay một Ủy ban bảo vệ. Một mặt, họ mướn nhiều trạng sư cãi cho bạn ; mặt khác, họ tổ chức những cuộc biểu tình phản đối trong cả nước. Dư luận quần chúng công phẫn đến mức nhà chức trách phải mang vụ án ra xét lại. Một vạn rưỡi công nhân dự phiên tòa kéo dài suốt đêm. Phiên tòa đến 4 giờ rưỡi sáng mới kết thúc. Tòa xử trắng án.

Bản tuyên án được hoan nghênh bằng những tiếng vỗ tay vang như sấm. Và Hô-xê, anh chiến sĩ da đen ngả mình trong cánh tay các người bảo vệ anh, những công nhân da trắng.

Vậy là, dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người : giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi : tình hữu ái vô sản.

NGUYỄN ÁI QUỐC
Trích "Truyện và Kí"

Chú giải

– *Bra-xin* : một nước ở Mĩ La-tinh.

– *Đình công* : nghỉ không đến làm việc, một hình thức đấu tranh của công nhân.

– *Quốc tế ca* : bài hát của công nhân toàn thế giới kêu gọi đoàn kết và đấu tranh.

– *Khổ sai* : bị tù và phải lao động cực khổ.

– *Trắng án* : (được tòa án tuyên bố) không có tội.

ongxua.vn

– *Tình hữu ái* : tình bè bạn thương yêu, đùm bọc nhau.

– *Nguyễn Ái Quốc* : tên của Bác Hồ hồi Bác hoạt động ở Pháp.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng* : 1921 (một nghìn chín trăm hai mươi mốt), Bra-xin, Gia-nây-rô, bốn giờ rưỡi sáng.

2. *Đọc diễn cảm* : nhấn mạnh các từ ngữ nêu rõ tinh thần cách mạng của công nhân. Đọc giọng dõng dạc câu nói của anh Hô-xê. Đoạn tả những hành động chống trả của Hô-xê : đọc giọng thích thú.

*** Tìm hiểu bài**

1. Tinh thần cách mạng của anh Hô-xê được bộc lộ ở những hành động nào ?

2. Em hãy nêu những tội ác của bọn cảnh sát đối với anh Hô-xê.

CHÍNH TẢ

TIẾT 18

CHÍNH TẢ *(so sánh)*

Phân biệt : **c / k / q**

I – Bài viết

ĐẠI BÀNG, QUẠ VÀ NGƯỜI CHĂN CỪU
(bài chọn ngoài)

II – Phân biệt

1. Hãy viết : – 3 chữ có **c** đứng đầu.

– 3 chữ có **k** đứng đầu.

– 3 chữ có **q** đứng đầu.

2. Hãy phát biểu quy tắc viết chính tả các chữ có **c** hoặc **k**, **q** đứng đầu.

Ghi nhớ

Phân biệt các trường hợp viết **c**, **k**, **q** :

a) Chữ cái **c** luôn luôn đứng trước các vần bắt đầu bằng các chữ cái nguyên âm : a, ă, â, o, ô, ơ, u, ư.

b) Chữ cái **k** chỉ đứng trước các vần bắt đầu bằng các chữ cái nguyên âm : e, ê, i.

c) Chữ cái **q** luôn luôn kết hợp với **u** thành **qu** (đọc là *quờ*) ; **qu** đứng trước hầu hết các chữ cái nguyên âm (trừ các nguyên âm o, u, ư).

III – Luyện tập

tuongxua.vn

1. Điền vào chỗ trống *q* hoặc *c*, *k* :

– Bạn ...im ...ể lại chuyện ...ác bạn đi ...âu ...á.

Khi ...á ...ắn câu, bạn mừng ...uýnh ...uên ...ả giật.

– ...ính đeo mắt – con ...ông – khung ...ửi – ...ưỡi ngựa – ...on ...ênh – ...uân đội – ...uấn ...uýt.

2. Phân biệt *cuốc* và *quốc* :

cái cuốc, lá quốc kì, ...

Điền *c* hoặc *q* vào chỗ trống dưới đây :

– Học sinh hát ...uốc ca. Bố em ...uốc đất. Xe chạy trên đường ...uốc lộ. Liên hợp ...uốc. Chăm cày ...uốc mới có nhiều thóc gạo.

3. Đông đảo anh em công nhân đã làm gì để bảo vệ Hô-xê ? Do đâu mà anh Hô-xê được trắng án ?

4. Ở hai câu cuối bài, Bác Hồ đã rút ra một kết luận quan trọng như một chân lí. Đó là điều gì ?

TIẾT 50

TIẾNG HÁT MÙA GẶT

Đồng chiêm phả nắng lên không,
Cánh cò dẫn gió qua thung lúa vàng.
Gió nâng tiếng hát chói chang,
Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời.

Tay nhè nhẹ chút, người ơi,
Trông đôi hạt rụng, hạt rơi xót lòng.

Dễ rơi là hạt đầu bông,
Công một nén, của một đồng là đây.

Mảnh sân trăng lúa chất đầy,
Vàng tuôn trong tiếng máy quay xập xình.
Rơm vò từng búi rối tinh,
Thân rơm rách để hạt lành lúa ơi !

Nắng non mầm mục mất thôi,
Vì đời lúa đó mà phơi cho giòn.
Nắng già hạt gạo thêm ngon,
Bưng lưng cơm trắng nắng còn thơm tho.

NGUYỄN DUY
Trích "Cát trắng"

*** Chú giải**

– Bài thơ gồm bốn đoạn, có thể đặt tên từng đoạn như sau : lúa chín, gặt lúa, tuốt lúa, phơi thóc.

– *Thung* : vùng đất rộng (khác với *thung lũng :* vùng đất trũng ở giữa hai dãy núi).

– *Công một nén, của một đồng* : tục ngữ có câu "Của một đồng, công một nén". Theo cách đo lường cũ : một đồng (đồng cân) bằng một lạng, mười lạng thành một nén (bằng 10 lạng ta, khoảng 400 gam).

*** Hướng dẫn đọc**

– *Đọc đúng :* đồng chiêm, dẫn gió, lúa vàng, long lanh, máy quay xập xình, rối tinh, thân rơm rách.

– *Đọc diễn cảm :* toàn bài đọc giọng nhẹ nhàng, biểu lộ tình cảm tha thiết.

*** Tìm hiểu bài**

1. Ở đoạn 1, cánh đồng lúa chín được tả có màu sắc, âm thanh, hình ảnh gì đẹp ? Tác giả tả lưỡi hái đẹp và sắc bằng những từ nào ?

TIẾT 19

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết

SÓI VÀ SÓC (bài chọn ngoài)

II – Viết đúng

– Sói và Sóc, choàng dậy, van xin, nhảy nhót, bóp thắt, tim gan, tóm được, hãy nói, lúc nào, chõ xuống, đùa nghịch.

– Ghi đúng dấu gạch ngang (–) trước câu đối thoại.

III – Luyện tập

1. Ghi dấu gạch ngang vào đoạn văn đối thoại sau đây :

Tôi bước lại gần hỏi :

Này em, em làm sao đấy ?

Em ngẩng đầu nhìn tôi và đáp :

Em không sao cả.

Thế tại sao em lại khóc ? Em đi về thôi. Trời tối rồi. Công viên sắp đóng cửa rồi đấy !

Em không thể đi được.
Tại sao ? Em ốm phải không ?

*2. Làm 1 trong 2 bài tập sau :

a) Tìm 5 tiếng có vần viết *it*, 5 tiếng có vần viết *ich*.

b) Điền vào chỗ trống *s* hoặc *x* :

Một chiếc ...uồng nhỏ tí từ một lạch ngang phóng ra, đến giữa dòng ...ông Lình ...oay theo chiều nước ...iết, nổ máy dữ dội, lao hết ...ức nhanh. Guồng chân vịt ...oắn nước thành một luồng trắng ...oá, bọt ...ủi như luống cày tỏa rộng hình nan quạt. Chiếc xuồng hếch mũi rất cao, cả ...ườn lẫn đáy như bốc hết lên khỏi mặt nước ...é gió thành những tiếng rít.

TIẾT 20

CHÍNH TẢ *(so sánh)*

Phân biệt : – **l / n**
– **v / d / gi**

I – Bài viết

RA KHƠI (bài chọn ngoài)

II – Phân biệt

1. **l / n**

TT	l	n
1	**leo :** *leo* trèo, *leo* kheo, *leo* lẻo, *leo* lét.	**neo :** *neo* thuyền, *neo* đơn.
2	**lâu :** *lâu* dài, *lâu* đài, *lâu* nay.	**nâu :** màu *nâu*, *nâu* sồng.
3	**lô :** *lô* đất, một *lô*, *lô* xô, *lô* nhô.	**nô :** *nô* đùa, *nô* nức, *nô* lệ.

tuongxua.vn

2. Ở đoạn 2, em tìm những từ ngữ nêu lên lòng yêu quý từng hạt lúa của tác giả. Tác giả đã khuyên ta điều gì ?

3. Cảnh tuốt lúa được tả ở đoạn 3 có những nét gì đẹp ? Tìm hai từ có nghĩa trái ngược nhau ở đoạn 3.

4. Tìm một từ được lặp lại nhiều lần ở đoạn cuối ? Lặp lại như vậy để nói ý gì ?

5. Dòng thơ 8 tiếng ở cuối bài có gì đáng chú ý về vần giữa các từ ?

* Học thuộc lòng bài thơ.

TIẾT 51

LÀNG DAO SUỐI LÌN

Làng Dao Suối Lìn ngày nay vẫn ở trong núi sâu nhưng xe hơi vào được tận ngõ mọi nhà. Bà con tự đắp lấy con đường lớn để mang cái văn minh vào tận các bếp và đưa cái giàu có của mình đi các nơi để góp phần xây dựng đất nước.

Đồng bào ở đây, gần hai mươi năm định cư, đã biến đồi hoang thành ruộng bậc thang màu mỡ, thành đồng cỏ chăn nuôi và thành những rừng cây công nghiệp. Rừng móc, rừng chè, rừng sa nhân xanh mườn mượt.

Ban đêm, Suối Lìn tưng bừng ánh điện thì ban ngày Suối Lìn rực rỡ màu hoa : hoa đào, hoa mận, cúc, thược dược, lay ơn... mùa nào hoa ấy. Cuộc sống có no có ấm, ai chả muốn cảnh nhà thêm đẹp, thêm thơm. Đã qua rồi cái thời túp lều nửa sàn nửa đất, xiêu vẹo dựa vào

lưng núi. Ngày nay, bốn mươi ngôi nhà, cột gỗ kê đá tảng, nằm giữa các vườn hoa quả.

Chiều làng Dao Suối Lìn thật đẹp. Ánh mặt trời sắp lặn sáng rực lên, hôm thì vàng tươi, hôm thì hồng đỏ. Trẻ em mặc áo bông, áo len đủ màu ra đầu làng đón người lớn đi làm về. Từng đoàn người đi hàng một, theo thói quen của những người đi rừng, từ các khu trồng trọt, chăn nuôi trở về trong tiếng hát của máy thu thanh. Khi đêm xuống, những đường làng ngang dọc thẳng tắp có hàng trăm bóng điện bật sáng.

ĐẶNG QUANG TÌNH

*** Chú giải**

- *Dao* : tên một dân tộc thiểu số sống ở vùng thượng du miền Bắc.
- *Suối Lìn (hợp tác xã Suối Lìn)* : ở ven đường số 6, gần cao nguyên Mộc Châu vùng Tây Bắc nước ta do anh hùng lao động Bàn Văn Minh làm chủ nhiệm.
- *Định cư* : sống hẳn ở một nơi, không chuyển chỗ ở hằng năm như trước kia.
- *Ruộng bậc thang* : ruộng nằm ở sườn đồi, mỗi đám tạo thành từng bậc để dễ giữ nước và phân bón.
- *Móc* : một loại cây có thân cao, hình dáng na ná cây cau cho ta sợi dùng để khâu nón.
- *Sa nhân* : một loại cây có quả dùng làm thuốc chữa bệnh.
- *Văn minh* : ý nói những điều tiến bộ, mới mẻ.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng* : Suối Lìn, ruộng bậc thang, rực rỡ màu hoa, sáng rực lên.

2. *Đọc diễn cảm* : nhấn mạnh những đoạn tả cảnh đổi mới của Suối Lìn về ruộng, rừng, đường sá, điện, nhà cửa...

2. **v / d / gi**

TT	v	d	gi
1	**vào** : ra *vào*, *vào* hùa.	**dào** : dồi *dào*, *dào* dạt.	(không có)
2	**vài** : *vài* ba, một *vài*.	**dài** : *dài* (ngắn), *dài* ngày, *dài* lời.	(không có)
3	**vục** : *vục* tay xuống nước.	**dục** : giáo *dục*, đức *dục*, hình bầu *dục*.	**giục** : thúc *giục*, *giục* giã.
4	**vã** : vội *vã*, vồn *vã*, cãi *vã*, ăn *vã*, *vã* mồ hôi.	**dã** : trắng *dã*, thôn *dã*, con *dã* tràng, *dã* man.	**giã** : *giã* gạo, giặc *giã*, giòn *giã*, từ *giã*.

III – Luyện tập

Làm 1 trong 2 bài tập sau :

1. Điền vào chỗ trống *l* hoặc *n* :

thuongmaitr

Sáng hè đẹp... ấm em ơi
Đầu... on cỏ... ục mặt trời đang... ên.
Da trời xanh ngắt thần tiên
Đỏ au đường mới mang tên Bác Hồ.
Trường Sơn mây... úi... ô xô
Quân đi sóng... ượn nhấp nhô bụi hồng.

2. Tìm 2 từ láy có phụ âm đầu *v*, 2 từ láy có phụ âm đầu *d*, 2 từ láy có phụ âm đầu *gi* (ví dụ : vụng về, dễ dàng, giòn giã).

TIẾT 21

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết

QUA THẬM THÌNH

(Vua Hùng... nghĩa tình nước non.)

II – Viết đúng

– vua Hùng, đi săn, tròn bóng, quả xôi đầy, bánh giầy, tiên sa, rập rình, nước non, Thậm Thình.

– Phân biệt :

+ nước sôi, đĩa xôi, xa xôi.

+ bánh giầy, đôi giày, dày mỏng.

III – Luyện tập

1. Ghi đúng dấu phẩy và dấu chấm trong đoạn văn sau đây :

Dưới mặt đất nước mưa vẫn còn róc rách lăn tăn luồn lỏi chảy thành hàng ngàn vạn dòng mong manh buốt lạnh từ trong các bụi rậm xa gần những chú chồn những con dũi với bộ lông ướt mềm vừa mừng rỡ vừa lo lắng nối tiếp nhau nhảy ra rồi biến mất.

2. Viết 5 chữ có s đứng đầu, 5 chữ có x đứng đầu.

truongxua.vn

TIẾT 22

CHÍNH TẢ *(kiểm tra)*

I – Bài viết

MƯA (bài chọn ngoài)

II – Viết đúng

1. Ghi đúng dấu phẩy và dấu chấm.

2. Viết đúng một số tiếng có *phụ âm đầu, vần* và *thanh* dễ lẫn lộn :

Phụ âm đầu

ng / ngh : ngược, nghiêng.

c / k : đen kịt, cuống cẳng.

v / d / gi : vây, vướng, dài, giòn.

*** Tìm hiểu bài**

1. Điều gì cho ta thấy đời sống khổ cực của Suối Lìn trước kia ?

2. Tìm những nét đổi mới nổi bật ở làng Dao Suối Lìn (về đường sá, về sản xuất, nhà cửa, vườn, đời sống).

3. Buổi chiều, Suối Lìn có gì đẹp và vui !

TIẾT 52

HẠT GẠO LÀNG TA

Hạt gạo làng ta
Có vị phù sa
Của sông Kinh Thầy
Có hương sen thơm
Trong hồ nước đầy
Có lời mẹ hát
Ngọt bùi hôm nay.

Hạt gạo làng ta
Có bão tháng bảy
Có mưa tháng ba
Giọt mồ hôi sa
Những trưa tháng sáu
Nước như ai nấu
Chết cả cá cờ
Cua ngoi lên bờ
Mẹ em xuống cấy.

Hạt gạo làng ta
Những năm bom Mĩ

thuongmaitr

Trút lên mái nhà
Những năm khẩu súng
Theo người đi xa
Những năm băng đạn
Vàng như lúa đồng
Bát cơm mùa gặt
Thơm hào giao thông...

Hạt gạo làng ta
Gửi ra tiền tuyến
Gửi về phương xa
Em vui em hát
Hạt vàng làng ta.

TRẦN ĐĂNG KHOA

*** Chú giải**

– *Sông Kinh Thầy* : một sông nhỏ ở tỉnh Hải Dương, quê hương của Trần Đăng Khoa.

– *Cá cờ* : loài cá nhỏ có vây và đuôi xòe ra như dải cờ. Còn có một loài cá nhỏ khác, vảy có nhiều màu sắc giống như màu sắc của các lá cờ cũng có tên là cá cờ.

– *Tiền tuyến* : mặt trận.

*** Hướng dẫn đọc**

Khổ thơ 1 : đọc thong thả, nhấn mạnh từ *có* được lặp lại nhiều lần. Cuối dòng 2, 4, 6, đọc vắt luôn sang dòng sau :

Có vị phù sa
Của sông Kinh Thầy.

Khổ thơ 2 : đọc nhanh hơn, nhấn mạnh từ ngữ *có bão, có mưa, giọt mồ hôi* để diễn tả nỗi khó nhọc, vất vả. Cuối dòng 4, 6, 8 cũng đọc vắt luôn sang dòng sau.

Khổ thơ 3 : nhấn mạnh từ *những năm* được lặp lại nhiều lần. Cuối các dòng 2, 4, 6, 8 đọc vắt luôn sang dòng sau.

l / n : lại, li, nổ.

ch / tr : tránh, chớp, trút.

s / x : sấm, súng, xuống, sụp.

Vần

oăng : loằng ngoằng.

oang : nhoáng nhoàng.

ân : gần, phần phật.

uc, ut : nhức, dứt.

Thanh

dấu ? : khỏi, khổ, bảy, nổ, thổi.

dấu ~ : vẫn, mỗi.

III - Luyện tập

Làm 1 trong 3 bài tập sau :

1. Điền *ch* hoặc *tr* vào các chỗ trống :

...úc mừng, cây ...úc, kiến ...úc, ...úc thọ ông bà, ...úng bạn, công ...úng, ...úng giải thưởng, bánh ...ưng.

2. Điền *ich* hoặc *it* vào chỗ trống :

quả m..., kín m..., xích m..., đùa ngh..., đen k..., nhắm t... mắt.

3. Điền *ôc* hoặc *ôt* vào chỗ trống :

lão b..., b... mì, thợ m..., thuyền đ... m..., ngày mùng m..., tàu t... hành, người t... việc t...

TIẾT 23

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I - Bài viết

ĐÊM TRĂNG HÀNH QUÂN VỀ ĐỒNG BẰNG
(Đêm nay... nhịp bàn chân bước.)

II – Viết đúng

– sư đoàn, sông Đà Rằng, Phú Yên, trầm mặc, vượt sông, mát lộng, chiến sĩ, về khuya.

– trăng đang lên, lấp loáng ánh vàng, lăn tăn gợn, vỗ nhẹ, trăng sáng vằng vặc.

– Phân biệt :

? / ~

– *giải / giãi*

giải : giải thích, *giải* phóng, *giải* quyết, *giải* trí, *giải* khát, con *giải* (loài ba ba lớn sống ở những vực nước sâu).

giãi : giãi bày.

– *sỉ / sĩ*

sỉ : sỉ nhục.

sĩ : chiến *sĩ*, văn *sĩ*, *sĩ* diện, *sĩ* số.

r / d / gi

tuongxua.vn

– *rung / dung*

rung : rung động, *rung* rinh, *rung* rung.

dung : dung tha, *dung* túng, ung *dung*.

– *dường / giường / rường.*

dường : dường như, *dường* nào.

giường : giường chiếu.

rường : rường cột.

III – Luyện tập

1. Viết 5 chữ có *r* ; 5 chữ có *d* ; 5 chữ có *gi* đứng đầu.

2. Viết các từ ngữ : *dương cầm, cây dương liễu, giương cao ngọn cờ, dò xét, dặn dò, giò chả, chân giò lợn* (giò heo).

Khổ thơ 4 : ba dòng trên đọc liền mạch. Hai dòng cuối đọc thong thả và ngắt :

Em vui/em hát/
Hạt/vàng/làng/ta.

*** Tìm hiểu bài**

1. Tìm các tiếng cùng vần ở cuối dòng thơ.

2. Ở khổ thơ 1, tác giả nêu hạt gạo quê hương thơm ngon là nhờ đâu ?

3. Ở khổ thơ 2, tác giả nêu những nỗi khó khăn gì do thiên nhiên gây nên khi làm ra được hạt gạo ? Để diễn tả nỗi khó nhọc của người mẹ khi cấy, tác giả đã dùng hình ảnh nào ?

4. Ở khổ thơ 3, tác giả kể tiếp những khó khăn gì khiến người nông dân đã phải vượt qua khi làm ra hạt gạo ?

Tại sao người nông dân không chùn bước trước những khó khăn và vẫn hăng hái sản xuất ?

5. Dòng thơ cuối cùng "Hạt vàng làng ta" nói lên ý gì ?

* Học thuộc lòng khổ thơ 2, 3, 4.

thuongmaitr

TIẾT 53

BUỔI SÁNG MÙA HÈ TRONG THUNG LŨNG

Rừng núi còn chìm đắm trong màn đêm. Trong bầu không khí đầy hơi ẩm và lành lạnh, mọi người đang ngon giấc trong những chiếc chăn đơn. Bỗng một con gà trống vỗ cánh phành phạch và cất tiếng gáy lanh lảnh ở đầu bản. Tiếp đó, rải rác khắp thung lũng, tiếng gà gáy râm ran. Mấy con gà rừng trên núi cũng thức dậy gáy te te.

Trên mấy cây cao cạnh nhà, ve đua nhau kêu ra rả. Ngoài suối, tiếng chim cuốc vọng vào đều đều... Bản làng đã thức giấc. Đó đây, ánh lửa hồng bập bùng trên các bếp. Ngoài bờ ruộng đã có bước chân người đi, tiếng nói chuyện rì rầm, tiếng gọi nhau í ới.

Tảng sáng, vòm trời cao xanh mênh mông. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống thung lũng mát rượi. Khoảng trời sau dãy núi phía đông ửng đỏ. Những tia nắng đầu tiên hắt chéo qua thung lũng, trải lên đỉnh núi phía tây những vệt sáng màu lá mạ tươi tắn... Ven rừng, rải rác những cây lim đã trổ hoa vàng, những cây vải thiều đã đỏ ối những quả...

Nắng vàng lan nhanh xuống chân núi rồi rải vội lên đồng lúa. Bà con xã viên đã đổ ra đồng cấy mùa, gặt chiêm. Trên những ruộng lúa chín vàng, bóng áo chàm

CHÍNH TẢ *(so sánh)*

Phân biệt : **ch / tr**

ʔ / ~ / .

I – Bài viết

ĐÀN NGAN CON (bài chọn ngoài)

II – Phân biệt

1. Phân biệt ch / tr

TT	ch	tr
1	**chứng** : *chứng* bệnh, *chứng* cớ, *chứng* minh, *chứng* tỏ.	**trứng** : quả *trứng*.
2	**chông** : bàn *chông*, *chông* chênh.	**trông** : *trông* thấy, *trông* nom, *trông* mong, *trông* cậy, *trông* chừng.
3	**chân** : (Dành cho HS tự tìm từ phân biệt)	**trân** :

2. Phân biệt ʔ / ~ / .

TT	ʔ	~	.
1	**củng** : lủng *củng*, *củng* cố.	**cũng** : *cũng* như, *cũng* vậy.	**cụng** : *cụng* đầu, *cụng* nhau.
2	**mỏ** : *mỏ* gà, xương *mỏ* ác, *mỏ* hàn, hầm *mỏ*, mắng *mỏ*.	**mõ** : *mõ* trâu, trống *mõ*.	**mọ** : lọ *mọ*.
3	**nở** : (Dành cho HS tự tìm từ phân biệt)	**nỡ** :	**nợ** :

III – Luyện tập

1. Điền *ch* hoặc *tr* vào chỗ trống :

... ung quanh, tập... ung, ... ung kết, ... ung tâm, ... uyên chở, hiểm... ở, ... ắc trở, tương... ợ, phiên... ợ, bóng... uyền, bảng cửu... ương.

2. Điền dấu ˀ , dấu ~ , hoặc dấu . vào các chữ in nghiêng dưới đây :

mơ cửa, cậu *mơ*, rán *mơ*, hoa *nơ*, trả *nơ*, vui *ve*, học *ve*, *sua* chữa, hộp *sua*, *nga* ba sông, *sua* sang, *cua* gà trống, số *chăn* số *le*.

TIẾT 25

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

tuongxua.vn

I – Bài viết

MẤY CHÚ ẾCH (bài chọn ngoài)

và nón trắng nhấp nhô, tiếng nói tiếng cười nhộn nhịp vui vẻ.

Mặt trời nhô dần lên cao. Ánh nắng mỗi lúc một gay gắt. Dọc theo những con đường mới đắp, vượt qua chiếc cầu gỗ bắc qua con suối, từng tốp nam nữ thanh niên thoăn thoắt gánh lúa về sân phơi. Tiếng cười giòn tan vọng vào vách đá.

HOÀNG HỮU BỘI

*** Chú giải**

– *Bản*: làng ở miền núi.

– *Vải thiều*: thứ vải quả nhỏ, hạt nhỏ, cùi dày, ăn rất ngon (quả nhỏ hơn quả chôm chôm ở miền Nam).

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng*: gà gáy râm ran, kêu ra rả, nói chuyện rì rầm, tràn xuống, mát rượi, trổ hoa vàng, rải vội, vọng vào vách đá.

2. *Đọc diễn cảm*: đọc nhấn mạnh những từ ngữ gợi tả như *chìm đắm, ngon giấc, vỗ cánh phành phạch, gáy lanh lảnh, trời cao xanh mênh mông, thung lũng mát rượi...*

*** Tìm hiểu bài**

1. Nêu những âm thanh rộn ràng trong thung lũng lúc trời sắp sáng.

2. Tìm những dấu hiệu chứng tỏ mọi người đã thức giấc.

3. Cảnh buổi sáng ở đây có những hình ảnh nào đẹp ?

4. Trong bài này, tác giả tả cảnh theo thứ tự thời gian. Em hãy chỉ rõ điều đó.

* Học thuộc lòng đoạn đầu.

thuongmaitr

TIẾT 54

ÔNG GIÀ TRÊN NÚI CHÈ TUYẾT

Đường từ nhà lên chỗ ông ròng rã hai ngày. Hai ngày, A Cổ theo ông A De đi lên núi cao, giữa rừng xanh mênh mông và khi tới lưng chừng núi thì đi vào rừng chè tuyết. Những cây chè ở đây to hai người ôm, cao bằng nóc nhà, xòe nở lùm lùm như đĩa xôi. Những tán cây tiếp giáp nhau xoay đủ hướng như mạng nhện. Đoàn ngựa kiên nhẫn khua lục khục móng sắt trên nền đá, đi miết.

Bỗng ông A De cất tiếng hú :

- Hu... ú ! Ba... ác Già ...àng Phu ...ủ, ra mà đón cháu lên thă... ăm !

ongxua.vn

Phía trước, sát vách núi hiện ra một căn nhà ba gian mái lợp ván thông. Từng sợi khói trắng đang nghi ngút lách qua kẽ ván bay lên, uốn lượn. Đoàn ngựa nhớ đường, đi thẳng vào cái sân đầy lá lổn nhổn. Một ông già, miệng ngậm tẩu thuốc lá, mắt nheo nheo vì khói bước ra. Mặt ông phương phi, hồng hào, trán vuông, tóc bạc trắng xõa xuống vai. Đó là ông Giàng Phủ. A Cổ sung sướng chào :

- Cháu chào ông ạ !

Ông vui vẻ nói :

- A Cổ hả ? Lớn tướng rồi nhỉ ? Bố cháu có gửi pin đài lên cho ông không ?

- Thưa ông, có ạ !

II – Viết đúng

– ếch, nước trong veo, rong tóc tiên, đàn cá rô ron, xoải chân, giương mắt, ngoác miệng.

– tung tăng, chợt vang lên, giọng rất nhộn, nháy nhau.

– Viết đúng dấu ngoặc kép :

"Bõm ! Bõm ! Bõm !"
"Tớ là Ếch Cốm
Giỏi nhất trần đời..."

III – Luyện tập

Ghi dấu ngoặc kép đúng chỗ trong các câu văn sau đây :

1. Bục ! Pháo lệnh lại nổ. Đức thì thào bên tai Quỳnh : Có lệnh mở máy rồi !

2. Trước buổi hoàng hôn, thuyền trưởng bước lên boong tàu và ra lệnh : Tấm !

3. Ngay từ buổi sớm tinh mơ, ngoài cửa lều vịt đã rộn lên những tiếng vít, vít của đàn vịt con.

TIẾT 26

CHÍNH TẢ *(kiểm tra)*

I – Bài viết

MỘT CUỘC THI NHẠC (bài chọn ngoài)

II – Viết đúng

Phụ âm đầu

l / n : nô nức, lượt, lên.

d / gi : giẫm giẫm, nô giỡn, diễn tả.

c / q : cờ-la-ri-nét, quạc cờ, quạc, quạc !

thuongmaitr

Vần

iêm : nghiêm trang.

oang : khoảng im lặng.

Thanh

? : tuyển, giỏi, giả, khoảng, tả, buổi, trẩy, trẻo.

~ : diễn, chững, giẫm, đã, những, giỡn.

III – Luyện tập

Xem lại và làm đầy đủ các bài tập từ *Tiết 21* đến *Tiết 25*.

TIẾT 27

CHÍNH TẢ

truongxua.vn

I – Điền các *phụ âm đầu, vần* và *dấu thanh* thích hợp vào những chỗ trống trong bài "Người thợ rèn" sau đây :

NGƯỜI THỢ RÈN

Tôi được ngắm bác thợ ..èn lần đầu ..ào một buổi ..iều thu. Bác đang ..èn một lưỡi cày. Áo sơ-mi phanh ra để ..ộ bộ ngực lực ..ưỡng mà mỗi hơi thở làm h.. lên những ch..c s.. của cái ..ồng ..ực như bằng ..ắt ấy. Bác ..ửa người ..a ..au lấy đà rồi ..áng búa x... Và cứ thế, ..uôn l.. như thế không ..úc ..ào dừng, thân hình bác l.. lư, uyển ch.. dưới ..ức thúc đẩy mãnh l.. của các cơ bắp. Bác ..uay những ..òng tròn đ.. đặn, mang theo ..ô số tia l.. và để ánh ..ớp lại ..ên đe.

(Ê-min Dô-la)

II – Luyện tập

Phân biệt chính tả :

– dày / giày / rày

Đêm ấy, bên bếp lửa hồng, ba người ngồi ăn cơm với thịt gà rừng. Sau bữa cơm, chỉ có một mình A Cổ được đi ngủ. Hai ông xoay trần ra sao chè. Hai bếp lò đỏ hừng hực than. Hai chảo gang to như hai cái nia đổ đầy chè, bốc hơi nghi ngút. Những nắm tay cuồn cuộn đảo chè, vò chè. Các bàn tay chịu nóng quá đỏ lựng lên... A Cổ ngủ chập chờn, thỉnh thoảng thức giấc vẫn thấy hai ông cặm cụi làm việc như hai người thợ luyện vàng giũa ngọc thâu đêm suốt sáng.

BÙI NGUYÊN KHIẾT

Trích "Người du kích trên núi chè tuyết"

*** Chú giải**

Bài này viết về vùng núi đồi trồng nhiều chè ở vùng Hà Giang, Tuyên Quang.

– *Chè tuyết* : chỉ loại chè sao khô có mốc trắng lốm đốm như tuyết.

thuongmait

– *Mặt phương phi* : khuôn mặt vuông vắn đầy đặn.

– *Sao chè* : chè non được vò rồi bỏ vào chảo gang nóng để làm cho khô và cho chè lên hương.

– *Luyện vàng* : nấu quặng vàng để tạo thành vàng tinh khiết.

– *Giũa ngọc* : dùng dụng cụ làm cho các viên ngọc nhẵn và có hình dáng đẹp.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng* : ròng rã, rừng chè tuyết, đĩa xôi, uốn lượn, xõa xuống vai, xoay trần.

2. *Đọc diễn cảm* : chú ý đọc cao giọng và kéo dài các từ có chấm lửng ở giữa :

Hu...ú ! Ba...ác Già...àng Phu...ủ, ra mà đón cháu lên thă...ăm !

– Đọc cao giọng ở các câu hỏi.

• **Tìm hiểu bài**

1. Từ "ròng rã" và từ "mênh mông" ở hai câu đầu gợi lên những ý gì ?

2. Cây chè ở đây có những đặc điểm gì khác với cây chè ta trồng ở nhà ?

3. Tác giả chỉ dùng có 2 câu để tả ông Giàng Phủ nhưng rất thành công vì đã nêu được những nét đặc sắc ở ông. Em hãy tìm những nét đặc sắc đó.

4. Hai ông già đã sao chè vất vả như thế nào ? Câu nào nói lên tinh thần làm việc hăng say của hai ông ?

TIẾT 55

ĐÁNH CÁ

Ở một cái đầm rộng ngay giáp bên đường xe lửa đang có một đám kéo lưới. Cái lưới uốn thành một đường

– đẩy / đẫy / đậy

Đặt câu với mỗi từ : *giày, đậy, đẩy.*

TIẾT 28

CHÍNH TẢ *(so sánh)*

Phân biệt : s / x

ươn / ương

? / ~ / . / /

I – Bài viết

CÔ BÉ VÀ ĐÔI CHIM SEN XANH (bài chọn ngoài)

thuongmaitr

II – Phân biệt

1. Phân biệt **s / x**

TT	s	x
1	**sen** : chim *sen*, hoa *sen*, bình tưới hoa *sen*.	**xen** : *xen* vào, *xen* kẽ.
2	**sấu** : cây *sấu*, cá *sấu*, con *sấu* đá.	**xấu** : tốt *xấu*, *xấu* tính, *xấu* hổ.
3	**sét** : (Dành cho HS tự tìm từ phân biệt)	**xét** :
4	**sung** : (Dành cho HS tự tìm từ phân biệt)	**xung** :

2. Phân biệt **ươn / ương**

TT	ươn	ương
1	**lượn** : bay *lượn*, hát *lượn*.	**lượng** : chất *lượng*, số *lượng*, ước *lượng*, *lượng* sức, thương *lượng*.
2	**lươn** : con *lươn*.	**lương** : *lương* bổng, *lương* thực, *lương* tâm, *lương* thiện.
3	**lườn** : *lườn* gà.	**lường** : đo *lường*, *lường* gạt.
4	**trườn** : (Dành cho HS tự tìm từ phân biệt)	**trường** :
5	**ươn** : (Dành cho HS tự tìm từ phân biệt)	**ương** :

truongxua.vn

cánh cung rộng, dập dềnh trên mặt nước, hai đầu đã vắt đến con đường bờ đầm. Hai chiếc đò nan ở hai đầu lưới áp vào bờ, mỗi bên bốn người đàn ông nhảy lên mặt đất vừa thong thả kéo lưới, vừa tiến lại gần nhau. Khoảng mặt nước bị quây vòng khẽ động lên từ lúc nào. Rồi một con cá trắng toát nhảy vọt lên cao tới hơn một thước và quẫy đuôi vượt ra ngoài vòng lưới, rơi xuống đánh tõm.

Năm sáu người đi hẳn xuống con đường đất bờ đầm, tới chỗ kéo lưới, đứng xem.

Những khoang lưới kéo lên bờ đã lấm tấm những con cá trắng toát mắc vào các mắt lưới giẫy đành đạch. Nhưng không ai vội gỡ, vẫn để mặc đấy, tiếp tục kéo lưới lên đã.

Trẻ em không biết ở đâu đã kéo đến. Đứa lớn cõng đứa bé, chúng nó xúm xít trên bờ đầm. Những con mắt đen hau háu nhìn những con cá mắc lưới kéo lên mỗi lúc một nhiều. Năm sáu người đàn bà đầu chít khăn vuông kẻ ô, dáng chừng là các bà hàng cá, đứng đợi bên cạnh những chiếc sọt tre lớn.

Lưới kéo lên bờ đã chất thành đống. Dưới nước, vòng lưới cũng đã vào gần đến sát bờ. Người ta đã trông thấy lao xao, trắng cả trên mặt nước gợn sóng, những con cá vùng vẫy bơi cuống quýt. Cá lớn, cá nhỏ vẫn tới tấp theo nhau quẫy đuôi quăng mình lên cao, lại rơi xuống, không ngớt lúc nào. Lưới đã vào đến bờ. Đàn cá bị vây bốn bên đã nổi hết lên, trắng bạc cả một khoang mặt nước. Chúng càng vùng vẫy và nhảy lên rào rào. Sóng nước bắn tung tóe, bọt trắng ngầu lên sôi sục.

NGUYỄN ĐÌNH THI
Trích "Vỡ bờ"

• Hướng dẫn đọc

1. *Đọc đúng :* quẫy đuôi vượt ra, mắc vào các mắt lưới, giẫy đành đạch, vùng vẫy, bơi cuống quýt.

2. *Đọc diễn cảm :* nhấn mạnh các từ ngữ gợi tả như *trắng toát, giẫy đành đạch, lao xao, bơi cuống quýt, nhảy lên rào rào.*

• Tìm hiểu bài

1. Bài này thuộc thể loại văn gì ? Trọng tâm miêu tả của tác giả nhằm vào những hoạt động nào ?

2. Bài văn cho biết những người dân chài đã dùng cách gì để đánh cá ?

3. Em hãy nêu cách tả khác nhau của tác giả về từng nhóm người đứng xem cá.

4. Tìm những từ ngữ tạo nên các nét sinh động mà tác giả đã dùng để tả cá ở đoạn cuối.

truongxua.vn

TIẾT 56

TỤC NGỮ

Khuyên chăm lao động

- Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.
- Giàu đâu những kẻ ngủ trưa
Sang đâu những kẻ say sưa tối ngày.
- Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.

Khuyên tiết kiệm

- Làm khi lành để dành khi đau.
- Được mùa chớ phụ ngô khoai
Đến khi thất bát lấy ai bạn cùng.

3. Phân biệt dấu thanh : *hỏi, ngã, nặng, sắc .*

TT	?	~	.	/
1	**vẻ** : *vẻ* đẹp, *vẻ* mặt, tỏ *vẻ*, *vẻ* vang, vui *vẻ*, vắng *vẻ*.	**vẽ** : học *vẽ*, chỉ *vẽ*, *vẽ* chuyện, bày *vẽ*.	(không có)	**vé** : *vé* xe, *vé* xem hát, *vé* xổ số.
2	**hải** :	**hái** :	**hại** :	**hái** :
	(Dành cho HS tự tìm từ phân biệt)			

III – Luyện tập

Làm 1 trong 3 bài tập sau :

1. Đặt câu với mỗi từ : **vẻ, vẽ, vé.**

2. **s** hay **x** ?

...e lên đèo tầng dưới nối tầng trên
Đường Dốc Cọp mấy mươi cây ...ố dốc
...e bò lên, bò lên trong câu ca "Ngàn cân treo ...ợi tóc"
Chênh vênh trăm lượt ...óng ...ô
Dốc Cọp như tay người khổng lồ
Đẩy ...e ...uống ...e cứ gầm vượt dốc.

(Hà Phương Mĩ)

3. Điền dấu ? hoặc ~ vào các chữ in nghiêng dưới đây cho hợp nghĩa :

mu cao su, đội *mu*, nằm *ngu*, hàng *ngu*, *ngu* cốc, máy *nô*, *nô* lực, *quang* cáo, một *quang* đường, miêu *ta*, mưa tấm *ta*, tấm *vai*, quả *vai*, rơi *vai*.

thuongmaitr

TIẾT 29

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I - Bài viết

CHỊ GIA-MI-LI-A CỦA TÔI (bài chọn ngoài)

II - Viết đúng

1. Những tiếng có phụ âm đầu viết :

- *ch / tr* : choàng, chéo, trán, trẻ.
- *v / d* : vóc người, vẻ, dày, duyên dáng.
- *s / x* : suồng sã, sức sống, xoăn.

2. Những tiếng có vần viết :

- *oăn* : xoăn.
- *iêng* : biêng biếc.
- *uôn, uông* : khuôn mặt, xuống.

3. Những tiếng có thanh viết :

- ̉ : thon thả.
- ˜ : dạn dĩ, suồng sã.

uongxua.vn

III - Nhận xét chính tả

1. Trong một số từ láy, tiếng có *thanh hỏi* thường đi với tiếng có *thanh hỏi* hoặc đi với tiếng có *thanh sắc*, hoặc đi với tiếng có *thanh ngang* :

hỏi với *hỏi* : lỏng lẻo
hỏi với *sắc* : sáng sủa
hỏi với *ngang* : thon thả
} *hỏi, sắc, ngang*

2. Trong một số từ láy, tiếng có *thanh ngã* thường đi với tiếng có *thanh ngã* hoặc đi với tiếng có *thanh nặng*, hoặc đi với tiếng có *thanh huyền* :

ngã với *ngã* : lõm bõm
ngã với *nặng* : dạn dĩ
ngã với *huyền* : suồng sã
} *ngã, nặng, huyền*

- Khi có thì chẳng ăn de
Đến khi ăn hết thì dè chẳng ra.

Khuyên chín chắn khi nói năng

- Ăn có nhai, nói có nghĩ.
- Chim khôn kêu tiếng rảnh rang
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.
- Đất tốt trồng cây rườm rà
Những người thanh lịch nói ra dịu dàng.
- Đất rắn trồng cây khẳng khiu
Những người thô tục nói điều phàm phu.
- Nói chín thì phải làm mười
Nói mười làm chín kẻ cười người chê.

Tục ngữ Việt Nam

*** Chú giải**

– *Tục ngữ :* những câu nói có mục đích khuyên răn hoặc đúc kết kinh nghiệm của người xưa, được truyền lại, thường ngắn gọn, có vần nên dễ nhớ.

– *Tay quai miệng trễ :* ý nói tay lười lao động thì miệng không có gì ăn.

– *Chớ phụ :* chớ bỏ, chớ coi thường.

– *Khi thất bát :* khi mất mùa.

– *Tiếng rảnh rang :* tiếng trong trẻo, véo von.

– *Thanh lịch :* nhã nhặn, lịch sự.

– *Điều phàm phu :* ý nói điều cục cằn, thô lỗ.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* tay quai miệng trễ, kêu tiếng rảnh rang, rườm rà, khẳng khiu.

2. *Đọc diễn cảm :* nhấn mạnh các từ cùng vần trong từng câu như *nhai – quai* ; *lành – dành*.

thuongmai

*** Tìm hiểu bài**

1. Ở đoạn 1, các câu tục ngữ phê phán thói xấu gì ? Giữa làm và hưởng, cái gì phải đi trước ? Vì sao ?

2. Tại sao *một nghề cho chín* (tức cho giỏi, cho thạo) lại hơn *chín mười nghề* mà không giỏi ?

3. Ở đoạn 2, các câu tục ngữ khuyên ta điều gì ? Nếu không biết lo xa thì sẽ ra sao ?

4. Tại sao cần phải suy nghĩ kĩ khi nói năng ? Những câu nào khuyên ta điều đó ?

5. Những câu nào khuyên ta cần nói lời hay, tránh lời thô tục ?

* Học thuộc lòng 6 câu tự chọn trong bài.

TIẾT 57

HOA HỌC TRÒ

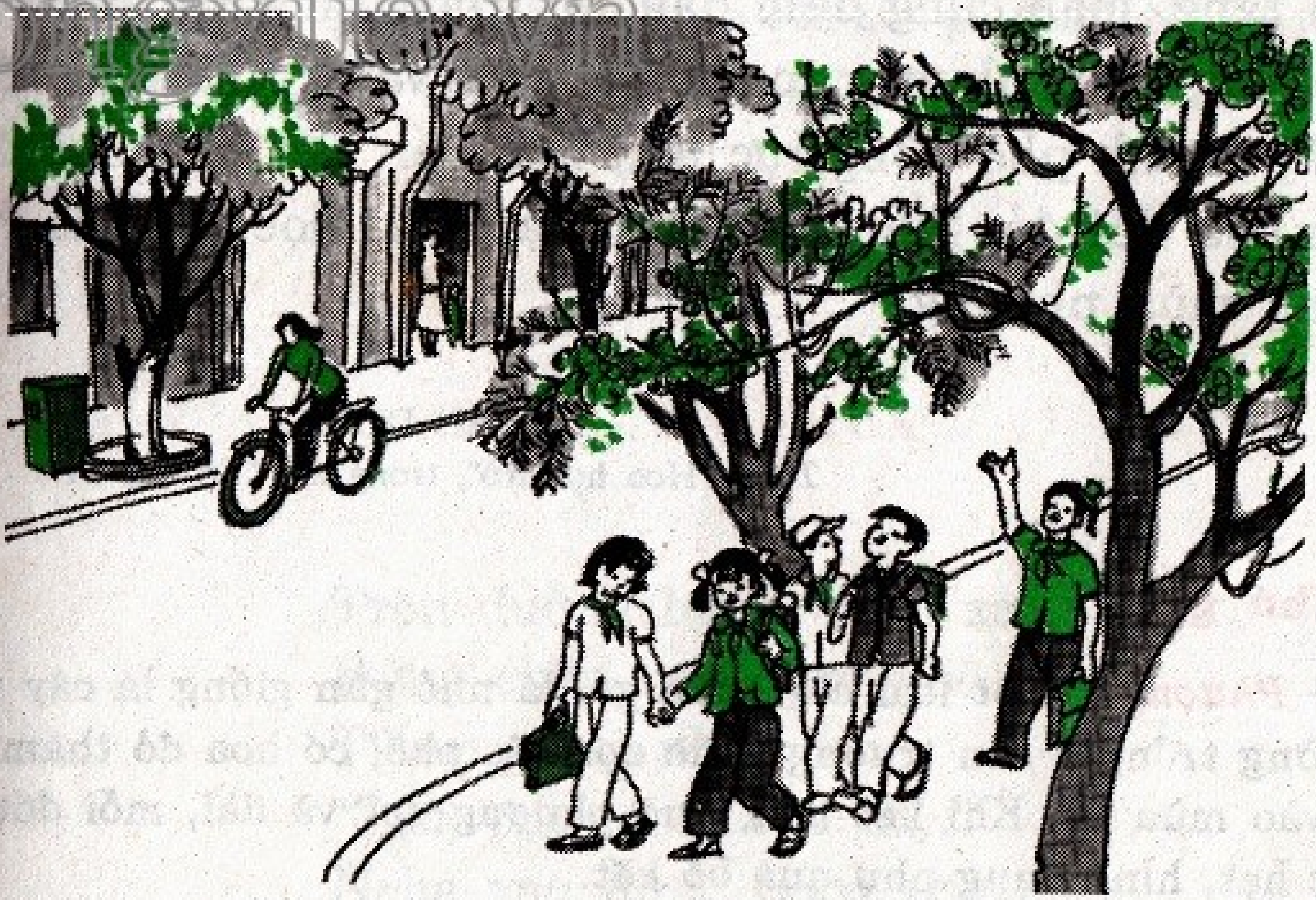

Phượng không phải là một đóa, không phải vài cành, phượng đây là cả một loạt, cả một vùng, cả một góc

IV – Luyện tập

Làm một trong hai bài tập sau :

1. Điền dấu ? hoặc ~ vào các chữ in nghiêng sau đây :

– ngơ *ngân* ; gắt *gong* ; *nung* nịu ; sớm *sua* ; lộng *lây* ; *long* lẻo ; quanh *quân*.

2. Điền vào chỗ trống *d* hoặc *gi* :

– Đôi ..ày này đế rất ..ày.

– Khi làm bài, không được ..ở sách ra xem ; làm thế ..ở lắm.

– Tất cả bọn do thám đều bị bắt ..ữ.

– Không nên ..ấu ..ốt.

TIẾT 30

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

thuongmaitr

I – Bài viết

HOA HỌC TRÒ

(Phượng không phải... dữ vậy.)

II – Viết đúng

– một loạt, thắm tươi, ngạc nhiên, một góc trời, đóa hoa, quên, muôn ngàn, con bướm, mát rượi.

– Ghi đúng dấu hai chấm, dấu chấm cảm, dấu chấm phẩy.

III – Luyện tập

1. Ghi đúng dấu hai chấm, dấu chấm cảm, dấu chấm, dấu phẩy vào chỗ có gạch số trong đoạn văn sau đây :

Một số bà con chăm chú nghe, nhưng có người nói bâng quơ /

– Ối dào / các ông ấy đi ô tô thì biết gì đến việc cày cấy / Việc ta ta làm/

Vẫn giữ thái độ bình thản nhà nông học giảng giải thêm vài vấn đề cần thiết rồi chỉ đống mạ để đầu bờ bác nói tiếp Không nên dùng lạt tre buộc mạ mạ sẽ bị gẫy lưng thân.

(Nhà nông học và bà con nông dân)

2. Đặt một câu có hai dấu phẩy.

Đặt một câu có dấu chấm cảm ở cuối câu.

TIẾT 31

CHÍNH TẢ *(nghe đọc)*

I – Bài viết

THÁNH GIÓNG (bài chọn ngoài)

tuongxua.vn

II – Viết đúng

– sứ giả, áo giáp sắt, xông vào trận, quật vào giặc, nguy, hoảng hốt, vùng dậy, giết giặc, roi sắt.

– Phân biệt :

+ xứ / sứ

+ roi / doi

III – Luyện tập

1. Phân biệt chính tả : vỗ / dỗ / giỗ / rỗ.

2. Điền vào chỗ trống (chọn 1 trong 2 bài)

a) iêt hoặc iêc :

– s... chặt tay nhau – nước xanh biêng b... – bệnh bại l... – mở t... chiêu đãi – thương t... các anh hùng l... sĩ đã hi sinh oanh l...

trời đỏ rực. Mỗi hoa chỉ là một phần tử của cái xã hội thắm tươi ; người ta quên đóa hoa, chỉ nghĩ đến cây, đến hàng, đến những tán lớn xòe ra, trên đậu khít nhau muôn ngàn con bướm thắm.

Mùa xuân, phượng ra lá. Lá xanh um, mát rượi, ngon lành như lá me non. Lá ban đầu xếp lại, còn e ; dần dần xòe ra cho gió đưa đẩy. Lòng cậu học trò phơi phới làm sao ! Cậu chăm lo học hành, rồi lâu cũng vô tâm quên màu lá phượng. Một hôm, bỗng đâu trên những cành cây báo ra một tin thắm : mùa hoa phượng bắt đầu ! Đến giờ chơi, học trò ngạc nhiên nhìn trông : hoa nở lúc nào mà bất ngờ dữ vậy ?

Bình minh của hoa phượng là một màu đỏ còn non, nếu có mưa, lại càng tươi dịu. Ngày xuân dần hết, số hoa tăng, màu cũng đậm dần. Rồi hòa nhịp với mặt trời chói lọi, màu phượng mạnh mẽ kêu vang : hè đến rồi ! Khắp thành phố bỗng rực lên, như đến Tết nhà nhà đều dán câu đối đỏ. Sớm mai thức dậy, cậu học trò vào hẳn trong mùa phượng.

XUÂN DIỆU

Trích "Hoa học trò", trong tập "Trường ca"

*** Chú giải**

– ***Phượng*** : một loại cây thân gỗ, lá nhỏ gần giống lá cây me, thường trồng ở sân trường hoặc dọc các phố, có hoa đỏ thắm nở rộ vào mùa hè. Khi kết trái, quả phượng dẹt và dài, mỗi đốt có một hạt, hình dạng như quả bồ kết.

– ***Phần tử*** : một phần nhỏ trong cái lớn, cái chung.

– ***Vô tâm*** : quên đi không để ý đến.

thuongmaitr

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* một đóa, một góc trời đỏ rực, muôn ngàn con bướm thắm, mát rượi, xòe ra, mạnh mẽ, kêu vang.

2. *Đọc diễn cảm*

– Đoạn 1 : đọc nhấn mạnh các từ lặp lại (*không phải* là một đóa, *không phải* vài cành, *cả* một loạt, *cả* một vùng, *cả* một góc trời...) nhằm diễn tả số lượng rất lớn của hoa phượng.

– Đoạn 2 và 3 : đọc nhấn mạnh các từ tả vẻ đẹp của lá phượng *(xanh um, mát rượi, ngon lành)* và vẻ đẹp của hoa phượng *(tươi dịu, rực lên).*

*** Tìm hiểu bài**

1. Ở đoạn 1, em hãy tìm những từ ngữ nói lên số lượng của hoa phượng rất lớn. Tác giả so sánh hoa phượng với gì ?

2. Ở đoạn 2, tác giả đã dùng những từ ngữ gì để tả vẻ đẹp của lá phượng ? Các từ "những cành cây báo ra một tin thắm" ý nói gì ?

3. Tác giả nêu quá trình phát triển của hoa phượng như thế nào ?

uongxua.vn

4. Tại sao tác giả lại gọi hoa phượng là hoa học trò ?

TIẾT 58

TIẾNG GÀ TRƯA

Trên đường hành quân xa
Dừng chân bên xóm nhỏ
Tiếng gà ai nhảy ổ :
"Cục, cục tác... cục ta..."
Nghe xao động nắng trưa
Nghe bàn chân đỡ mỏi
Nghe gọi về tuổi thơ.

b) ch hoặc tr :

– Thánh Gióng xông vào ...ận ...ặn quân giặc lại. Chúng ...ạy ...ốn tán loạn. Quân ta thắng ...ận ...ở về. Riêng Thánh Gióng phi ngựa đến ...ân núi Sóc Sơn rồi bay bổng về ...ời.

TIẾT 32

CHÍNH TẢ *(kiểm tra)*

Bài viết : GIÃ GẠO CHÀY ĐÔI (bài chọn ngoài)

TIẾT 33

CHÍNH TẢ *(kiểm tra)*

Bài viết : TRONG PHÂN XƯỞNG CƠ KHÍ (bài chọn ngoài)

thuongmaitr

TẬP LÀM VĂN

TIẾT 35

TƯỜNG THUẬT

(Tìm ý, làm dàn bài chi tiết)

I – Đề bài

Tường thuật lại những việc em đã làm trong ngày chủ nhật vừa qua.

II – Hướng dẫn

Em lần lượt thực hiện các bước sau đây :

1. Nhớ lại và ghi vào vở nháp theo thứ tự thời gian (sáng – trưa – chiều – tối) những việc em đã làm trong ngày chủ nhật gần đây nhất. Chỉ ghi rõ ý, chưa cần viết thành câu ; chỉ kể tên việc, chưa cần nêu chi tiết cụ thể. Em dùng kí hiệu (×) đánh dấu những việc chiếm nhiều thời gian hoặc đã làm em chú ý nhiều nhất.

2. Dựa vào bản ghi tóm tắt liệt kê những việc đã làm ở trên, em sắp xếp lại cho hợp lí và viết thành một *dàn bài chi tiết* cho phần *thân bài* của bài văn tường thuật này. Theo thứ tự từng việc đã làm, em hãy nhớ lại và ghi vắn tắt ra vở nháp (chưa cần viết thành câu văn hoàn chỉnh) nội dung cụ thể của *mỗi việc làm*, lưu ý tới mấy khía cạnh sau đây :

+ Hoàn cảnh (nơi chốn, những người chứng kiến) ;

+ Những hoạt động, suy nghĩ và cảm xúc của em khi làm từng việc đó ;

+ Kết quả của việc đã làm.

Em chú ý ghi đầy đủ, chi tiết hơn về những việc em đã đánh dấu (×).

tuongxua.vn

Tiếng gà trưa
Ổ rơm hồng những trứng
Này con gà mái tơ
Khắp mình hoa đốm trắng
Này con gà mái vàng
Lông óng như màu nắng.

Cứ hằng năm, hằng năm
Khi gió mùa đông tới
Bà lo đàn gà toi
Mong trời đừng sương muối
Để cuối năm bán gà
Cháu được quần áo mới.

Cháu chiến đấu hôm nay
Vì lòng yêu Tổ quốc
Vì xóm làng thân thuộc
Bà ơi, cũng vì bà
Vì tiếng gà cục tác
Ổ trứng hồng tuổi thơ.

XUÂN QUỲNH

thuongmaitr

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* xao động, đỡ mỏi, hồng những trứng, hoa đốm trắng, lông óng như màu nắng, sương muối.

2. *Đọc diễn cảm*

– Luyện đọc câu : "Cục, cục tác... cục ta...".

– Khổ thơ 2, đọc nhấn mạnh các từ tả vẻ đẹp của con gà. Khổ thơ 3, đọc giọng tha thiết để diễn tả tình cảm của bà. Khổ thơ cuối, nhấn mạnh từ "vì" (được lặp lại nhiều lần).

* **Tìm hiểu bài**

1. Trên đường hành quân, tiếng gà nhảy ổ đã có tác động như thế nào tới tác giả ?

2. Tác giả nhớ gì ở quê nhà ? Tìm những từ tả vẻ đẹp của con gà và ổ trứng.

3. Tại sao nghe tiếng gà, tác giả lại nhớ đến bà ? Tình cảm của bà đối với cháu đã được biểu lộ bằng ước mong gì ?

4. Khổ thơ cuối có từ nào được lặp lại nhiều lần ? Lặp lại như vậy để nói ý gì ?

* Học thuộc lòng 2 khổ thơ giữa.

TIẾT 59

CÂU CHUYỆN VUA MI-ĐÁT THÍCH VÀNG

truongxua.vn

Có một lần vua Mi-đát đã cứu giúp cho người thầy học của thần Đi-ô-ni-dốt. Thần rất hài lòng, bèn bảo vua Mi-đát muốn xin tặng gì cũng được. Mi-đát vốn tham lam nên nói ngay :

- Thưa vị thần Đi-ô-ni-dốt sáng suốt ! Xin Người làm sao cho mọi vật tôi chạm đến đều hóa thành vàng !

Thần Đi-ô-ni-dốt mỉm cười ưng thuận. Về nhà, vua Mi-đát say sưa với món quà tặng này. Nhà vua bẻ một cành cây sồi, cành đó liền biến thành vàng. Nhà vua ngắt những bông lúa ở cánh đồng, những bông lúa đó cũng liền biến thành vàng. Nhà vua ngắt một quả táo, quả táo cũng thành vàng...

Bọn đầy tớ dọn thức ăn cho Mi-đát. Nhà vua sung sướng ngồi vào bàn. Và lúc đó ông mới biết mình đã

3. Hoàn thành xong công việc trên chỉ mới là làm được phần *thân bài*. Em suy nghĩ tìm ý và viết nháp nốt các phần *mở bài* và *kết luận*. Chú ý bảo đảm cả ba phần khớp với nhau thành bài văn thống nhất chặt chẽ.

III - Ghi nhớ

Dàn bài chung của bài văn tường thuật :

1. ***Mở bài :*** Giới thiệu hoàn cảnh diễn ra sự việc hoặc câu chuyện (thời gian, nơi chốn, những người có mặt ...).

2. ***Thân bài :*** Trình bày thứ tự toàn bộ diễn biến của sự việc hoặc câu chuyện từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc (chú ý đi sâu, thuật kĩ những sự việc trọng tâm).

3. ***Kết luận :*** Nêu cảm nghĩ của mình, của những người xung quanh đối với sự việc hoặc câu chuyện đã xảy ra.

TIẾT 36

TƯỜNG THUẬT

(Làm văn miệng ở lớp)

I - Đề bài

Tường thuật lại những việc em đã làm trong ngày chủ nhật vừa qua.

II - Hướng dẫn

Để chuẩn bị cho tiết học, trước khi đến lớp em cần thực hiện những việc sau đây :

1. Tập diễn đạt thành câu văn hoàn chỉnh các ý được ghi trong dàn bài chi tiết đã làm kì trước (với đủ 3 phần : *mở bài, thân bài* và *kết luận*). Trong khi làm việc này, nếu em thấy ý nào cần thêm bớt hoặc cần sắp xếp lại thì bổ sung, sửa chữa ngay.

thuongmaitr

2. Em cần cố gắng tập diễn đạt bằng miệng nhiều lần cho lưu loát để chuẩn bị cho tiết *Làm văn miệng* này.

III - Ghi nhớ

Tường thuật là kể lại rành mạch toàn bộ diễn biến của một sự việc (hoặc câu chuyện) có thực, chính mình đã tham gia hoặc chứng kiến.

Thuật phải đúng sự thực, đúng thứ tự thời gian ; kể đầy đủ các sự việc nhưng cần chọn lọc để nêu được sự việc chính ; nên vừa kể vừa xen tả và lồng cảm nghĩ làm cho sự việc nổi rõ thêm.

TIẾT 37

TƯỜNG THUẬT

(Làm văn viết ở lớp)

tuongxua.vn

I - Đề bài

Tường thuật lại những việc em đã làm trong ngày chủ nhật vừa qua.

II - Hướng dẫn

Em cần thực hiện 3 bước sau đây :

1. Dựa vào dàn bài chi tiết đã làm về đề bài trên *(Tiết 35)* và kết quả của tiết *Làm văn miệng (Tiết 36)* kì trước, em hãy viết vào vở nháp thành một bài văn hoàn chỉnh.

2. Em đọc lại và sửa chữa kĩ bài văn đã viết trong vở nháp trước khi chép sạch sẽ vào vở Tập làm văn (chú ý sửa lỗi chính tả và ngữ pháp).

3. Đọc soát kĩ lại bài văn đã chép cho cẩn thận trước khi nộp bài cho cô giáo (thầy giáo).

xin một quà tặng khủng khiếp. Các thức ăn, thức uống khi vua chạm tay vào đều biến thành vàng. Mi-đát bụng đói cồn cào và chắp tay cầu khẩn :

- Xin thần làm phúc tha tội cho tôi ! Xin Người lấy lại quà tặng để cho tôi được sống.

Thần Đi-ô-ni-dốt liền hiện ra và phán :

- Nhà ngươi hãy đến sông Pác-tôn, nhúng mình vào dòng nước, phép mầu sẽ biến mất và nhà ngươi sẽ rửa sạch được lòng tham.

Mi-đát làm theo lời dạy của thần, quả nhiên thoát khỏi cái quà tặng mà trước đây ông hằng mong ước. Mi-đát sung sướng hiểu rằng hạnh phúc không thể xây dựng bằng lòng tham.

Trích "Thần thoại Hi Lạp"
Nhữ Thành *dịch*

thuongmait

*** Chú giải**

– Đây là câu chuyện trích trong thần thoại Hi Lạp kể về sự tích các vị thần.

– *Phép mầu :* phép lạ, đem lại những kết quả khác thường.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* Đi–ô–ni–dốt, vốn tham lam, sáng suốt, phép mầu, rửa sạch được lòng tham.

2. *Đọc diễn cảm :* các câu đối thoại cần được đọc với giọng khác nhau (những câu của Mi–đát đọc với giọng cầu khẩn, những câu của thần Đi–ô–ni–dốt đọc với giọng ra lệnh).

*** Tìm hiểu bài**

1. Vua Mi–đát xin thần Đi–ô–ni–dốt tặng cho mình điều gì ? Tại sao vua Mi–đát lại xin như vậy ?

2. Vua Mi–đát say sưa với món quà tặng như thế nào ?

3. Món quà tặng đem lại điều gì bất ngờ cho Mi–đát ?

4. Em hiểu "rửa sạch được lòng tham" nghĩa là gì ?

TIẾT 60

LÊ-NIN VÀ ÔNG LÃO ĐI SĂN

Ông lão bắt đầu kể với tôi rất tỉ mỉ về việc sau một chuyến đi săn, Lê-nin mời ông đến Mát-xcơ-va để thăm Lê-nin và xem xét mọi việc. Từ một nơi thâm sơn cùng cốc đến thẳng Mát-xcơ-va thăm Lê-nin, có phải chuyện chơi đâu. Tất nhiên ông lão hiểu rằng ông đến thăm ai,

TIẾT 38

TƯỜNG THUẬT

(Trả bài viết)

Đề bài

Tường thuật lại những việc em đã làm trong ngày chủ nhật vừa qua.

TIẾT 39

TƯỜNG THUẬT

(Làm văn miệng ở lớp)

I - Đề bài

Trong những buổi học của tuần trước, em thấy buổi nào thích thú hơn cả ? Em hãy thuật lại buổi học đó.

II - Hướng dẫn

Vận dụng những điều đã học (trong các *Tiết 35, 36*), em chuẩn bị ở nhà một số việc cần thiết sau đây trước khi đến lớp làm bài miệng :

1. Nhớ lại các buổi học của tuần trước (từ thứ hai đến thứ bảy), em chọn một buổi học thích thú và có hiệu quả nhất đối với em để thuật.

2. Ghi vào vở nháp các tiết học trong buổi đó theo đúng thứ tự và đánh dấu (×) những tiết học em đã học tốt nhất.

3. Nhớ lại cụ thể, tỉ mỉ không khí lớp và sự hoạt động của thầy (cô) giáo, học sinh trong từng tiết học, nhất là những tiết học đã đánh dấu (×). Bản thân em đã làm việc và thu nhận

thuongmaitr

được gì trong từng tiết học đó ? (Nhớ đến đâu, em ghi luôn đến đó và chỉ ghi rõ ý, chưa cần viết thành câu)

4. Làm xong công việc tìm ý cho phần *thân bài*, em tìm nốt ý cho các phần *mở bài* và *kết luận*.

TIẾT 40

TƯỜNG THUẬT

(Làm văn viết ở lớp)

Đề bài

Trong những buổi học của tuần trước, em thấy buổi nào thích thú hơn cả ? Em hãy thuật lại buổi học đó.

TIẾT 41

uongxua.vn

TƯỜNG THUẬT

(Trả bài viết)

Đề bài

Trong những buổi học của tuần trước, em thấy buổi nào thích thú hơn cả ? Em hãy thuật lại buổi học đó.

TIẾT 42

TƯỜNG THUẬT

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

a) *Đề 1 :* Em đã có dịp đến thăm một cảnh đẹp của địa phương em hoặc ở nơi khác. Hãy thuật lại cuộc đi thăm đó.

nhưng ông vẫn mang theo kha khá bánh mì nông thôn. Có thể là Lê-nin nói chơi thế thôi, chứ ở đấy người ta sẽ không cho vào, và cũng có thể Lê-nin không ở nhà. Thế rồi ông lão đến Krem-li thăm Lê-nin và mang theo bánh mì. Lê-nin có nhà và ông thợ săn được đưa vào gặp Lê-nin ngay, khi ông vừa xưng tên. Và đây, một căn phòng rộng thênh thang, hầu như trống rống. Chắc là trong phòng cũng có đồ đạc gì đấy nhưng phòng rộng quá nên tưởng trống không. Ở cuối căn phòng lớn ấy có một chiếc hòm, Lê-nin ngồi trên chiếc hòm, đang nhóm bếp dầu hỏa.

Lê-nin rất mừng, cười và nói :

- Biết đãi bác cái gì bây giờ, bác A-lếc-xây ? Tôi pha cà phê cho bác uống nhé, nhưng không phải cà phê thực đâu, mà cà phê làm bằng bột lúa mạch.

thuongmaitr

Khi cà phê đã pha xong, Lê-nin đi lấy bánh mì. Bánh mì tồi đến phát khiếp lên được.

A-lếc-xây nói :

- Vla-đi-mia I-lích, xin lỗi đồng chí, tôi có đem theo bánh mì nhà quê...

- Ồ tốt lắm, bác đem ra đây !

Họ uống cà phê làm bằng bột lúa mạch và ăn bánh mì. Kể xong câu chuyện của mình, A-lếc-xây nói :

- Y như trong giấc mơ, đến bây giờ tôi vẫn thường hình dung thấy : căn phòng rộng thênh thang, ở cuối phòng có chiếc hòm, trên hòm đặt cái bếp dầu hỏa.

M.PRI-SVIN

Nguyễn Đắc Việt *dịch*

• Chú giải

– Câu chuyện này xảy ra vào thời kì sau Cách mạng tháng Mười (1917), lúc này Lê-nin đang phải lo đối phó với thù trong giặc ngoài, cuộc sống toàn nước Nga đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế.

– *Thâm sơn cùng cốc* : nơi hang cùng ngõ hẻm, nơi hẻo lánh ở vùng núi.

– *Krem–li* : tòa cung điện ở thủ đô Mát–xcơ–va, nơi Lê–nin ở và làm việc.

• Hướng dẫn đọc

1. *Đọc đúng* : thâm sơn cùng cốc, Krem–li, trống rỗng, Vla–đi–mia I–lích.

2. *Đọc diễn cảm*

– Đoạn 1 : đọc với giọng kể, nhấn mạnh các từ ngữ : *có phải chuyện chơi, được đưa vào gặp Lê–nin ngay*.

– Đoạn 2 : đọc nhấn mạnh các từ ngữ tả chỗ ở giản dị và việc làm của Lê–nin như *trống không, ngồi trên chiếc hòm, đang nhóm bếp dầu hỏa.*

– Đoạn 3 : chú ý các câu đối thoại (các câu nói của Lê–nin đọc với giọng chân thành cởi mở, câu nói của ông lão đi săn đọc giọng rụt rè, câu cuối đọc giọng cảm phục).

• Tìm hiểu bài

1. Đoạn 1 cho biết ông lão đi săn có những băn khoăn gì khi đến thăm Lê–nin ?

2. Tìm những ý nêu lên nơi ở và tính tình giản dị của Lê–nin.

3. Câu "Y như trong giấc mơ..." nói lên suy nghĩ gì ở ông lão đi săn ? Ông lão đã gặp những điều gì bất ngờ đối với mình ?

4. Tìm đại ý của bài.

* Ôn học thuộc lòng ở 4 tuần trước.

b) *Đề 2 :* Nhân một ngày kỉ niệm, lớp em đã tổ chức một buổi cắm trại vui và bổ ích. Em hãy tường thuật lại buổi cắm trại đó.

II – Hướng dẫn

1. Được thầy (cô) giáo báo trước đề bài sẽ làm văn miệng (*đề 1* hoặc *đề 2*), em cần làm sẵn vào vở nháp dàn bài chi tiết chuẩn bị cho tiết học ấy. Theo cách làm thông thường, em nên tìm ý cho phần *thân bài* trước (diễn biến của cuộc tham quan hoặc cắm trại), rồi sau mới tìm ý cho phần *mở bài* (lí do, mục đích) và phần *kết luận* (kết quả, cảm nghĩ).

2. Suy nghĩ tìm ý cho phần thân bài, em cần :

+ Thuật diễn biến của cuộc tham quan (thăm cảnh nào trước, cảnh nào sau và xem thấy những gì ?) hoặc nội dung buổi cắm trại (lần lượt diễn ra những hoạt động vui chơi, học tập gì ? diễn ra cụ thể như thế nào ?) là chính.

Các ý phụ : công việc sửa soạn cho buổi tham quan, cắm trại : lượt đi và lượt về... chỉ cần kể lướt qua vài nét.

thuongmaitr

+ Trong cảnh được tham quan, cần chọn cảnh nào là chính để tả kĩ ; trong các hoạt động cắm trại, cần chọn hoạt động nào thích thú, có ý nghĩa nhất để kể chi tiết hơn.

TIẾT 43

TƯỜNG THUẬT

(Làm văn viết ở lớp)

Đề bài

a) *Đề 1 :* Em đã có dịp đến thăm một cảnh đẹp của địa phương em hoặc ở nơi khác. Hãy thuật lại cuộc đi thăm đó.

b) *Đề 2 :* Nhân một ngày kỉ niệm, lớp em đã tổ chức một buổi cắm trại vui và bổ ích. Em hãy tường thuật lại buổi cắm trại đó.

TIẾT 44

TƯỜNG THUẬT

(Trả bài viết)

Đề bài

a) *Đề 1 :* Em đã có dịp đến thăm một cảnh đẹp của địa phương em hoặc ở nơi khác. Hãy thuật lại cuộc đi thăm đó.

b) *Đề 2 :* Nhân một ngày kỉ niệm, lớp em đã tổ chức một buổi cắm trại vui và bổ ích. Em hãy tường thuật lại buổi cắm trại đó.

TIẾT 45

VIẾT THƯ

(Tìm ý, làm dàn bài chi tiết)

truongxua.vn

I – Đề bài

Đã lâu chưa có dịp về quê thăm ông bà (hoặc chú, bác, cô, dì...), em hãy viết thư thăm hỏi và cho biết tình hình đời sống hằng ngày của gia đình em.

II – Hướng dẫn

Sau khi được thầy (cô) giáo hướng dẫn nắm vững đề bài, em suy nghĩ và ghi vào vở nháp những ý tìm được theo thứ tự sau đây :

1. Trước hết, em cần định rõ sẽ viết thư cho ai : ông, bà, chú, bác, cô, dì... (có thể ghi cả tên em thường gọi người thân đó). Mục đích viết thư ? Em xưng hô như thế nào để chào hỏi và bộc lộ tình cảm quý mến của em đối với người thân ?

2. Em muốn được người thân cho em biết tình hình gì ? (sức khỏe, sự làm ăn, đời sống hằng ngày và những chuyện khác nữa)

CÂY VÚ SỮA TRONG VƯỜN BÁC

Đầu vườn nghe động cánh ong
Kìa cây vú sữa Bác trồng năm nao !
Cành cây lá nắng xôn xao
Chim reo như đón Bác vào đâu đây.
Tay nghiêng thùng tưới bên cây
Rưng rưng... hoa tím uống đầy nắng tươi !
Ung dung Bác đứng ngắm cười
Cả trời xuân ấm tình Người thương yêu...

Mười lăm năm... mỗi sáng chiều
Bác Hồ chăm chút, nâng niu từng cành.
Cây càng khỏe, lá càng xanh
Như miền Nam đó trưởng thành nở hoa.
Cành cao che mát sân nhà
Từng ôm bóng dáng Cha già sớm trưa.
Dạn dày sương gió nắng mưa
Trái ngon vẫn đậu đợi mùa chín thơm.
Mặc cho lửa đạn mưa bom
Ong xây bọng mật trong vòm lá xanh.
Đã nghe thơm nắng Ba Đình
Ngọt mùa vú sữa bờ kênh Tháp Mười.
Cây ơi ! Ơn Bác đời đời
Bác đi - Con cháu thay Người chăm cây !

QUỐC TẤN

thuongmaitr

*** Chú giải**

Năm 1954, cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc đã đem tặng Bác Hồ một cây vú sữa của đồng bào miền Nam. Suốt mười lăm năm, cho đến khi mất (1969), Bác Hồ đã chăm chút cây vú sữa đó. Nay

cây đã cao to, tỏa bóng bên cạnh ngôi nhà sàn của Bác Hồ tại thủ đô Hà Nội.

• Hướng dẫn đọc

1. *Đọc đúng :* nắng xôn xao, rưng rưng, trời xuân, chăm chút, nâng niu, dạn dày sương gió, bọng mật.

2. *Đọc diễn cảm :* toàn bài đọc giọng âu yếm.

– Đoạn 1 : nhấn mạnh các từ ngữ tả cây vú sữa và tình cảm của Bác như *lá nắng xôn xao, rưng rưng... hoa tím, uống đầy nắng tươi, ấm tình Người.*

– Đoạn 2 : nhấn mạnh các từ tả sự chăm chút của Bác như *chăm chút, nâng niu.* Ở hai câu cuối nhấn mạnh từ ngữ: *ơn Bác đời đời.*

• Tìm hiểu bài

1. Tác giả đã dùng những từ ngữ nào để tả vẻ đẹp của cây vú sữa ?

2. Tìm những từ ngữ chỉ những việc làm biểu lộ tấm lòng của Bác đối với cây vú sữa. Vì sao Bác lại yêu cây vú sữa đến thế ?

3. Tác giả đã so sánh cây vú sữa với gì ?

4. Cây vú sữa lớn lên qua những thử thách nào ? Từ ngữ nào nói lên điều đó ?

5. Theo em, cách diễn đạt "ơn Bác đời đời" và "ơn Bác suốt đời" có gì khác nhau về ý nghĩa?

TIẾT 62

THĂM CỐI BÁC XƯA

Anh dắt em vào cõi Bác xưa
Đường xoài hoa trắng nắng đu đưa
Có hồ nước lặng sôi tăm cá
Có bưởi cam thơm, mát bóng dừa.

Em muốn báo tin cho người thân biết những điều gì về tình hình gia đình và bản thân em ?

3. Phần trên (mục 2) là nội dung chính của bức thư cần nói kĩ, đầy đủ. Sau cùng, em tìm ý cho lời chúc cuối thư để ghép với phần nội dung chính thành bức thư hoàn chỉnh.

III – Ghi nhớ

Dàn ý chung của một bức thư :

1. Đầu thư :

– Nơi viết, ngày... tháng...năm...

– Lời chào xưng hô với người nhận thư.

2. Phần chính bức thư :

– Lí do, mục đích viết thư.

– Nội dung thăm hỏi, thuật chuyện.

3. Cuối thư :

– Lời chúc (hoặc cảm ơn, hứa hẹn) chia tay.

– Kí tên.

TIẾT 46

VIẾT THƯ

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Đã lâu chưa có dịp về quê thăm ông bà (hoặc chú, bác, cô, dì...), em hãy viết thư thăm hỏi và cho biết tình hình đời sống hằng ngày của gia đình em.

II – Hướng dẫn

Em cần chuẩn bị ở nhà theo các bước sau đây :

thuongmaitr

1. Soát lại để sửa chữa, bổ sung dàn ý chi tiết của bức thư đã làm ở lớp trong *Tiết 45* (nếu cần thiết thì viết lại cho sạch sẽ).

2. Tập diễn đạt bằng miệng thành câu văn trọn vẹn và mạch lạc toàn bộ bức thư để chuẩn bị cho tiết *Làm văn miệng* ở lớp.

III - Ghi nhớ

Có điều gì cần thông tin, trao đổi với người ở nơi khác, thì *viết thư*. Thư có nhiều loại nhưng thông thường nhất là *thư thăm hỏi* và *thư thuật chuyện*.

Cách xưng hô và lời lẽ trong thư phải biểu lộ đúng mối quan hệ ngang hàng hoặc trên dưới giữa người viết thư với người nhận thư. Tình cảm trong thư phải thành thật.

TIẾT 47

VIẾT THƯ

(Làm văn viết ở lớp)

uongxua.vn

Đề bài

Đã lâu chưa có dịp về quê thăm ông bà (hoặc chú, bác, cô, dì...), em hãy viết thư thăm hỏi và cho biết tình hình đời sống hằng ngày của gia đình em.

TIẾT 48

VIẾT THƯ

(Trả bài viết)

Đề bài

Đã lâu chưa có dịp về quê thăm ông bà (hoặc chú, bác, cô, dì...), em hãy viết thư thăm hỏi và cho biết tình hình đời sống hằng ngày của gia đình em.

Có rào râm bụt đỏ hoa quê
Như cổng nhà xưa Bác trở về
Có bốn mùa rau tươi tốt lá
Như những ngày cháo bẹ măng tre...

Nhà gác đơn sơ, một góc vườn
Gỗ thường mộc mạc, chẳng mùi sơn
Giường mây chiếu cói, đơn chăn gối
Tủ nhỏ, vừa treo mấy áo sờn.

...

Ô vẫn còn đây, của các em
Chồng thư mới mở, Bác đang xem
Chắc Người thương lắm lòng con trẻ
Nên để bâng khuâng gió động rèm...

Con cá rô ơi, chớ có buồn
Chiều chiều Bác vẫn gọi rô luôn
Dừa ơi, cứ nở hoa đơm trái
Bác vẫn chăm tay tưới ướt bồn.

Ôi lòng Bác vậy, cứ thương ta
Thương cuộc đời chung, thương cỏ hoa
Chỉ biết quên mình, cho hết thảy
Như dòng sông chảy, nặng phù sa.

TỐ HỮU
Trích "Theo chân Bác"

*** Chú giải**

– *Thăm cõi Bác xưa* : ý nói thăm khu di tích, nơi ở của Bác. Đây là ngôi nhà sàn của Bác trong Phủ Chủ tịch, gần quảng trường Ba Đình.

– *Đường xoài* : con đường hai bên trồng cây xoài.

– *Cháo bẹ* : cháo nấu bằng hạt bắp (ngô).

thuongmaitr

• **Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* dắt, cõi, nước lặng, sủi tăm cá, áo sờn, bâng khuâng, gió động rèm, tưới ướt bốn, nặng phù sa.

2. *Đọc diễn cảm :* chú ý nghỉ hơi ở các dấu phẩy giữa dòng thơ. Khổ thơ 1, 2 và 3 : đọc giọng êm nhẹ và trang trọng. Khổ thơ 4 : nhấn mạnh từ ngữ *ô vẫn còn đây* và đọc giọng tha thiết. Khổ thơ 5 : nhấn mạnh các từ *ơi*. Khổ thơ 6 : nhấn mạnh các từ *thương*.

• **Tìm hiểu bài**

1. Ở khổ thơ 1 và 2, tác giả đã nêu những nét gì nổi bật trong khu vườn nhà Bác ?

2. Ở khổ thơ 3, em hãy tìm những từ ngữ nói lên cuộc sống giản dị của Bác.

3. Trên bàn làm việc của Bác còn để nhiều thư của thiếu nhi. Điều đó nói lên ý gì ? Ở khổ thơ 4, câu nào nói lên tình cảm của Bác đối với thiếu nhi ?

4. Tác giả nói với cá rô và cây dừa nhằm biểu lộ ý nghĩ gì ?

5. Ở khổ thơ cuối, từ nào được lặp lại nhiều lần ? Khổ thơ cuối nói lên ý gì ?

truongxua.vn

* Học thuộc lòng 3 khổ thơ tự chọn trong bài.

TIẾT 63

HAI BÀI THƠ CỦA BÁC

Rằm tháng giêng

Rằm xuân lồng lộng trăng soi,
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.

1948

Thơ chữ Hán của Bác Hồ
Xuân Thủy *dịch*

TIẾT 49

VIẾT THƯ

(Làm văn miệng ở lớp)

I - Đề bài

Em hãy viết thư thăm hỏi thầy giáo (hoặc cô giáo) cũ và nhắc lại một vài kỉ niệm về sự chăm sóc của thầy giáo (cô giáo) đối với em và các bạn.

II - Hướng dẫn

Em áp dụng những điều đã học về cách viết thư (trong các *Tiết 45, 46*) vào bài làm. Nội dung thư cần tập trung vào việc thăm hỏi thầy giáo (cô giáo) là chính, nhưng em có thể kết hợp báo tin đôi nét về tình hình gia đình em hoặc cá nhân em. Để tỏ lòng nhớ ơn, em nhắc lại ngắn gọn một vài kỉ niệm về sự chăm sóc của thầy (cô giáo) đối với em hoặc đối với các bạn.

thuongmaitr

III - Ghi nhớ

Thư gửi người trên phải bộc lộ những tình cảm chân thành, quý mến, kính yêu... thân mật, lời lẽ chân thực, lễ phép.

TIẾT 50

VIẾT THƯ

(Làm văn viết ở lớp)

Đề bài

Em hãy viết thư thăm hỏi thầy giáo (hoặc cô giáo) cũ và nhắc lại một vài kỉ niệm về sự chăm sóc của thầy giáo (cô giáo) đối với em và các bạn.

TIẾT 51

VIẾT THƯ

(Trả bài viết)

Đề bài

Em hãy viết thư thăm hỏi thầy giáo (hoặc cô giáo) cũ và nhắc lại một vài kỉ niệm về sự chăm sóc của thầy giáo (cô giáo) đối với em và các bạn.

TIẾT 52

VIẾT THƯ

(Làm văn miệng ở lớp)

I - Đề bài

uongxua.vn

Một bạn thân của em đã theo gia đình chuyển đi nơi khác. Em hãy viết thư thăm hỏi và kể cho bạn nghe về tình hình học tập của lớp em.

II - Hướng dẫn

1. Tìm ý cho nội dung phần *thăm hỏi* : em muốn được bạn cho biết những gì về tình hình của bạn và gia đình bạn (sức khỏe, học tập, sinh hoạt, công tác...) và muốn báo tin cho bạn biết những gì về tình hình của em ?

2. Trọng tâm của bức thư là *kể cho bạn nghe tình hình học tập của lớp*. Em có thể cho bạn biết về tình hình chung của cả lớp : về số học sinh (có thay đổi, thêm bớt gì không), về các phong trào thi đua (ví dụ : vở sạch chữ đẹp, nói lời hay làm việc tốt, lao động trồng cây (vườn trường), hội khỏe Phù Đổng, công tác Trần Quốc Toản, giúp đỡ gia đình thương binh liệt sĩ...), về sự giảng dạy của thầy (cô) giáo, về những hoạt động ngoại khóa của lớp... Ở mỗi mặt đó, em vừa nêu tình hình tham gia của các bạn, những cố gắng và kết quả (có số

Tin thắng trận

Trăng vào cửa sổ đòi thơ,
- Việc quân đang bận, xin chờ hôm sau.
Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu,
Ấy tin thắng trận Liên khu báo về.

1948
Thơ chữ Hán của Bác Hồ
Huy Cận *dịch*

*** Chú giải**

– Hai bài thơ trên nguyên văn bằng chữ Hán. Hai bài này Bác Hồ sáng tác hồi ở chiến khu Việt Bắc trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

– ***Trăng ngân đầy thuyền*** : ý nói ánh trăng như dát bạc, đầy ắp cả khoang thuyền.

– ***Liên khu*** : khu vực gồm nhiều tỉnh hợp lại. Thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, nước ta tổ chức thành nhiều liên khu.

thuongmaitr

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* rằm xuân, trăng soi, giữa dòng, chợt tỉnh giấc thu.

2. *Đọc diễn cảm*

– Bài trên đọc nhấn mạnh các từ *xuân, lồng lộng, bát ngát, trăng ngân* để diễn tả được vẻ đẹp của thiên nhiên sông nước trong đêm trăng.

– Bài dưới đọc câu 2 với giọng đối thoại giữa tác giả và trăng.

*** Tìm hiểu bài**

Bài *Rằm tháng giêng*

1. Tìm từ ngữ nói lên vẻ đẹp của ánh trăng rằm.

2. Tìm những từ ngữ tả vẻ đẹp của sông nước và bầu trời. Trong bài này có những từ nào được lặp lại nhiều lần ?

Bài *Tin thắng trận*

1. Câu thơ đầu nói lên điều gì ? Trong hai câu đầu, Bác Hồ đã nhân hóa trăng bằng những từ nào ? Bác nói gì với trăng ?

2. Sự việc gì đã làm cho Bác phấn khởi và làm bài thơ này ?

TIẾT 64

ÔN TẬP
CÁC BÀI HỌC THUỘC LÒNG ĐÃ HỌC

tuongxua.vn

liệu) của cả lớp, vừa chọn một vài sự việc và cá nhân tiêu biểu nhất để giới thiệu cụ thể.

3. Nội dung các phần trên đây cần được ghi vắn tắt (chưa thành câu văn hoàn chỉnh) vào vở nháp thành một *dàn bài chi tiết* của bức thư với đủ ba phần : *đầu thư, phần chính bức thư, cuối thư*. Sau đó em tập diễn đạt bằng miệng thành câu văn trọn vẹn và mạch lạc toàn bộ bức thư để chuẩn bị cho tiết *Làm văn miệng* ở lớp.

III - Ghi nhớ

Thư viết cho người ngang hàng và thân thiết, cần bộc lộ tình cảm một cách tự nhiên, thoải mái ; lời lẽ thân mật không gò bó, nhưng cũng không nên viết dễ dãi, cẩu thả, tùy tiện.

TIẾT 53

VIẾT THƯ

(Làm văn viết ở lớp)

thuongmaitr

Đề bài

Một bạn thân của em đã theo gia đình chuyển đi nơi khác. Em hãy viết thư thăm hỏi và kể cho bạn nghe về tình hình học tập của lớp em.

TIẾT 54

VIẾT THƯ

(Trả bài viết)

Đề bài

Một bạn thân của em đã theo gia đình chuyển đi nơi khác. Em hãy viết thư thăm hỏi và kể cho bạn nghe về tình hình học tập của lớp em.

TIẾT 55

KỂ CHUYỆN

(Tìm ý, làm dàn bài chi tiết)

I – Đề bài

Em hãy kể lại câu chuyện về một việc làm thể hiện nếp sống văn minh ở nơi công cộng (có thể đối chiếu với những việc làm sai trái cũng xảy ra ở nơi đó, lúc đó).

II – Hướng dẫn

1. *Kể chuyện* là kể lại một câu chuyện có thực hay do người kể tưởng tượng ra. Đối với đề bài thuộc loại văn kể chuyện này, em cần suy nghĩ kĩ để *tìm ý*, chọn ý hay, vì đề bài đòi hỏi nhiều công phu sáng tạo.

– Câu chuyện của em kể về một người em biết rõ tên hay chỉ biết mặt ?

tuongxua.vn

– Nhân vật trong câu chuyện em kể có bộc lộ tất cả hay chỉ một vài đức tính trong một việc làm nào đó ? Ví dụ : nhường chỗ ngồi trên ô tô, trên tàu, thuyền cho cụ già, em nhỏ ; nhường lối đi cho người mang vác nặng nề ; không chen lấn, xô đẩy khi xếp hàng mua bán hoặc mua vé xem phim ; thực hiện nghiêm chỉnh luật lệ giao thông trên đường phố ; giữ gìn tốt vệ sinh nơi công cộng...

2. Có sự việc chính để "dựng chuyện" rồi, em tiếp tục suy nghĩ, tìm ý cho câu chuyện, gây được hứng thú từ đầu đến cuối, làm cho người nghe thấy được ý nghĩa của câu chuyện một cách tự nhiên. Em tự đặt ra những câu hỏi về nhân vật và sự việc để tìm ý :

– Câu chuyện có những nhân vật nào ? Nhân vật nào là chính ? Các nhân vật này xuất hiện vào lúc nào, trong tình huống nào, có những hành động như thế nào ?

TIẾT 65 VÀ 66

BỨC TRANH CỤ GIÀ NGỒI CÂU CÁ

Vào đầu tháng ba năm 1958, cửa hàng cụ Chính bỗng dưng tấp nập hẳn lên. Khách đến mua tranh, đặt tranh không lúc nào ngớt. Ai cũng năn nỉ đòi mua cho kì được bức tranh "Cụ già ngồi câu cá".

Bức tranh này có gì mà hấp dẫn vậy ? Một cảnh hồ sen bát ngát, một cụ già ung dung ngồi câu cá. Cụ bận chiếc áo màu thanh thiên. Râu tóc đều bạc trắng như cước nhưng da mặt hồng hào, nhất là đôi mắt rất sáng và cái miệng luôn luôn mỉm cười, làm tôn thêm vẻ quắc thước, yêu đời của cụ. Xa xa, về phía chân trời, sau lũy tre, mặt trời vừa nhô lên, đỏ ửng cả một phương. Đấy, tranh chỉ có thế mà người ta tranh nhau mua.

thuongmaitr

Bọn ngụy quyền cho người theo dõi. Đến ngày 19 tháng 5, chúng lại cho tay sai vào từng nhà dò xét. Chúng thấy nhà nào cũng treo bức tranh "Cụ già ngồi câu cá" ngay gian giữa. Một tên mật vụ mò vào nhà cụ Bào ở cuối phố. Khác với mọi ngày, cụ đon đả pha trà mời nó. Nó vừa uống vừa ngắm bức tranh rồi lên giọng khen : "Chà, bức tranh đẹp quá !". Nó giả vờ hỏi : "Ba hè, ngoài phố còn nhiều tranh đẹp hơn, sao ba không mua treo cho vui ?". Cụ Bào vừa vuốt râu vừa trả lời : "Chú em không biết đó thôi, bà con tôi thích mua bức tranh này vì nó vừa có họa lại vừa có thơ nữa, nhất họa nhất thơ mà !".

Tên mật vụ mở tròn đôi mắt :

- Thật thế hở ba ? Thơ thế nào mà không thấy đề vào đây ?

Cụ Bào vẫn ung dung :

- Bài thơ thật là hay nhưng nhiều tiếng quá nên không muốn đề vào. Vả lại ai ai cũng thuộc làu hết, kể cả bọn trẻ nhỏ. Nếu quả thật chú em chưa nghe thì lão ngâm cho mà nghe.

Cụ chậm rãi nhấp ngụm nước trà, rồi nhìn thẳng lên bức tranh và ngâm :

Cụ già thong thả buông cần trúc,
Hồ rộng trời in mặt nước hồng,
Muôn vạn đài sen hương bát ngát,
Tuổi già vui thú với non sông.

Tên mật vụ năn nỉ xin chép bài thơ. Nó đọc đi đọc lại, bỗng nó lặng cả người, vì thấy các tiếng đầu dòng chắp thành một khẩu hiệu "Cụ Hồ muôn tuổi". Choáng váng cả mặt mày, nhưng nhờ thói quen nhà nghề, nó giữ ngay được vẻ tự nhiên, giả vờ tặc lưỡi :

- Bài thơ hay thiệt, nhưng chỉ tiếc không biết tên tác giả ?

Giọng cụ Bào trở nên ngậm ngùi :

- Tác giả không phải ai xa lạ, chính là cụ Sáu ở phố ta. Cụ đã bị bọn côn đồ hành hung chết hồi tháng hai đó.

Tên mật vụ tiu nghỉu như mèo bị cắt tai, hỏi vớ vẩn vài câu rồi chuồn thẳng. Mấy hôm sau, bọn nó ra lệnh cấm lưu hành bức tranh. Nhưng không có bằng cớ gì để tịch thu, chúng đành làm ngơ cho êm chuyện.

Trích "Tập đọc lớp 5"–1980

truongxua.vn

– Xoay quanh sự việc chính còn có những sự việc phụ gì ? Các sự việc cần sắp xếp theo thứ tự nào để liên tục gây được sự chú ý theo dõi và chờ đợi của người nghe ? Cách kết thúc câu chuyện nên như thế nào để ý nghĩa câu chuyện được sáng tỏ một cách tự nhiên ?

3. Dựa vào sự suy nghĩ, ghi chép, tìm ý trên đây, em sắp xếp thành *dàn bài chi tiết* có đủ ba phần như trong mục "Ghi nhớ" dưới đây.

III – Ghi nhớ

Dàn bài chung khi kể một câu chuyện :

1. Mở bài : Giới thiệu (thời gian, địa điểm, nhân vật và tình huống ban đầu của câu chuyện).

2. Thân bài : Trình bày diễn biến của câu chuyện với các sự việc nối tiếp nhau dồn dập, dẫn tới cao điểm (đòi hỏi sự giải quyết).

3. Kết thúc : Câu chuyện được giải quyết và kết thúc một cách tự nhiên, hợp lí.

thuongmaitr

IV – Bài tham khảo

LÊ-NIN TRONG HIỆU CẮT TÓC

Hiệu cắt tóc lúc ấy rất đông khách. Mọi người đều phải ngồi theo thứ tự trước sau. Anh công nhân I-va-nốp đang chờ tới lượt mình thì cửa phòng lại mở, một người nữa tiến vào. Tất cả mọi người trong phòng cắt tóc đều đứng dậy chào : "Kính chào đồng chí Lê-nin". I-va-nốp mừng quá ; đã từ bao lâu nay, anh ước mong được gặp đồng chí Lê-nin. Anh đứng dậy chào theo một câu, rồi ngồi lặng nhìn vị lãnh tụ kính yêu không chớp mắt.

Lê-nin cũng chào lại mọi người và hỏi : "Tôi phải xếp ở sau đồng chí nào nhỉ ?". Mọi người thấy Lê-nin là vị đứng đầu chính phủ bận rất nhiều việc, nếu để đồng chí ngồi theo thứ tự thì sợ phải chờ đợi mất nhiều thì giờ, nên tất cả cùng nói : "Không

ngại ạ, xin mời đồng chí cứ húi trước cũng được". Song Lê-nin nói : "Cảm ơn các đồng chí, tôi cũng phải theo thứ tự chứ !". Nói xong đồng chí kéo ghế ngồi và lấy tờ báo trong túi ra xem.

Một lúc sau, I-va-nốp đứng dậy nói : ""Đồng chí Lê-nin, giờ đã đến lượt tôi. Tôi thà để năm năm không cắt tóc chứ không thể để đồng chí đợi thêm một phút nào nữa. Tuy đồng chí không muốn làm mất trật tự nhưng tôi có quyền nhường chỗ và đổi chỗ cho đồng chí, đó là quyền của tôi".

Mọi người đều cho I-va-nốp nói rất đúng. Lê-nin không tiện từ chối nữa, đồng chí cám ơn I-va-nốp và ngồi vào ghế cắt tóc.

(Hồ Lãng *dịch*)

TIẾT 56

KỂ CHUYỆN

(Làm văn miệng ở lớp)

tuongxua.vn

I - Đề bài

Em hãy kể lại câu chuyện về một việc làm thể hiện nếp sống văn minh ở nơi công cộng (có thể đối chiếu với những việc làm sai trái cũng xảy ra ở nơi đó, lúc đó).

II - Hướng dẫn

1. Em soát lại dàn bài chi tiết đã chuẩn bị ở vở nháp (*Tiết 55*), bổ sung thêm ý, nếu cần thiết.

2. Tập diễn đạt nhiều lần bằng miệng thành câu văn hoàn chỉnh và mạch lạc để chuẩn bị cho tiết *Làm văn miệng* ở lớp. Chú ý *diễn cảm* cho tốt khi kể lại câu chuyện bằng miệng.

III - Ghi nhớ

Kể chuyện là kể lại một câu chuyện thường đã xảy ra trong cuộc sống. Văn kể chuyện chú ý gây hứng thú cho người nghe bằng cách đan kết các sự việc thành một cốt truyện hợp lí, hấp dẫn, với những nhân vật được xây dựng rõ nét và những chi

*** Chú giải**

– *Màu thanh thiên*: màu xanh da trời.

– *Cước*: một loại sợi rất bền thường dùng làm dây câu hoặc đan lưới.

– *Vẻ quắc thước*: vẻ đẹp uy nghi gợi lòng tôn kính.

– *Tên mật vụ*: một tên tay sai chuyên đi dò xét để bắt các cán bộ cách mạng.

– *Cần trúc*: cần câu làm bằng trúc.

– *Bọn côn đồ*: bọn chuyên làm điều hung ác.

– Cụ Bào nói tác giả bài thơ là cụ Sáu (đã chết) để bọn địch khỏi tra xét. Thực ra, tác giả bài thơ là Dũng Hiệp, một cán bộ cách mạng, lúc đó hoạt động bí mật trong vùng địch.

*** Hướng dẫn đọc**

1. *Đọc đúng :* vẻ quắc thước, buông cần trúc, tiu nghỉu.

2. *Đọc diễn cảm :* ngắt nhịp đúng 4 câu thơ

> Cụ già / thong thả / buông cần trúc,
> Hồ rộng / trời in / mặt nước hồng,
> Muôn vạn đài sen / hương bát ngát,
> Tuổi già / vui thú / với non sông.

Đoạn tả bức tranh cần đọc thong thả, nhấn mạnh các nét tiêu biểu của cụ già.

– Chú ý đọc giọng khác nhau trong các đoạn đối đáp giữa cụ Bào và tên mật vụ.

thuongmaitr

*** Tìm hiểu bài**

1. Bức tranh vẽ cảnh gì, vào lúc nào ?

2. Nêu những nét tiêu biểu của cụ già được tả trong bức tranh ?

3. Bài thơ tóm tắt được cảnh bức tranh, ngoài ra còn nói lên ý gì quan trọng ?

4. Sống trong vùng địch kiểm soát, nhân dân treo bức tranh để tỏ rõ điều gì ?

TỪ NGỮ

TIẾT 18

CÁ

I – Từ ngữ

– cá chép (cá gáy), cá mè, cá trắm, cá quả (cá lóc, cá tràu), cá rô, cá trê, cá diếc, cá bống, lươn, chạch (H.1).

– cá trích, cá ngừ, cá nục, cá mối, cá hồng, cá song, cá thu, cá chim, cá dưa, cá đối (H.2).

truongxua.vn

– chài, lưới, vó, nơm, đó, đăng, vợt, giỏ.

– thả lưới, quăng lưới, kéo lưới ; buông vó, kéo vó (cất vó) ; thả cá, câu cá, đánh cá, nuôi cá lồng.

– vườn rau ao cá.

II – Luyện tập

A – Giải nghĩa từ

1. (H. 3) là hình vẽ những dụng cụ đánh bắt cá thường dùng ở nông thôn ta hiện nay. Những dụng cụ đó có cách dùng khác nhau như thế nào ?

2. *Nghề đánh cá* cũng thường được gọi là *nghề chài lưới*. Vì thế những người dân đánh cá được gọi là gì ? Thuyền đánh cá được gọi là gì ? Làng hoặc xóm nơi những người đánh cá ở gọi là gì ?

tiết miêu tả cụ thể, sinh động, từ đó làm toát ra ý nghĩa của câu chuyện.

TIẾT 57

KỂ CHUYỆN

(Làm văn viết ở lớp)

Đề bài

Em hãy kể lại câu chuyện về một việc làm thể hiện nếp sống văn minh ở nơi công cộng (có thể đối chiếu với những việc làm sai trái cũng xảy ra ở nơi đó, lúc đó).

TIẾT 58

KỂ CHUYỆN

(Trả bài viết)

thuongmaitr

Đề bài

Em hãy kể lại câu chuyện về một việc làm thể hiện nếp sống văn minh ở nơi công cộng (có thể đối chiếu với những việc làm sai trái cũng xảy ra ở nơi đó, lúc đó).

TIẾT 59

KỂ CHUYỆN

(Làm văn miệng ở lớp)

I – Đề bài

Em hãy kể lại một câu chuyện mà em (hoặc bạn em) đã trải qua có nội dung như câu tục ngữ :

"Có công mài sắt, có ngày nên kim".

II - Hướng dẫn

Để chuẩn bị cho tiết *Làm văn miệng* này, em cần suy nghĩ để hiểu rõ nội dung, ý nghĩa của câu tục ngữ. Từ đó, em xác định nội dung câu chuyện sẽ kể và xây dựng trước một dàn bài chi tiết. Em có thể kể chuyện về việc học tập (công việc quen thuộc với em hằng ngày). Kể chuyện về việc khắc phục khó khăn để học tập tốt có nhiều thuận lợi khi tìm ý, nhưng lại dễ biến thành bản kê khai thành tích học tập hoặc bản báo cáo kinh nghiệm học tập. Em cần nắm những diễn biến của việc kiên trì khắc phục từng khó khăn cụ thể, nói rõ những suy nghĩ và hành động của em (hoặc bạn em) thì câu chuyện kể mới không khô khan, nhạt nhẽo. Em có thể tham khảo hai đoạn văn trong mục III dưới đây để làm bài.

III - Bài tham khảo

1. ANH KÝ TẬP VIẾT

Biết bao nhiêu là khó khăn ! Bàn chân Ký dẫm lên trang giấy, cựa quậy một hồi lâu là nhàu cả tờ giấy. Mực đổ be bét. Ký phải tập viết bằng một mẩu bút chì. Mấy ngón chân của Ký co quắp lại giữ cho được mẩu bút chì đã khó, còn điều khiển cho được cây bút chì viết thành chữ lại càng khó hơn. Ký cố gắng hết sức để đưa cây bút chì đi theo nét chữ. Bỗng em nằm ngửa ra, giơ chân nhăn nhó. Bàn chân em đã bị chuột rút co quắp lại không duỗi ra được nữa. Mấy bạn Ký phải chạy đến bóp giúp.

truongxua.vn

Cái giống "chuột rút" thật là đáng ghét. Nó đã rút được một lần thì sau đó cứ rút mãi, lắm phen làm Ký đau tái người. Có lần Ký đã quẳng bút chì vào xó nhà định thôi học nhưng cô giáo Cương đã khuyến khích : "Em tập dần từng tí một. Phải thật bền bỉ, chịu khó mới được". Lời nói dịu dàng của cô đã làm Ký thêm can đảm. Em nhặt cây bút lên và lại hì hục tập viết. "Mỗi ngày một tí", cô giáo bảo thế.

Và Ký đã làm như lời cô dạy. Ký bền bỉ, kiên tâm vượt mọi khó khăn. Trời nắng, trời mưa, người mệt mỏi, có khi chân bị chuột rút liên hồi... tất cả những trở ngại đó không làm Ký

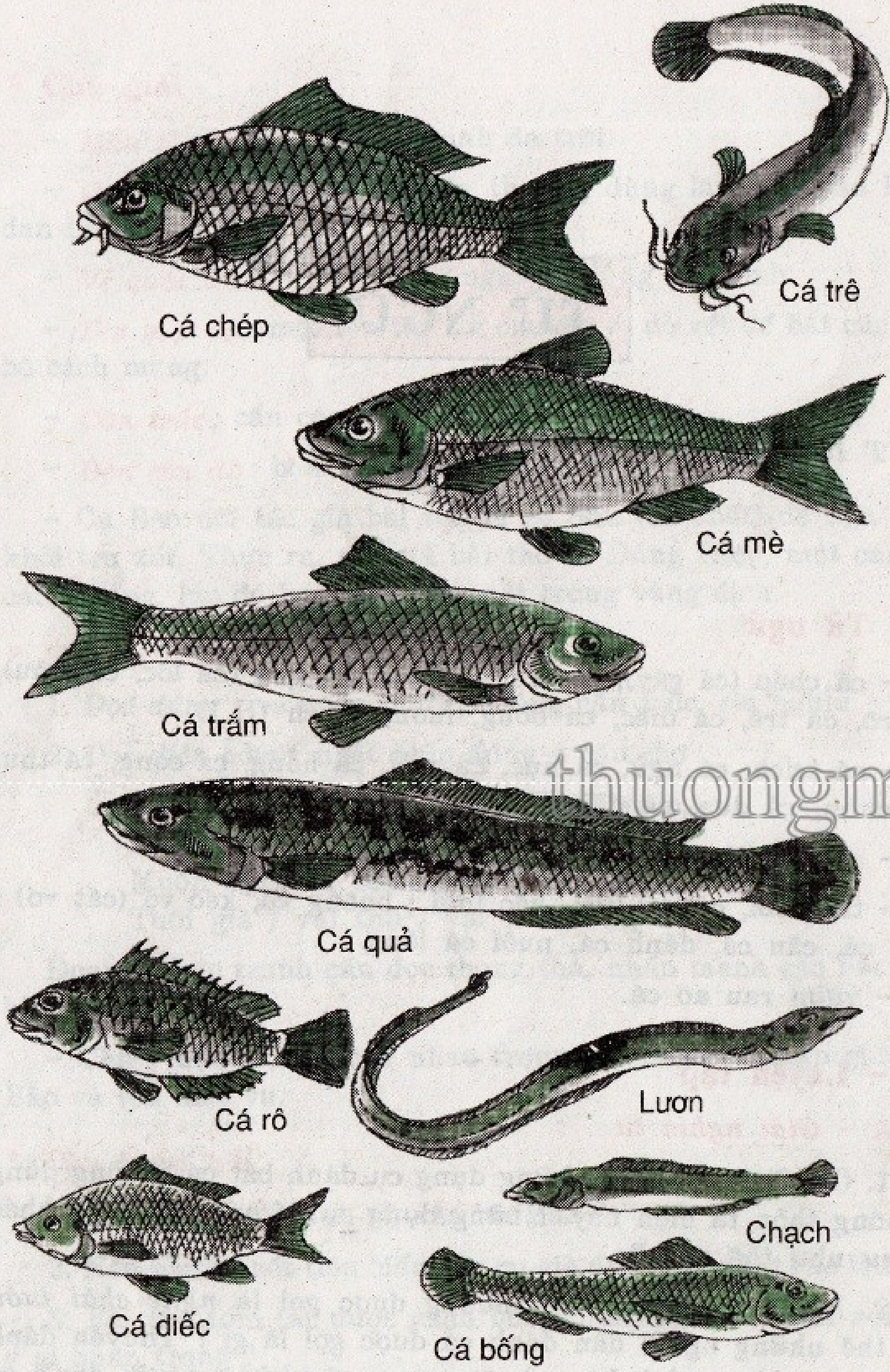

(H.1) Cá *nước* ngọt

thuongmaitr

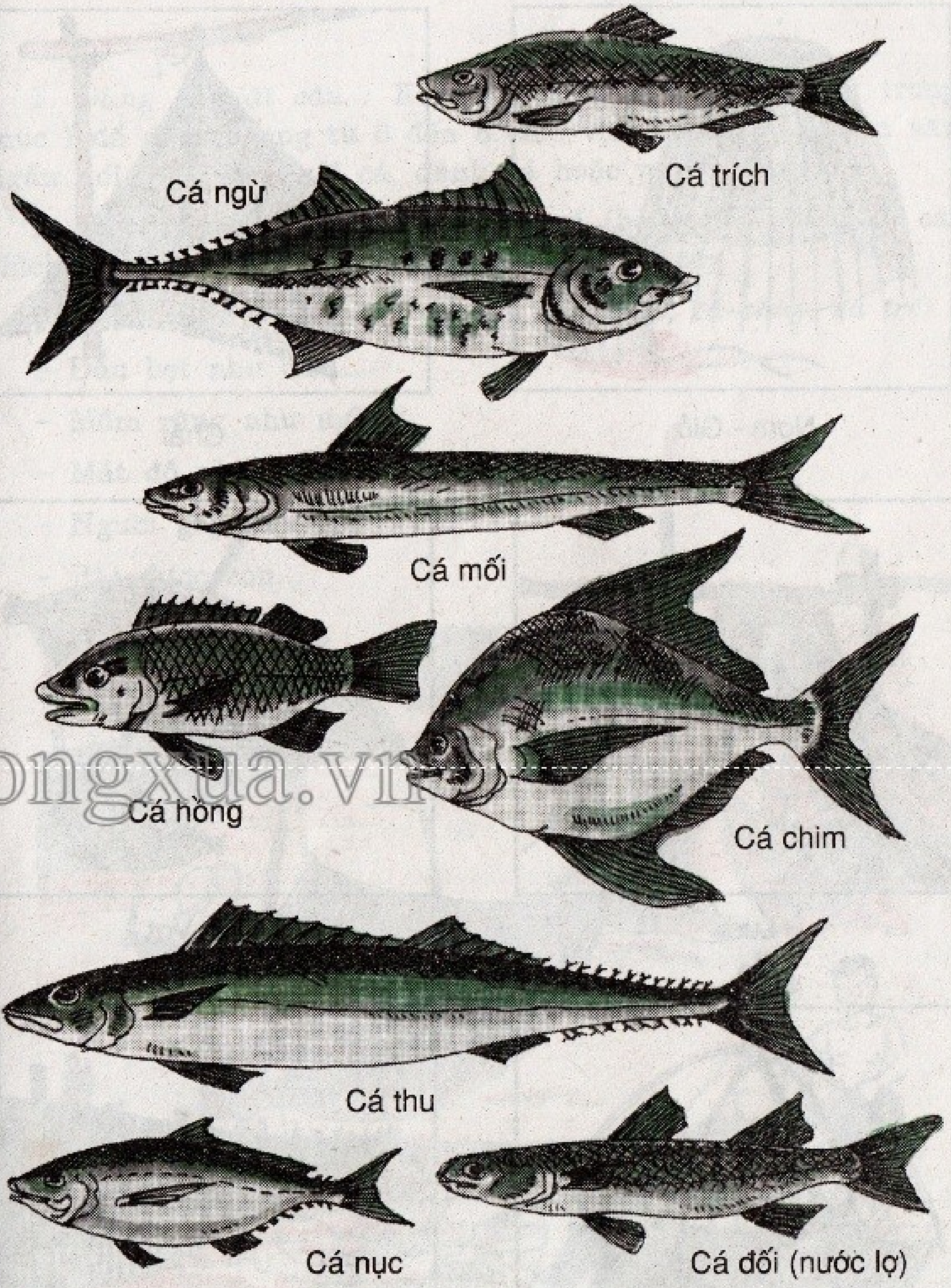

(H.2) *Cá nước mặn*

uongxua.vn

nhụt chí. Buổi học nào cũng vậy, trong góc lớp, trên mảnh chiếu, Ký hì hục tập viết, thật vô cùng gian khổ.

(Theo *Bàn chân kì diệu*)

2. MÌNH BẬN HỌC

Vô-lô-đi-a đang chuẩn bị bài thì một bạn đến rủ đi bắn chim vì cậu ta vừa mua được một khẩu súng mới. Khẩu súng mới, điều đó thật hấp dẫn ! Nghe bạn nói, Vô-lô-đi-a đứng dậy mở toạng cửa sổ, ló đầu ra ngoài và hỏi bạn một cách tỉ mỉ về khẩu súng.

Nhưng rồi Vô-lô-đi-a trả lời bạn với vẻ luyến tiếc :

– Mình bận học, không đi được !

Cậu bạn châm chọc :

– Học gạo để lấy điểm năm à ?

– Mình không học gạo mà là học, học không phải vì điểm, hiểu không ?

– Mai chủ nhật tha hồ mà học !

Vô-lô-đi-a bắt đầu lưỡng lự vì lời bàn đó của bạn. Nhưng chợt nghĩ đến bài văn chưa chuẩn bị xong, Vô-lô-đi-a trả lời dứt khoát :

– Không, mai chúng ta sẽ đi từ sáng, còn hôm nay thì không.

Sau đó Vô-lô-đi-a đóng cửa sổ lại.

(Hà Vy)

TIẾT 60

KỂ CHUYỆN

(Làm văn viết ở lớp)

Đề bài

Em hãy kể lại một câu chuyện mà em (hoặc bạn em) đã trải qua có nội dung như câu tục ngữ :

"Có công mài sắt, có ngày nên kim."

thuongmaitr

TIẾT 61

KỂ CHUYỆN

(Trả bài viết)

Đề bài

Em hãy kể lại một câu chuyện mà em (hoặc bạn em) đã trải qua có nội dung như câu tục ngữ :

"Có công mài sắt, có ngày nên kim."

TIẾT 62

ĐƠN TỪ

(Làm văn miệng ở lớp)

I - Đề bài

truongxua.vn

Nhân dịp nghỉ hè, Câu lạc bộ Thiếu nhi (hoặc Cung văn hóa Thiếu nhi...) ở địa phương em có tổ chức một số lớp bồi dưỡng năng khiếu kết hợp vui chơi, giải trí (nhạc, họa, ca hát, bơi lội, bóng bàn, v.v...). Em hãy làm đơn xin được dự một trong những lớp bồi dưỡng đó.

II - Hướng dẫn

1. Đơn từ thường có hai dạng : dạng có mẫu in sẵn và dạng tự viết. Nếu đơn đã có mẫu in sẵn, em chỉ cần điền vào các chỗ trống theo những yêu cầu đã ghi trong đơn.

Nếu đơn phải tự viết thì em có thể dựa vào dàn ý nêu dưới đây (phần *ghi nhớ*).

2. Khi làm văn miệng hay làm văn viết, cần lưu ý cả hai mặt nội dung và hình thức. Nội dung cần chính xác, cụ thể, ngắn gọn ; hình thức : chữ viết rõ ràng, sạch sẽ, lời lẽ cần thể hiện thái độ đúng mực, khiêm tốn, lịch sự.

Nơm - Giỏ

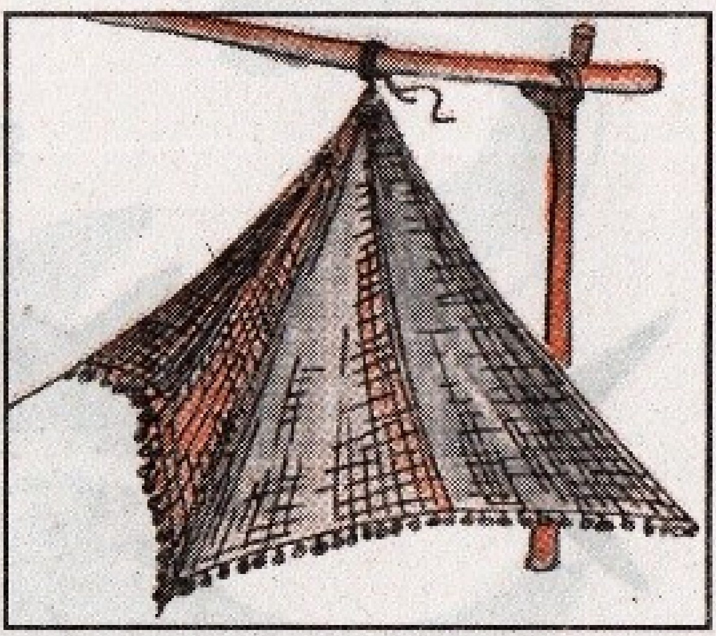

Chài

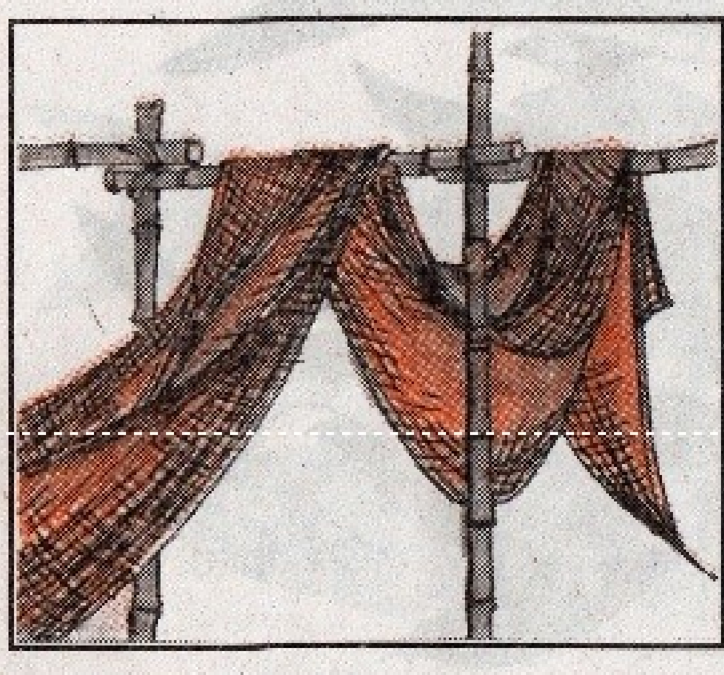

Lưới

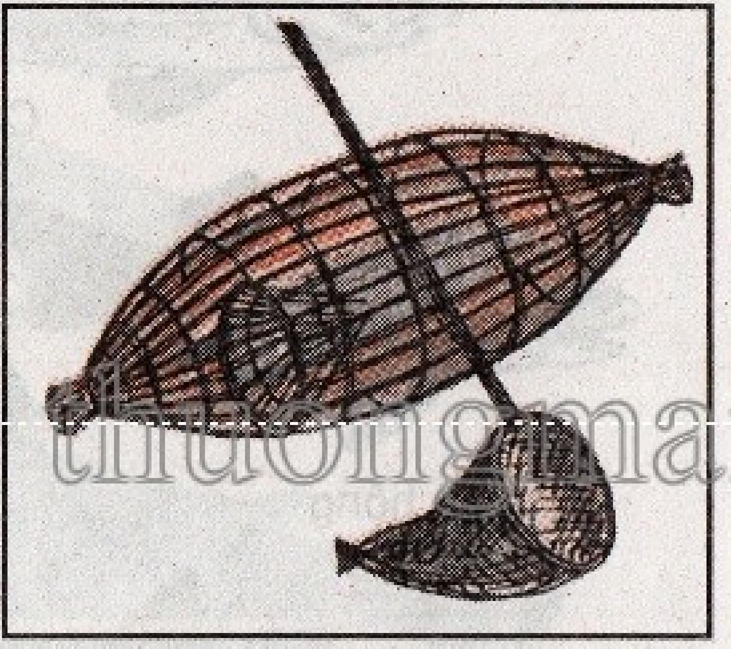

Đó - Vợt

Vó

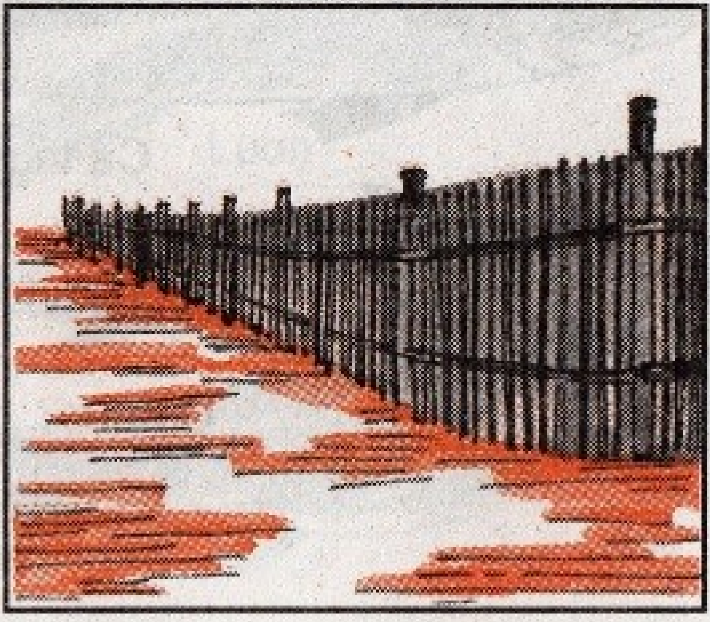

Đăng

(H.3) *Dụng cụ đánh cá*

B – Luyện từ

1. *Dùng từ đặt câu :* Em hãy dùng một số từ ngữ trong mục I để đặt khoảng từ 6 đến 8 câu, viết thành một đoạn văn ngắn nói về nghề nuôi cá, đánh cá hoặc người đánh cá.

2. *Bài tập vui :* Điền tên giống cá (hoặc sản phẩm về cá) thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau đây :

(Từ cần điền : *cá mắm, cá sộp, cá ngão, cá chày, cá trê*)

– Đầu bẹt như đầu...

– Mồm rộng như mồm...

– Mắt đỏ như mắt...

– Người gầy như con...

– Bắt được con...

(H.4) *Đánh cá*

Trên cơ sở nội dung đã chuẩn bị, em tập trình bày trước để chuẩn bị cho tiết *Làm văn miệng* ở lớp.

III – Ghi nhớ

Dàn ý chung của một lá đơn :

1. *Tiêu ngữ* :

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN......................

2. *Phần đầu* :

– Đơn gửi cơ quan nào ? (*Kính gửi...*)

– Ai gửi đơn ? *(Tôi tên là... Ở đâu ? ... Làm gì ?...)*

3. *Phần chính* :

– Lí do gửi đơn.

– Yêu cầu, nguyện vọng.

4. *Phần cuối* :

– Lời cảm ơn, hứa hẹn.

Nơi, ngày, tháng, năm làm đơn
Kí tên

TIẾT 63

ĐƠN TỪ

(Làm văn viết ở lớp)

Đề bài

Nhân dịp nghỉ hè, Câu lạc bộ Thiếu nhi (hoặc Cung văn hóa Thiếu nhi....) ở địa phương em có tổ chức một số lớp bồi dưỡng năng khiếu kết hợp vui chơi, giải trí (nhạc, họa, ca hát, bơi lội,

thuongmaitr

bóng bàn, v.v...). Em hãy làm đơn xin được dự một trong những lớp bồi dưỡng đó.

TIẾT 64

ĐƠN TỪ

(Trả bài viết)

Đề bài

Nhân dịp nghỉ hè, Câu lạc bộ Thiếu nhi (hoặc Cung văn hóa Thiếu nhi....) ở địa phương em có tổ chức một số lớp bồi dưỡng năng khiếu kết hợp vui chơi, giải trí (nhạc, họa, ca hát, bơi lội, bóng bàn, v.v...). Em hãy làm đơn xin được dự một trong những lớp bồi dưỡng đó.

*

tuongxua.vn

GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐỀ BÀI ÔN LUYỆN CHUẨN BỊ KIỂM TRA HỌC KÌ 2

1. Một người trong họ hàng của em gặp chuyện không vui (đau ốm, tai nạn, tang tóc...). Em hãy thay mặt gia đình viết thư thăm hỏi và an ủi.

2. Em lỡ có một cử chỉ hoặc lời nói, việc làm sai trái đối với người trên (bố mẹ, ông bà, thầy giáo, cô giáo...). Em hãy viết thư xin lỗi, tỏ rõ sự hối hận và hứa quyết tâm sửa chữa khuyết điểm.

3. Em hãy viết thư cho anh (chị) ở xa, thuật lại chuyện mẹ em (hoặc một người thân trong nhà) bị một trận ốm vừa mới khỏi.

4. Buổi tối cả nhà quây quần sau bữa cơm, mẹ em hỏi :

– Hôm nay đi học, con có chuyện gì vui, hãy kể lại cho mẹ nghe ?

Em hãy kể lại một câu chuyện vui em đã gặp ở trường, lớp (hoặc ở ngoài đường) cho cả nhà nghe.

*3. *Mở rộng vốn từ :* Em hãy phân biệt nghĩa các từ ngữ sau đây :

– cá sông, cá đồng, cá biển ; cá nước ngọt, cá nước mặn, cá nước lợ.

– cá bột, cá giống ; cá khô, cá mắm, cá hộp ; cá tươi, cá ươn.

**4. Những công việc đánh bắt cá trong (H.4) được gọi bằng những từ ngữ nào ?

TIẾT 19

ÔN TẬP

*1. (*Học sinh chuẩn bị trước ở nhà*) Em hãy viết một đoạn văn ngắn (5 đến 8 câu) trong đó có sử dụng một số từ tượng thanh và tượng hình (5 đến 8 từ trở lên) để tả một trong những cảnh sau đây :

– Cảnh phố xá (hoặc thôn xóm) nơi em ở vào buổi sáng lúc mọi người tấp nập đi làm, học sinh đi học.

– Cảnh bến ô tô (hoặc nhà ga, bến đò) lúc ô tô (hoặc tàu, thuyền, đò) sắp rời bến (hoặc rời nhà ga).

(Có thể tham khảo *Bài đọc thêm* ở mục 3 để làm bài tập này)

2. Tìm một số thành ngữ so sánh có dùng từ "như" theo mẫu : *yếu như sên, hót như khướu*...

3. *Bài đọc thêm*

BUỔI SÁNG MÙA HÈ TRONG THUNG LŨNG

Rừng núi còn chìm đắm trong màn đêm. Trong bầu không khí đầy hơi ấm và *lành lạnh*, mọi người đang ngon giấc trong những chiếc chăn đơn. Bỗng một con gà trống vỗ cánh *phành phạch* và cất tiếng gáy *lanh lảnh* ở đầu bản. Tiếp đó, rải rác khắp trong thung lũng tiếng gà gáy *râm ran*. Mấy con gà rừng trên núi cũng thức dậy gáy *te te*. Trên mấy cây cao cạnh nhà,

* Bài tập làm ở nhà.

** Bài tập dành cho học sinh khá và giỏi (làm thêm ở nhà).

thuongmaitr

ve đua nhau kêu *ra rả*. Ngoài suối tiếng chim cuốc vọng vào *đều đều*... Bản làng đã thức giấc. Đó đây, ánh lửa hồng *bập bùng* trên các bếp. Ngoài bờ ruộng đã có bước chân người đi, tiếng nói chuyện *rì rầm*, tiếng gọi nhau *í ới*.

Tảng sáng, vòm trời cao xanh *mênh mông*. Gió từ trên đỉnh núi tràn xuống thung lũng mát rượi...

(Hoàng Hữu Bội)

* Trong số các từ láy in nghiêng trong đoạn văn trên, những từ nào là từ *tượng thanh*, những từ nào là từ *tượng hình*, từ láy nào có nghĩa *giảm nhẹ* ?

TIẾT 20

NGHĨA CỦA TỪ

I – Bài đọc

tuongxua.vn

ĐI CẤY

Người ta đi cấy lấy công
Tôi nay đi cấy còn *trông* nhiều bề.
Trông trời, *trông* đất, *trông* mây
Trông mưa, *trông* gió, *trông* ngày, *trông* đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm
Trời êm bể lặng mới yên tấm lòng.

(*Ca dao*)

* *Tìm hiểu :*

– Em hãy đọc đúng ngữ điệu bài ca dao trên và cho biết trong bài có bao nhiêu từ *trông* ?

– Em hãy dùng các từ *nhìn*, *mong* thay vào vị trí của từ *trông* trong bài ca dao. Từ nào có thể thay thế được mà không làm thay đổi ý nghĩa của bài ?

** Theo ý em, từ *trông* trong bài ca dao có những nghĩa nào ?

5. Em đã từng có nhiều dịp đi chơi xa nhà. Hãy thuật lại một chuyến đi mà em nhớ nhất.

TIẾT 65

KIỂM TRA HỌC KÌ II

(Làm văn viết ở lớp)

TIẾT 66

TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ II

thuongmaitr

MỤC LỤC

PHÂN MÔN	TIẾT	TÊN BÀI	TRANG
TẬP ĐỌC	35	Qua Thậm Thình	3
	36	Yết Kiêu	4
	37	Một sáng thu xưa	8
	38	Hoa hồng Bun-ga-ri	10
	39	Đất quý đất yêu	12
	40	Về miền Đất Đỏ	15
	41	Anh về cùng mùa hoa	18
	42	Đêm trăng hành quân về đồng bằng	19
	43	Ngựa biên phòng	22
	44	Giữ vùng trời Tổ quốc	24
	45	Truyện cổ nước mình	25
	46	Cánh đồng con	27
	47	Xuân trên đất trời Phả Lại	29
	48	Người thợ rèn	31
	49	Anh công nhân da đen Hô-xê	33
	50	Tiếng hát mùa gặt	36
	51	Làng Dao Suối Lìn	38
	52	Hạt gạo làng ta	40
	53	Buổi sáng mùa hè trong thung lũng	42
	54	Ông già trên núi chè tuyết	45
	55	Đánh cá	47
	56	Tục ngữ	49
	57	Hoa học trò	51
	58	Tiếng gà trưa	53
	59	Câu chuyện vua Mi-đát thích vàng	55
	60	Lê-nin và ông lão đi săn	57
	61	Cây vú sữa trong vườn Bác	60
	62	Thăm cõi Bác xưa	61
	63	Hai bài thơ của Bác (Rằm tháng giêng – Tin thắng trận)	63 64

tuongxua.vn

II – Bài học

1. Trong tiếng Việt, mỗi từ bao giờ cũng có một nghĩa chính, được gọi là *nghĩa đen*.

Ví dụ :

Trông lên trời, Hải bỗng thấy mây đen đã ùn ùn kéo đến. (*trông = nhìn*)

2. Mỗi từ còn có thể có một hoặc nhiều nghĩa phụ. Nghĩa phụ được hiểu rộng ra từ nghĩa chính, thường được gọi là *nghĩa bóng*.

Ví dụ :

– Chị cứ đi giặt đi, tôi *trông* cháu hộ cho !

(*trông = coi, giữ*)

– Đã một tuần nay, em *trông* anh quá !

(*trông = mong, mong đợi*)

– Bà cụ mới qua đời, chị ấy không biết *trông* vào đâu.

(*trông = dựa, nhờ vả*)

thuongmaitu

III – Luyện tập

1. Em hãy cho biết : Những từ nào (in nghiêng) trong các câu sau đây được dùng theo *nghĩa đen* ? Những từ nào được dùng theo *nghĩa bóng* ?

a) Bác công nhân đang *ăn* cơm thì có tiếng còi tàu vào *ăn* than ngoài bến.

b) Ở đây chúng tôi được ăn *ngon*, ngủ *ngon* nên chóng lại sức.

c) Mùa *xuân* là Tết trồng cây
Làm cho đất nước càng ngày càng *xuân*.

(Hồ Chí Minh)

Sự tươi thể đẹp của đất nước

** Em hãy cho biết nghĩa bóng của từ *xuân* ở dòng thơ thứ hai.

2. Dùng các từ dưới đây để đặt câu (mỗi từ đặt một câu theo nghĩa đen và một câu theo nghĩa bóng) :

Danh từ : *nhà* Ngôi nhà của em ở trong hẻm

Cả nhà em đi chợ hoa

Chiếc xe đã đi rồi

Mẹ em đi chợ

Động từ : *đi*

Tính từ : *ngọt*

giọng nói của mẹ thật ngọt ngào

TIẾT 21

TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC

I – Từ ngữ

– dân tộc, giống nòi, Tổ quốc, đất nước ; truyền thống, phong tục, tập quán, di tích lịch sử ; lòng yêu nước, tình đồng bào, lòng tự hào dân tộc.

– anh hùng, bất khuất, độc lập, tự cường, đoàn kết, yêu nước, thương dân, đảm đang, trung hậu, thủy chung.

– thương người như thể thương thân.

uongxua.vn

II – Luyện tập

A – Giải nghĩa từ

1. *Truyền thống* là những điều tốt đẹp được giữ gìn, phát triển và truyền từ đời này sang đời khác. Căn cứ vào đó, em hiểu *truyền thống dân tộc* là gì ?

2. *Phong tục* là những tục lệ, lề lối trong cách sinh hoạt đã có từ lâu đời của một địa phương hoặc một nước. Em hãy nêu ví dụ về một vài phong tục tốt đẹp của nhân dân ta mà em biết (hoặc của địa phương em – nếu có).

3. *Tập quán* là những thói quen lâu ngày đã thành nếp sống, nếp làm ăn trong một xã hội. Em hãy nêu ví dụ về một vài tập quán tốt trong sinh hoạt hoặc sản xuất của nhân dân ta (hoặc của địa phương em – nếu có).

4. *Di tích lịch sử là gì ?* Nêu một vài dẫn chứng cụ thể mà em biết để thấy rõ các di tích lịch sử có thể cho chúng ta biết khá rõ các truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

PHẦN MÔN	TIẾT	TÊN BÀI	TRANG
	64	Ôn tập	65
	65, 66	Bức tranh cụ già ngồi câu cá	66
TỪ NGỮ	18	Cá	69
	19	Ôn tập	74
	20	Nghĩa của từ	75
	21	Truyền thống dân tộc	77
	22	Từ cùng nghĩa	79
	23	Quân đội nhân dân	82
	24	Từ gần nghĩa	84
	25	Nhân dân lao động	87
	26	Từ trái nghĩa	89
	27	Các dân tộc trên đất nước ta	90
	28	Từ cùng âm khác nghĩa	94
	29	Ôn tập	96
	30	Ôn tập cuối cấp (Gia đình – Họ hàng)	97
	31	Ôn tập cuối cấp (Nhà trường – Học tập)	98
	32	Ôn tập cuối cấp (Đất nước)	99
	33	Ôn tập cuối cấp (Nhân dân)	100
NGỮ PHÁP	18	Câu ghép đẳng lập	102
	19	Câu ghép đẳng lập (tiếp theo)	104
	20	Câu ghép chính phụ	106
	21	Câu ghép chính phụ (tiếp theo)	108
	22	Các dấu câu : dấu chấm phẩy, dấu hai chấm	110
	23	Các dấu câu (tiếp theo) : dấu ngoặc đơn	113
	24	Ôn tập : các dấu câu	115
	25	Ôn tập : các dấu câu (tiếp theo)	118
	26	Các dấu câu – Tập ghi các dấu câu	120
	27	Các dấu câu – Tập ghi các dấu câu (tiếp theo)	121

thuongmaitr

PHÂN MÔN	TIẾT	TÊN BÀI	TRANG
	28	Ôn tập cuối cấp : Câu – Các bộ phận trong câu	122
	29	Ôn tập cuối cấp : Từ loại (Danh từ, Động từ, Tính từ)	125
	30	Ôn tập cuối cấp : Các kiểu câu	128
	31	Ôn tập cuối cấp : Câu ghép	131
	32	Ôn tập : Câu	133
	33	Ôn tập : Các dấu câu (tiếp theo)	134
CHÍNH TẢ	18	Chính tả (so sánh) : Phân biệt c / k/ q	136
	19	Chính tả (nghe đọc) : Sói và Sóc	138
	20	Chính tả (so sánh) : Phân biệt l / n ; v / d / gi	139
	21	Chính tả (nghe đọc) : Qua Thậm Thình	140
	22	Chính tả (kiểm tra – nghe đọc) : Mưa	141
	23	Chính tả (nghe đọc) : Đêm trăng hành quân về đồng bằng	142
	24	Chính tả (so sánh) : Phân biệt ch/tr ; ?/ ~/ .	144
	25	Chính tả (nghe đọc) : Mấy chú ếch	145
	26	Chính tả (kiểm tra – nghe đọc) : Một cuộc thi nhạc	146
	27	Chính tả : Người thợ rèn	147
	28	Chính tả (so sánh) : Phân biệt s / x ; ươn / ương ; ? / ~ / . /	148
	29	Chính tả (nghe đọc) : Chị Gia-mi-li-a của tôi	151
	30	Chính tả (nghe đọc) : Hoa học trò	152
	31	Chính tả (nghe đọc) : Thánh Gióng	153
	32	Chính tả (kiểm tra – nghe đọc) : Giã gạo chày đôi	154
	33	Chính tả (kiểm tra – nghe đọc) : Trong phân xưởng cơ khí	154
TẬP LÀM VĂN	35	Tường thuật (Tìm ý, làm dàn bài chi tiết)	155
	36	Tường thuật (Làm văn miệng ở lớp)	156

tuongxua.vn

DI TÍCH LỊCH SỬ

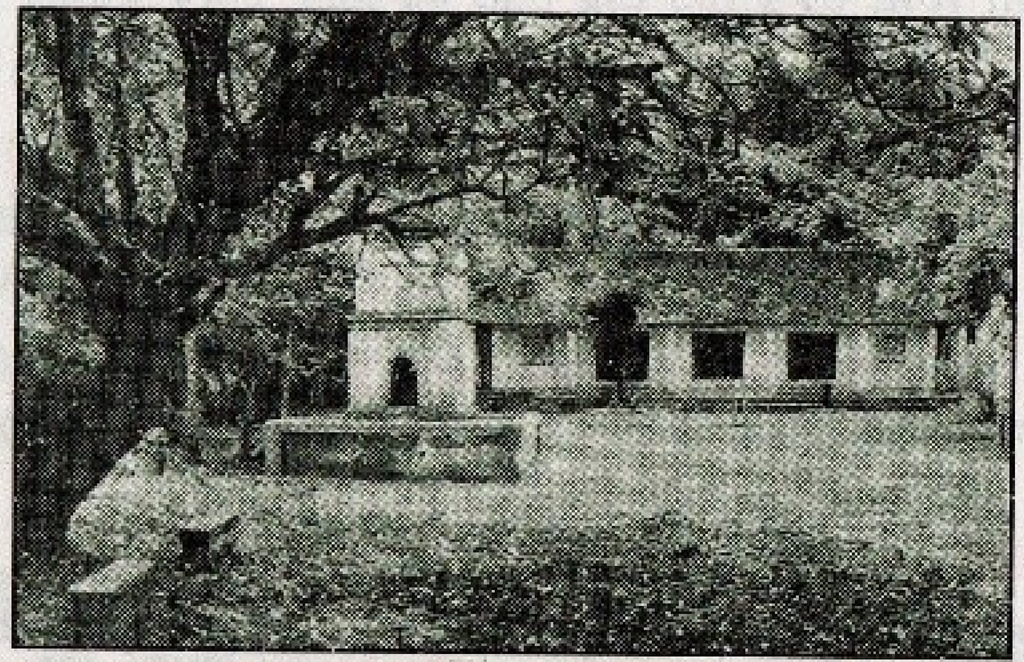

Đền Hùng

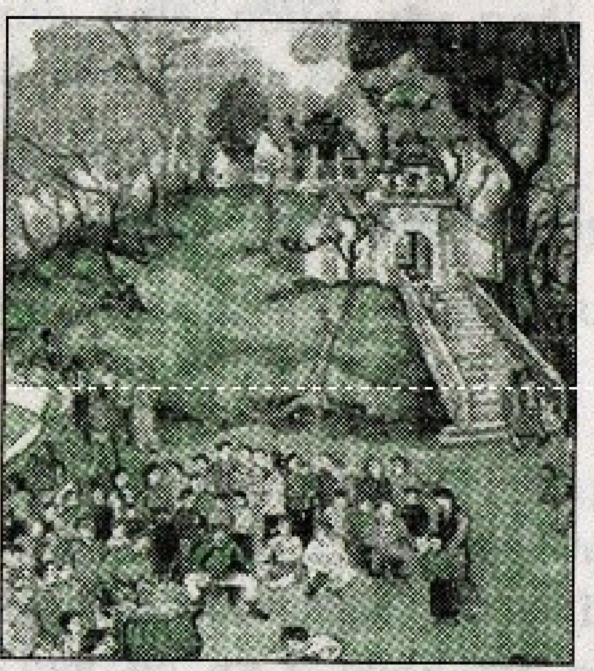

Gò Đống Đa

Văn Miếu

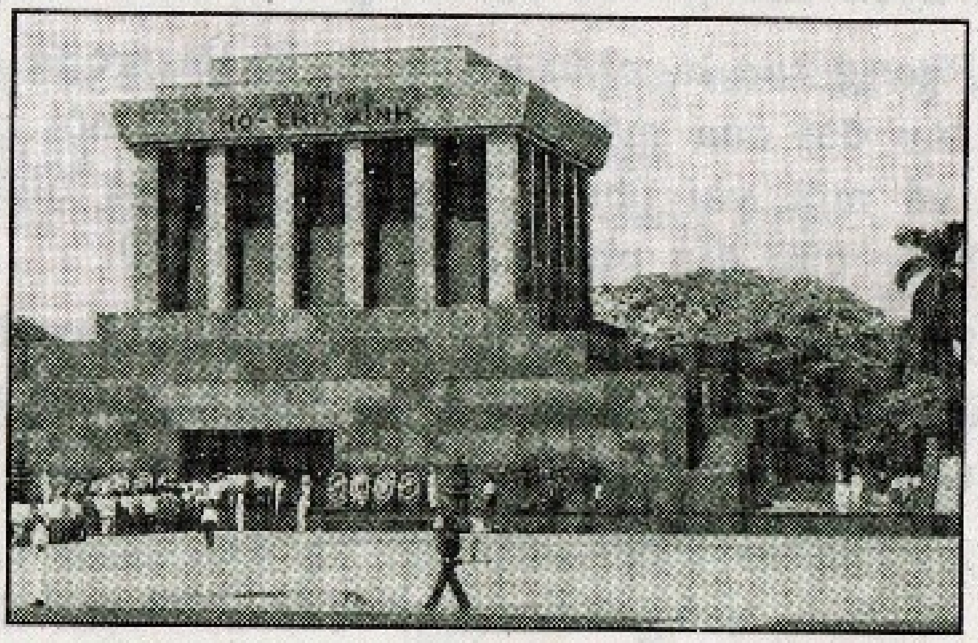

Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh

**5. Em hiểu thế nào là lòng *tự hào dân tộc*, tinh thần *dân tộc tự cường* ?

B – Luyện từ

1. *Dùng từ đặt câu :* Em hãy dùng một số từ ngữ trong mục I (6 từ ngữ trở lên) để đặt khoảng từ 6 đến 8 câu, viết thành một đoạn văn ngắn nói về truyền thống yêu nước, đoàn kết, đấu tranh bất khuất, hoặc những tấm gương anh hùng chói lọi trong lịch sử chống xâm lược của dân tộc ta mà em đã học.

2. *Điền từ* thích hợp vào chỗ trống trong những câu tục ngữ, ca dao sau đây :

(*Các từ cần điền :* đau, lề, non, đùm, cây, bí, nguồn, đánh, núi, giống, cỏ)

– Uống nước nhớ...

– Ăn quả nhớ kẻ trồng...

– Giấy rách phải giữ lấy...

– Lá lành ... lá rách.

– Một con ngựa ... cả tàu không ăn ...

– Bầu ơi thương lấy ... cùng
Tuy rằng khác ... nhưng chung một giàn.

– Một cây làm chẳng nên...
Ba cây chụm lại nên hòn ... cao.

– Giặc đến nhà, đàn bà cũng ...

tongxua.vn

TIẾT 22

TỪ CÙNG NGHĨA

I – Quan sát tranh

Quan sát tranh và nhận xét nghĩa của các từ in nghiêng trong những câu sau :

Máy bay đang lao qua bầu trời.

PHÂN MÔN	TIẾT	TÊN BÀI	TRANG
	37	Tường thuật (Làm văn viết ở lớp)	157
	38	Tường thuật (Trả bài viết)	158
	39	Tường thuật (Làm văn miệng ở lớp)	158
	40	Tường thuật (Làm văn viết ở lớp)	159
	41	Tường thuật (Trả bài viết)	159
	42	Tường thuật (Làm văn miệng ở lớp)	159
	43	Tường thuật (Làm văn viết ở lớp)	160
	44	Tường thuật (Trả bài viết)	161
	45	Viết thư (Tìm ý, làm dàn ý chi tiết)	161
	46	Viết thư (Làm văn miệng ở lớp)	162
	47	Viết thư (Làm văn viết ở lớp)	163
	48	Viết thư (Trả bài viết)	163
	49	Viết thư (Làm văn miệng ở lớp)	164
	50	Viết thư (Làm văn viết ở lớp)	164
	51	Viết thư (Trả bài viết)	165
	52	Viết thư (Làm văn miệng ở lớp)	165
	53	Viết thư (Làm văn viết ở lớp)	166
	54	Viết thư (Trả bài viết)	166
	55	Kể chuyện (Tìm ý, làm dàn bài chi tiết)	167
	56	Kể chuyện (Làm văn miệng ở lớp)	169
	57	Kể chuyện (Làm văn viết ở lớp)	170
	58	Kể chuyện (Trả bài viết)	170
	59	Kể chuyện (Làm văn miệng ở lớp)	170
	60	Kể chuyện (Làm văn viết ở lớp)	172
	61	Kể chuyện (Trả bài viết)	173
	62	Đơn từ (Làm văn miệng ở lớp)	173
	63	Đơn từ (Làm văn viết ở lớp)	174
	64	Đơn từ (Trả bài viết)	175
	65	Kiểm tra học kì II	176
	66	Trả bài kiểm tra học kì II	176

thuongmaitr

uongxua.vn

Tàu bay – Máy bay

Tàu bay đang lao qua bầu trời.

Phi cơ đang lao qua bầu trời.

Hai bạn gấp lá dừa làm *máy bay* (hay *tàu bay*) để chơi.

– Nghĩa của các từ in nghiêng trong các câu trên giống nhau hay khác nhau ?

– Trong 3 câu đầu, các từ in nghiêng được dùng thay thế nhau mà nghĩa của 3 câu đều giống nhau. Vì sao ?

– Trong câu cuối cùng, từ *máy bay* có thể thay bằng từ *tàu bay*, nhưng lại không thay được bằng từ *phi cơ*. Vì sao ? (*phi cơ* là từ Hán Việt, hiện nay ít dùng)

II – Bài học

1. Trong tiếng Việt, những từ có nghĩa giống nhau được gọi là *từ cùng nghĩa*.

Ví dụ :

máy bay = tàu bay	sinh = đẻ
xe lửa = tàu hỏa	chết = qua đời
siêng năng = chăm chỉ	lười biếng = biếng nhác

thuongmaitu

2. Những từ cùng nghĩa thường được *dùng như nhau* có thể thay thế nhau. Ví dụ :

– Anh ấy từ Hà Nội đi chuyến *xe lửa* 8 giờ sáng vào Vinh rồi.

– Má tôi từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội bằng *tàu hỏa*.

3. Các từ cùng nghĩa cần được *chọn dùng* để biểu thị cảm xúc, thái độ ứng xử cho thích hợp với từng câu nói, câu viết cụ thể. Ví dụ :

– Em bé mới *đẻ* ra đã cân được ba cân (kg) hai.

– Anh Kim Đồng *sinh* ra và lớn lên trong một gia đình lao động nghèo khổ.

– Ngày ông tôi *qua đời*, cả xã đều thương tiếc và tiễn đưa ông đến nơi an nghỉ cuối cùng.

– Tên giặc trúng đạn *chết* ngay không kịp kêu lên một tiếng.

III – Luyện tập

truongxua.vn

1. Em hãy thay những từ in nghiêng trong các câu sau đây bằng các *từ cùng nghĩa* :

– Tổ tôi có bốn bạn *nữ* và sáu bạn *nam* cùng ở một khu tập thể.

– Vừa vào đầu năm học, chúng tôi đã học tập rất *siêng năng*.

– Cô y tá ở phòng này chăm sóc *bệnh nhân* rất chu đáo.

– Bà nội Hải rất *cưng* các cháu.

– Bà thường khen Hải : "Cháu còn *bé* mà đã làm được nhiều việc của người lớn rồi đấy !".

– Chú tôi đi *xe khách* từ Hà Đông ra Hà Nội thăm *bố mẹ* tôi.

– Từ đằng xa có một *bà lão* đang chống gậy đi tới.

2. Em hãy đặt câu với mỗi từ cùng nghĩa dưới đây :

ăn, xơi ; biếu, tặng ; chết, mất.

*3. Theo ý em, có thể thay từ in nghiêng trong các câu sau đây bằng từ *cùng nghĩa* ghi trong ngoặc đơn ở mỗi câu được không ? Tại sao ?

– Bên địch một tiểu đội giặc phải bỏ xác lại ; bên ta một chiến sĩ *hi sinh* (*chết*).

– Nhà ông Vui mới *tậu* (*mua*) được một con trâu đực cày khỏe lắm.

TIẾT 23

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

I – Từ ngữ

– tiểu đội, trung đội, đại đội ; cán bộ, chiến sĩ, sĩ quan ; súng ống, đạn dược, quân trang, quân dụng ; doanh trại, đơn vị.

– canh gác, luyện tập, trực ban, trực chiến, trinh sát, chỉ huy.

– tinh nhuệ, thiện chiến.

– vì nhân dân quên mình ; đi dân nhớ, ở dân thương.

thuongmaitr

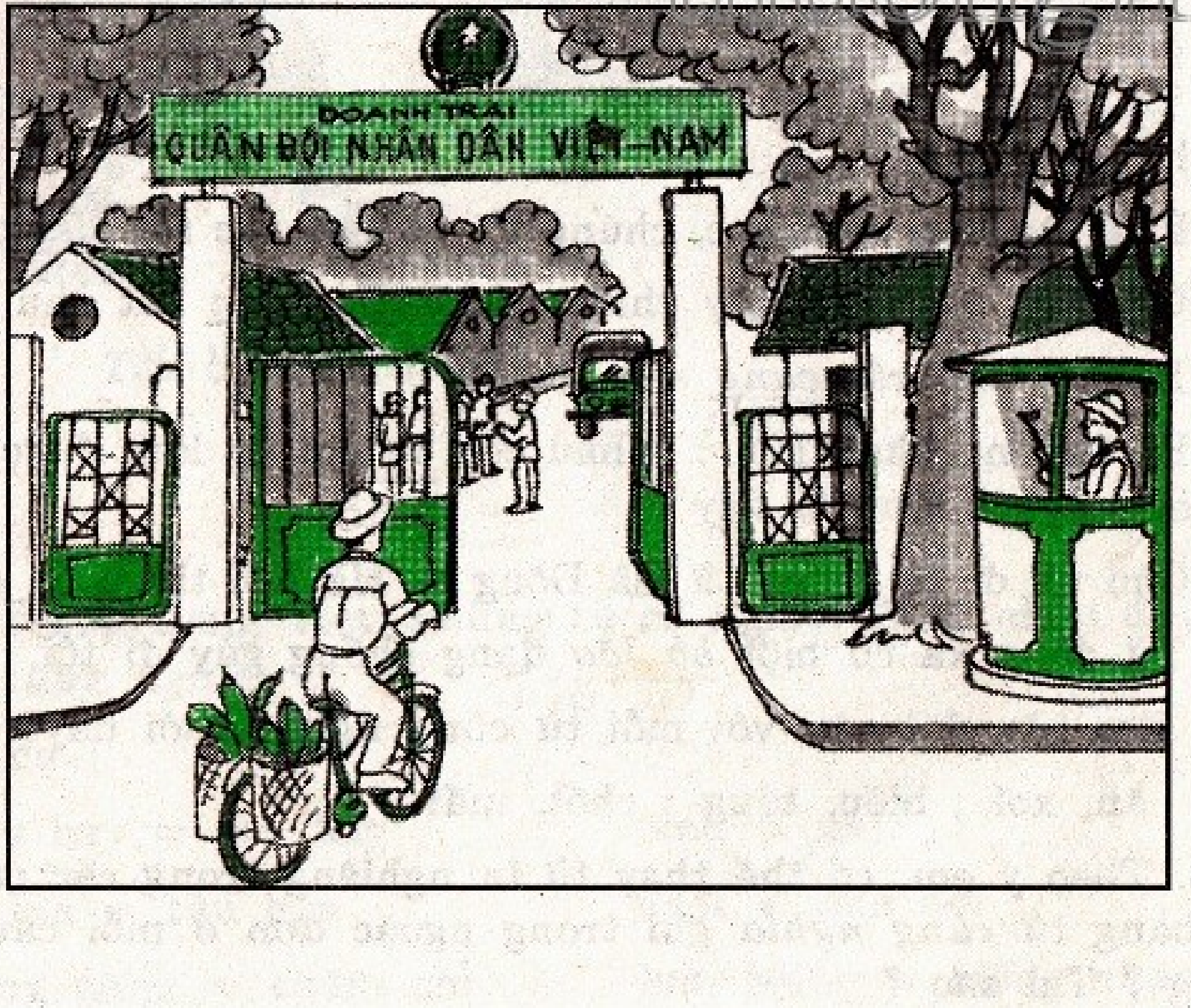

II – Luyện tập

A – Giải nghĩa từ

1. *Đơn vị* bộ đội là một tập thể cán bộ, chiến sĩ cùng sinh hoạt và chiến đấu được tổ chức lại. Các *đơn vị* bộ đội được sắp xếp từ nhỏ đến lớn, từ thấp lên cao. Em hãy sắp xếp các từ chỉ *đơn vị* bộ đội sau đây theo thứ tự đó : *sư đoàn, tiểu đội, tiểu đoàn, trung đội, trung đoàn, quân đoàn, đại đội*.

2. Các từ *cán bộ, chiến sĩ, binh lính, binh sĩ, sĩ quan* có nghĩa giống nhau và khác nhau như thế nào ?

**3. *Quân trang, quân dụng* : nghĩa của hai từ này là gì ? Lấy dẫn chứng cụ thể để làm rõ.

4. *Trực* là từ đơn gốc Hán có nghĩa là : có mặt (*thường trực* : luôn luôn có mặt). Căn cứ vào đó, em thử cho biết nghĩa của hai từ *trực ban* và *trực chiến*. Tìm một từ ghép (học sinh hay dùng ở trường lớp) có cùng gốc và gần nghĩa với hai từ đó.

Chiến sĩ quân đội nhân dân

5. Quân đội *tinh nhuệ* là quân đội đã được huấn luyện kĩ càng, công phu, nên rất *thiện chiến*. Như vậy, em hiểu *thiện chiến* nghĩa là thế nào ?

B– Luyện từ

1. *Dùng từ đặt câu :* Em hãy dùng một số từ ngữ trong mục I (6 từ ngữ trở lên) để đặt câu, viết thành một đoạn văn ngắn (khoảng từ 6 đến 8 câu) nói về một vấn đề thích hợp do em tự chọn (Ví dụ : kể chuyện về một đơn vị bộ đội đang hành quân, đang luyện tập, hoặc đóng quân ở địa phương em, v.v...).

2. *Mở rộng vốn từ :*

– Kể tên gọi các *cấp chỉ huy* từ đơn vị tiểu đội trở lên.

– Kể tên gọi các *cấp bậc sĩ quan* quân đội (cấp *úy*, cấp *tá* và cấp *tướng*).

– Tìm một số từ ghép cùng được cấu tạo bởi từ đơn gốc Hán "*quân*" (= quân đội) đứng trước, ví dụ : quân trang.

thuongmaitr

TIẾT 24

TỪ GẦN NGHĨA

I – Bài đọc

ĐẤT NƯỚC TA

Đất nước ta giàu đẹp, *non sông* ta như gấm như vóc, lịch sử dân tộc ta oanh liệt, vẻ vang. Bởi thế, mỗi người dân Việt Nam yêu nước dù có đi xa *quê hương, xứ sở* tới tận nơi chân trời góc bể cũng vẫn luôn luôn hướng về *Tổ quốc* thân yêu với một niềm tự hào sâu sắc.

Ôi, *Tổ quốc giang sơn* hùng vĩ
Đất *anh hùng* của thế kỉ hai mươi !...

... Không tự hào sao được ! Những trang sử kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mĩ oai hùng của dân tộc ta ròng rã trong suốt 30 năm gần đây còn ghi lại biết bao tấm gương chiến đấu *dũng cảm, gan dạ* của những con người Việt Nam *anh dũng* tuyệt vời...

Đọc đoạn văn trên, hãy so sánh và nhận xét *về nghĩa* của những từ in nghiêng được xếp thành các nhóm sau đây :

– *đất nước, non sông, quê hương, xứ sở, Tổ quốc, giang sơn.*

– *anh hùng, dũng cảm, gan dạ, anh dũng.*

II – Bài học

1. Trong tiếng Việt, nhiều từ có nghĩa gần nhau thường được gọi là những *từ gần nghĩa.*

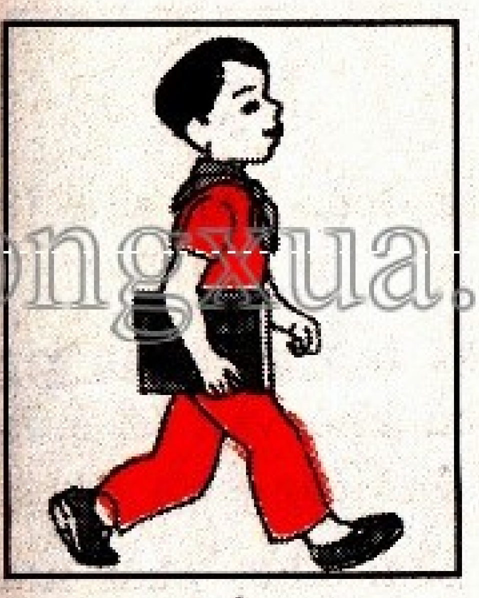

Cắp

Ôm

Bê

Bưng

Đeo

Vác

ruongxua.vn

Ví dụ :

– gò, đống, cồn, đồi... (*danh từ*).

– vui vẻ, mừng rỡ, phấn khởi, sung sướng... (*tính từ*).

– cắp, ôm, bê, bưng, đeo, vác... (*động từ*).

2. Khi nói (hoặc viết) cần lựa chọn trong số các từ gần nghĩa, từ nào *sát nghĩa* và thích hợp nhất để cho lời nói (hoặc câu văn) vừa chính xác vừa phong phú.

Ví dụ 1 : – Biển cả *bao la*.

– Cánh đồng *bát ngát*.

Ví dụ 2 : – *Tận tâm* cứu chữa người bệnh ;

– *Tận tụy* với công việc ;

– *Tận tình* với bè bạn.

III – Luyện tập

1. Em hãy tìm những từ gần nghĩa trong đoạn văn sau (3 tính từ, 2 động từ) :

thuongmaitu

Cuộc sống lao động trên công trường thật tấp nập, rộn rịp như những cánh đồng đi vào ngày mùa. Mùa khô vẫn là mùa thi công của những công trường nên không khí càng sôi động.

...Khi đi xa đây, đã có rất nhiều người phải nhớ, phải lưu luyến những ngày sống đầy ý nghĩa, nhớ như trai gái nhớ những ngày hội làng, lưu luyến như học sinh xa ngôi trường cũ...

2. Điền những *từ gần nghĩa* thích hợp vào những câu sau đây :

– Mặt hồ... gợn sóng.

– Sóng lượn... trên mặt sông.

– Sóng biển... xô vào bờ.

(Từ cần điền : *cuồn cuộn, lăn tăn, nhấp nhô*)

3. Đặt câu với mỗi từ sau đây : *cắp, ôm, bê, bưng, đeo, vác.*

TIẾT 25

NHÂN DÂN LAO ĐỘNG

I – Từ ngữ

– công nhân, nông dân, bác sĩ, giáo viên, thợ thủ công, nhà khoa học, văn nghệ sĩ ; đạo đức, tài năng, kinh nghiệm ; sáng kiến.

– sản xuất, xây dựng, nghiên cứu, phát minh, cải tiến.

– cần cù, tháo vát, tiên tiến, ưu tú, lành nghề, khéo tay.

– lao động quên mình, dám nghỉ dám làm.

Công nhân

Nông dân

Bác sĩ

Giáo viên

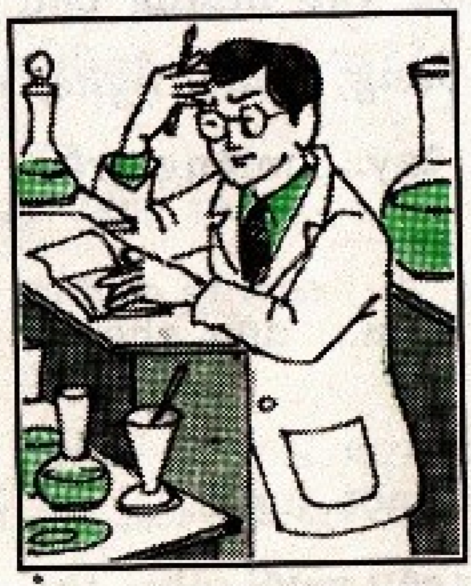
Nhà khoa học

Họa sĩ

II – Luyện tập

A – Giải nghĩa từ

1. *Nông dân, công nhân, thợ thủ công, bác sĩ, giáo viên,...* Em hãy cho biết những người đó làm việc gì ? Ở đâu ?

2. *Kĩ thuật* là chỉ phương pháp, cách thức sản xuất hoặc làm nghề của một ngành nghề (ví dụ : kĩ thuật dệt len, kĩ thuật trồng lúa, kĩ thuật nấu ăn, v.v...). Căn cứ vào đó, em hãy cho biết : công việc của người *cán bộ kĩ thuật* ở một cơ sở sản xuất (như nhà máy, hợp tác xã hoặc nông trường...) là công việc gì ?

3. *Văn nghệ sĩ* làm công việc gì ? Em hãy nêu ví dụ.

4. So sánh nghĩa của từ : *tiên tiến, xuất sắc, ưu tú*. Những từ đó là từ *gần nghĩa* hay *cùng nghĩa* ?

** Em hiểu thế nào là người lao động *tiên tiến* ? Người lao động *xuất sắc* ? Người lao động *ưu tú* ?

B – Luyện từ

1. Em hãy dùng một số từ ngữ trong mục I (6 từ ngữ trở lên) để đặt câu (khoảng từ 6 đến 8 câu), viết thành một đoạn văn ngắn nói về vấn đề *lao động, nhân dân lao động* hoặc *các ngành nghề* trong xã hội.

*2. Đặt câu với mỗi từ sau đây : *cần cù, tháo vát.*

Tìm một số *từ trái nghĩa* với mỗi từ trên.

3. Điền từ thích hợp vào những câu sau đây :

(Từ cần điền : *vẻ vang, quai, nghề, phần, làm)*

– Tay... hàm nhai, tay... miệng trễ.

– Có... thì mới có ăn,

Không dưng ai dễ đem... đến cho.

– Lao động là...

– Biết nhiều..., giỏi một nghề.

**Em hiểu ý nghĩa câu cuối như thế nào ?

TIẾT 26

TỪ TRÁI NGHĨA

I - Bài đọc

Ngọt bùi nhớ lúc *đắng cay*
Ra sông nhớ suối, có *ngày* nhớ *đêm*.
... Đời ta gương *vỡ* lại *lành*
Cây khô cây lại đâm cành nở hoa.

Đắng cay nay mới *ngọt bùi*
Đường đi muôn dặm đã ngời mai sau...

(Tố Hữu)

Nơi hầm *tối* lại là nơi *sáng* nhất
Nơi con nhìn ra sức mạnh Việt Nam.

(Dương Hương Ly)

Hãy so sánh và nhận xét quan hệ về *nghĩa* giữa những từ in nghiêng trong đoạn thơ được xếp thành các nhóm sau đây :

ngọt bùi/đắng cay

ngày/đêm

vỡ/lành

tối/sáng

truongxua.vn

II - Bài học

1. Trong tiếng Việt, những từ có nghĩa trái ngược nhau được gọi là *từ trái nghĩa*.

Ví dụ : - *Ngày* nắng *đêm* mưa
- *Lên* thác *xuống* ghềnh
- Tuổi *nhỏ* chí *lớn*.

2. Một từ có thể có *nhiều từ trái nghĩa* với nó tùy theo cách dùng từ đó trong từng lời nói (hoặc câu văn) khác nhau.

Ví dụ : - Quả bưởi này *ngọt*, quả bưởi kia *chua*.

– Bát canh *nhạt* quá, cho thêm mì chính (bột ngọt) vào cho *ngọt*.

– Tối nay liên hoan *ngọt* hay liên hoan *mặn* ?

– Chị ấy lúc nói *ngọt*, lúc nói *xẵng*.

III – Luyện tập

1. Em hãy tìm những cặp *từ trái nghĩa* trong các câu tục ngữ, ca dao sau :

– Lá lành đùm lá rách.
– Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết.
– Chết đứng còn hơn sống quỳ.
– Chết vinh còn hơn sống nhục.
– Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng.
– Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.
– Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,
Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người.

2. Điền *từ trái nghĩa* thích hợp vào các quán ngữ và thành ngữ sau đây :

– Đi... về *xuôi*.	– Việc... nghĩa *lớn*.
– Sáng *nắng* chiều...	– Chân *cứng* đá...
– Kẻ *ở* người...	– *Hẹp* nhà... bụng.
– Đất *thấp* trời...	– Nói *trước* quên...

*3. Tìm một số *từ trái nghĩa* với mỗi từ sau : *đầu, đứng*. Đặt câu với mỗi cặp từ trái nghĩa đó.

TIẾT 27

CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC TA

I – Từ ngữ

– Kinh (Việt), Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao, Hmông, Ba-na, Ê-đê, Chăm, Khơ-me...

thuongmaitr

(H.1) Một số dân tộc trên đất nước ta

uongxua.vn

– vùng cao, bản (buôn), nương, rẫy, ruộng bậc thang, nhà sàn, lán, rựa, súng kíp.

– đi rừng, làm nương, phát rẫy, khai hoang ; đi săn, bẫy thú ; thổ, gùi, cõng, địu.

II – Luyện tập

A – Giải nghĩa từ

1. Em hãy chỉ trên bản đồ Việt Nam (H.1) những vùng chủ yếu mà dân tộc Kinh (Việt), hoặc Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao, Hmông, Ba-na, Ê-đê, Chăm, Khơ-me,... sinh sống.

2. *Bản* và *buôn* đều chỉ *làng* của các dân tộc anh em ở miền núi : *bản* là làng của các dân tộc anh em vùng nào ? *Buôn* là làng của các dân tộc anh em vùng nào ?

3. Ruộng đất ở vùng đồi núi nói chung được gọi là gì ? *Rẫy* là gì ? (*Từ ngữ lớp 4*) *Ruộng bậc thang* là ruộng như thế nào ? (H.2)

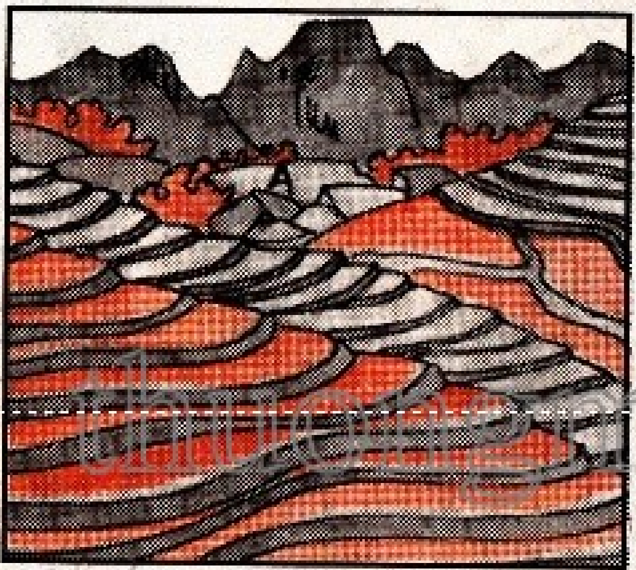

(H.2) Ruộng bậc thang

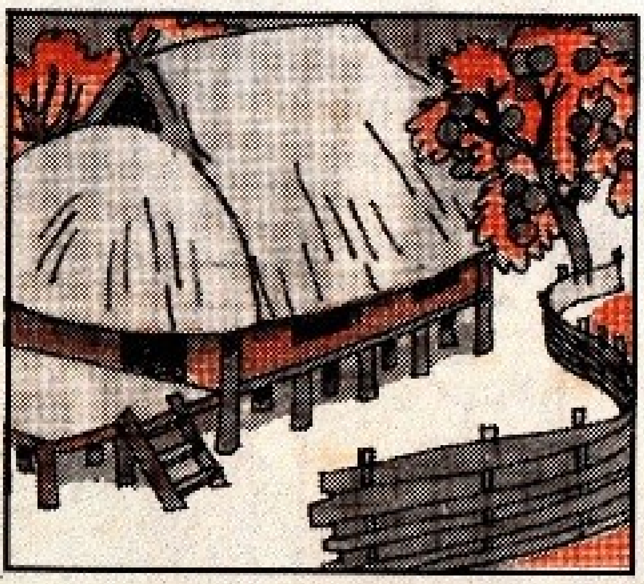

Nhà sàn

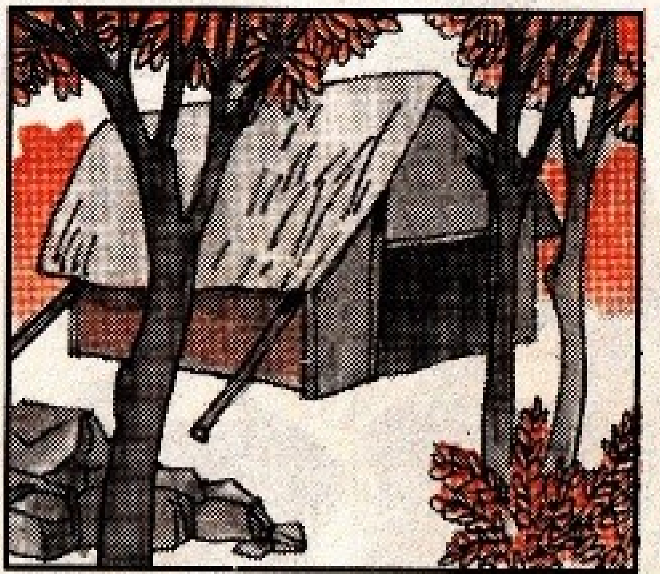

Lán

(H.3)

4. *Nhà sàn* và *lán* khác nhau ra sao ? (H.3)

5. *Rựa* là loại dao như thế nào ? Dùng để làm gì ? *Súng kíp* (loại súng cổ, thô sơ của đồng bào miền núi) thường dùng để làm gì ? (H.4)

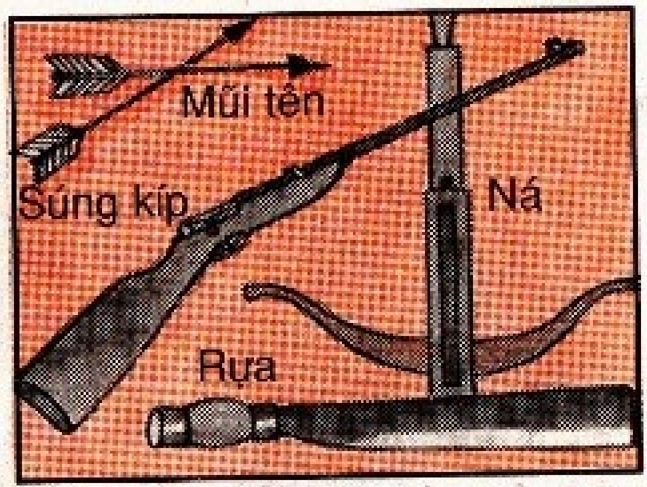

(H.4)

B – Luyện từ

1. *Dùng từ đặt câu :* Em hãy dùng một số từ ngữ (6 từ ngữ trở lên) trong mục I để đặt câu (khoảng từ 6 đến 8 câu) nói về một vấn đề thích hợp do em tự chọn hoặc viết thành một đoạn văn ngắn mạch lạc (dựa vào các bài tập đọc nói về các *dân tộc anh em* ở miền núi mà em đã học để viết – tham khảo thêm bài *Làng Dao Suối Lìn*).

*2. *Điền từ thích hợp* vào đoạn văn sau đây :

LÀNG DAO SUỐI LÌN

uongxua.vn

Làng Dao Suối Lìn ngày nay vẫn ở trong núi sâu nhưng xe hơi vào được tận... mọi nhà. Bà con tự đắp lấy con đường lớn để mang cái... vào tận các bếp và đưa cái... của mình đi các nơi để góp phần xây dựng đất nước.

Đồng bào ở đây, gần hai mươi năm... đã biến đổi hoang thành... màu mỡ, thành đồng cỏ... và thành những rừng... Rừng móc, rừng chè, rừng sa nhân xanh...

Ban đêm, Suối Lìn... ánh điện thì ban ngày... màu hoa : hoa đào, hoa mận, cúc, thược dược, lay-ơn... mùa nào hoa ấy.

(Đặng Quang Tình)

(Các từ ngữ cần điền : *cây công nghiệp, ruộng bậc thang, văn minh, ngõ, giàu có, rực rỡ, tưng bừng, mườn mượt, chăn nuôi, định cư*)

3. Ghép các *danh từ thích hợp* vào chỗ trống cuối mỗi từ sau đây : thổ... gùi... cõng... địu... (H.5). (Các từ cần ghép : *nước, hàng, con, bắp*)

Thồ ...

Gùi ...

Cõng ...

Địu ...

TIẾT 28

TỪ CÙNG ÂM KHÁC NGHĨA

I – Quan sát tranh

Trong (H.1) từ chỉ tên con vật là gì ? Từ chỉ tên đồ vật là gì ? Từ chỉ tên con vật và từ chỉ tên đồ vật có giống nhau về nghĩa không ?

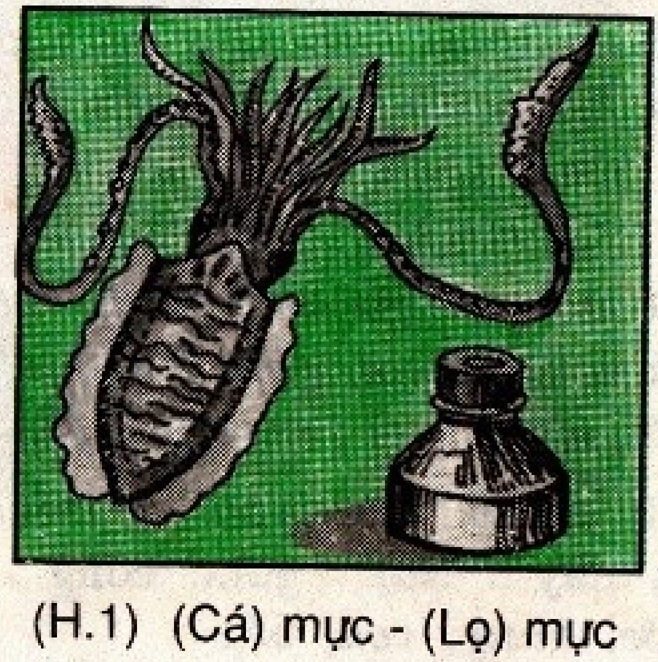

(H.1) (Cá) mực - (Lọ) mực

II - Bài học

1. Trong tiếng Việt, những từ đọc giống nhau nhưng nghĩa khác nhau thường được gọi là *từ cùng âm khác nghĩa*.

Ví dụ :

Chúng ta ngồi vào *bàn* để *bàn* công việc.

2. Muốn nắm được nghĩa của các từ cùng âm khác nghĩa, cần đặt các từ đó vào trong *lời nói* hoặc *câu văn* cụ thể.

Ví dụ :

Ngoài suối, tiếng chim *cuốc* vọng vào đều đều... Bản làng đã thức giấc. Mấy anh thanh niên hối hả vác *cuốc* lên nương. (H.2)

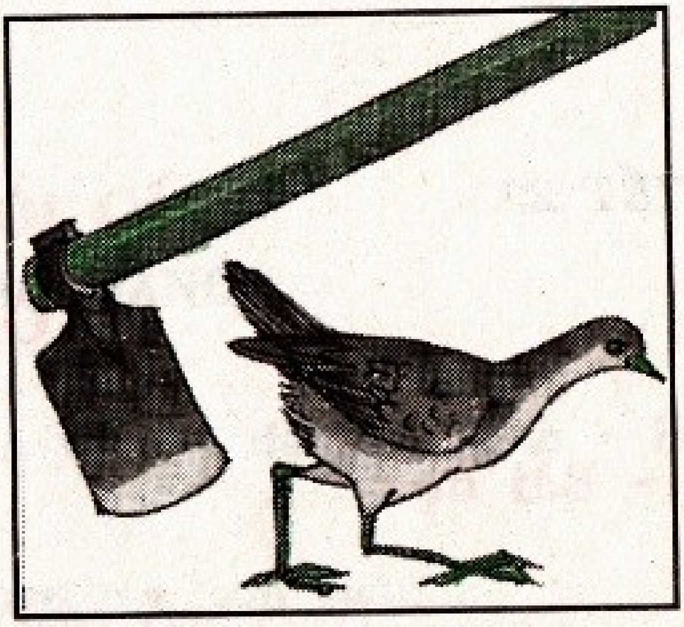

(H.2) Chim cuốc - Cái cuốc

III - Luyện tập

tongxua.vn

1. Em hãy tìm những từ *cùng âm khác nghĩa* trong những câu sau đây và cho biết nghĩa của mỗi từ :

- Bác bác trứng.
- Tôi tôi vôi.
- Bà ta đang la con la.
- Mẹ tôi trút giá vào rổ rồi để lên giá bếp.
- Anh thanh niên hỏi giá chiếc áo len treo trên giá.

2. Tìm 3 cặp từ cùng âm khác nghĩa (danh từ, động từ, tính từ) và đặt câu với mỗi từ đó.

*3. *Câu đố vui*

a) Đố em biết câu sau đây viết có đúng ngữ pháp không ?

Con ngựa đá con ngựa đá.

b) Cây gì ?

Hai cây cùng có một tên,
Cây xòe mặt nước, cây lên chiến trường.

Cây này bảo vệ quê hương,
Cây kia hoa nở ngát thơm mặt hồ.

(Lê Như Sâm)

(Giải được câu đố b, em sẽ có từ cùng âm khác nghĩa)

TIẾT 29

ÔN TẬP

I – Bài đọc

TỔ QUỐC VIỆT NAM

Ôi Tổ quốc, vinh quang Tổ quốc !
Ngàn muôn năm dân tộc ta ơi !
Việt Nam anh dũng sáng ngời
Ánh gươm độc lập giữa trời soi chung.
Hỡi ai kiếp bần cùng nô lệ
Hãy đứng lên mà bẻ xiềng gông !
Tự do đã nở hoa hồng
Trong dòng máu đỏ, trên đồng Việt Nam.

Tố Hữu

II – Bài tập

1. Em hãy đọc diễn cảm đoạn thơ trên.

2. Tìm những từ *gần nghĩa* và *trái nghĩa* trong đoạn thơ.

3. Tìm từ *cùng nghĩa* (hoặc *gần nghĩa*) và từ *trái nghĩa* với các từ : vinh quang, anh dũng, sáng ngời, bần cùng, nô lệ.

4. Em hãy nêu một số từ ngữ trong đoạn thơ trên đã được tác giả dùng theo *nghĩa bóng*. Em hiểu ý nghĩa của mỗi từ đó như thế nào ?

*5. Đặt câu với mỗi từ sau đây : *ngàn, năm* (trong mỗi câu, mỗi từ được dùng theo các nghĩa khác nhau của từ đó mà em biết).

TIẾT 30

ÔN TẬP CUỐI CẤP

GIA ĐÌNH – HỌ HÀNG

1. Ôn lại một số từ ngữ cơ bản về chủ đề "Gia đình – Họ hàng" đã học.

a) ***Danh từ*** : tổ tiên, ông bà, cha mẹ, con cháu...
họ nội, họ ngoại, chú, bác, cô, dì...

b) ***Động từ*** : kính mến, thương yêu, đùm bọc, nhường nhịn, đỡ đần...

truongxua.vn

c) ***Tính từ*** : thân thiết, ruột thịt, hòa thuận, hiếu thảo, nết na...

d) ***Quán ngữ, thành ngữ*** : mang nặng đẻ đau, trên kính dưới nhường, như môi với răng, khúc ruột trên khúc ruột dưới...

* Em hãy nêu thêm một số từ ngữ cùng chủ đề mà em biết để bổ sung vào các mục ở trên.

2. Với những từ ngữ về chủ đề "Gia đình – Họ hàng" đã ôn lại, em hãy viết *một đoạn văn ngắn* (khoảng từ 8 đến 10 câu) về một nội dung cụ thể do em tự chọn.

3. Điền thêm cho hoàn chỉnh những câu *tục ngữ* sau đây :

– Máu chảy...
– ... răng lạnh
– Lá lành...
– ... như thể tay chân.
– Ăn quả...
– Sẩy cha còn chú... bú dì.

NGỮ PHÁP

TIẾT 18

CÂU GHÉP ĐẲNG LẬP

I – Bài học

A – Ví dụ

1. Nước/mát rượi và Thanh/cúi nhìn bóng mình trong lòng bể.

2. Bố/đi công tác, mẹ/đi chợ, hai chị em Dung/chơi với nhau trong nhà.

3. Sấm chớp ầm ầm nhưng trời không mưa.

– Những câu ghép trên có mấy vế câu ?

– Ý của các vế câu có phụ thuộc vào nhau không ?

– Giữa các vế câu ghép có từ chỉ quan hệ hoặc dấu câu nào ?

B – Những câu ghép có từ hai vế câu trở lên, mỗi vế câu diễn đạt một ý không phụ thuộc vào nhau, giữa các vế câu có một từ chỉ quan hệ hoặc một dấu phẩy hay dấu hai chấm... là *câu ghép đẳng lập*.

– Những từ chỉ quan hệ thường dùng trong câu ghép đẳng lập :

+ từ *và* gắn các vế câu liệt kê nhiều sự việc cùng diễn ra trong một thời gian hay ở một địa điểm.

+ từ *rồi* gắn các vế câu nêu nhiều sự việc kế tiếp nhau theo trình tự thời gian.

+ từ *còn* gắn các vế câu nêu nhiều sự việc đối chiếu nhau.

+ từ *nhưng* (hoặc *song*) gắn các vế câu nêu nhiều sự việc đối lập nhau.

thuongmaitr

GHI NHỚ

Câu ghép đẳng lập có hai vế câu trở lên, mỗi vế câu diễn đạt một ý không phụ thuộc vào nhau, giữa các vế câu có từ chỉ quan hệ hoặc dấu phẩy, dấu hai chấm... ngăn cách.

Các từ chỉ quan hệ thường dùng trong câu ghép đẳng lập : *và* (liệt kê sự việc) ; *rồi* (sự việc nối tiếp nhau) ; *còn* (đối chiếu sự việc) ; *nhưng, song* (ý đối lập) ; v.v...

II - Luyện tập

A - Ở lớp

1.a) Câu ghép đẳng lập sau có mấy vế câu ? Em hãy xác định bộ phận chính (C–V) của từng vế câu :

- Mẹ em/là giáo viên còn bố em/là công nhân.
- Em/học bài và làm bài đầy đủ rồi em mới đi chơi.

b) Các vế câu ghép trên gắn với nhau bằng từ chỉ quan hệ nào ?

tuongxua.vn

2. Thêm một vế câu vào chỗ trống để tạo thành những câu ghép đẳng lập :

a) Gió vẫn thổi mạnh và.. mưa như trút nước

b) Chiều chủ nhật, em đi xem đá bóng còn.. chị đi siêu thị

3. Điền từ chỉ quan hệ thích hợp vào chỗ trống để gắn các vế câu của những câu ghép đẳng lập sau :

a) Gia đình bạn Huệ có nhiều khó khăn... (nhưng) bạn ấy vẫn học rất giỏi.

b) Sáng nào, chị Mai cũng đưa em tới trường... (rồi) chị ấy mới đi làm.

B - Ở nhà

1. Ghép một vế câu (cột A) với một vế câu (cột B) để tạo thành câu ghép đẳng lập. Em hãy thêm từ chỉ quan hệ thích hợp để gắn các vế câu ghép đó.